Ngày soạn: 12/8/2019

Ngày dạy:

### **ĐỊA LÍ DÂN CƯ**

### ***TUẦN:1 - TIẾT 1* Bài:1**

###### CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Biết được nước ta có 54 dân tộc.Dân tộc kinh có số dân đông nhất. Các dân tộc ở nước ta luôn đoàn kết bên nhau trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

-Biết được tình hình phân bố các dân tộc ở nước ta.

2.Kĩ năng

-Xác định được trên bản đồ vùng phân bố chủ yếu của một số dân tộc.

3. Thái độ:

-Giáo dục HS tinh thần tôn trọng, đoàn kết các dân tộcViệt Nam.

4. Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, n¨ng lùc tù häc , n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp...

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ....

4.2- - Phẩm chất:Yêu quê hương đất nước,bồi dưỡng tinh thần đoàn kết dân tộc...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

-Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam.

-Tranh ảnh một số dân tộcViệt Nam

2.HS: vở ghi, SGK...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học dự án, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : **GV kiểm tra sách vở của HS cho môn Địa lí**

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

GV cho cả lớp hát một bài hát về đất nước Việt Nam để khởi động vào bài

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục 1***  ***Phương pháp: dạy học dự án***  ***Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày 1 phút***  *GV cho HS báo cáo dự án tìm hiểu bài ở nhà từ trước bằng cách cho HS trả lời nhanh các câu hỏi sau:*  *? Với sự hiểu biết của bản thân em hãy cho biết nước ta có bao nhiêu dân tộc. kể tên các dân tộc mà em biết?*  GV: Treo tranh các dân tộc Việt Nam đồng thời thuyết minh về các ngữ hệ.  *? Sự khác biệt trong những nét văn hoá cúa các dân tộc được thể hiện ở những điểm nào?*  *?Em hãy trình bày vài nét đặc sắc về dân tộc của bản thân em?*  *HS trả lời*  Quan sát H1.1 SGK cho biết  ? *Trong các dân tộc Việt Nam, dân tộc nào có số dân đông nhất ? Chiếm tỉ lệ bao nhiêu?*  **(Thảo luận nhóm 3 phút)**  ? *Phân tích những thuận lợi và khó khăn do nước ta có nhiều thành phần dân tộc****.?***  ? *Hãy kể tên một số sản phẩm thủ công tiêu biểu của các dân tộc ít người mà em biết ?.*  Dệt thổ cẩm, thêu, làm gốm, bàn ghế trúc..  *(Nâng cao)*  *? Vì sao người Việt định cư ở nước ngoài cũng được coi là một bộ phận của cộ****ng đồng các dân tộcViệt Nam?*** | | **1.CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM**  - Nước ta có 54 dân tộc.  -Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng thể hiện qua ngôn ngữ , trang phục, phương thức sản xuất, các quần cư, phong tục tập quán . . .  - Dân tộc kinh(việt) chiếm 86,2% dân số cả nước.  - Các dân tộc thiểu số chiếm 13,8%  -**Thuận lợi:** Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng thể hiện qua ngôn ngữ , trang phục, các quần cư, phong tục tập quán riêng tạo nên một Việt Nam đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. . . .  Các dân tộc có phương thức, kinh nghiệm sản xuất riêng phù hợp với địa hình, khí hậu, . . . nên khi sống gần nhau họ sẽ học hỏi được những mặt tích cực trong sản xuất . . . .  -**Khó khăn**:Có đa dân tộc, đa phong tục tập quán và đa tín ngưỡng dẽ gây nên sự bất bình trong xã hội . . .  =>vì đa số các kiều bào có lòng yêu nước đang trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần xây dựng đất nước |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục 2***

***Phương pháp: dạy theo dự án***

***Kĩ thuật: trình bày 1 phút***

**2. PHÂN BỐ CÁC DÂN TỘC**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV gọi HS báo cáo nội dung đã tìm hiểu từ trước theo 2 câu hỏi**  **?** Dựa vào vốn hiểu biết của bản thân hãy cho biết  ***Dân tộcViệt (kinh) phân bố chủ yếu ở những khu vực nào? Sống về nghề gì là chủ yếu?***  ?***Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở những khu vực nào? Nghề nghiệp chính của họ là gì?***  *GV cho HS quan sát lược đồ và chỉ cụ thể về sự phân bố đã nêu trên*  ***? Hãy cho biết về sự phân bố và đời sống của đồng bào miền núi có những đổi thay như thế nào trong những năm gần đây?***  **GV**: Hiện nay một số Dân tộc ít người từ miền núi phía bắc vào sinh sống ở Tây Nguyên, nhờ cuộc vận động định canh định cư gắn với xoá đói giảm nghèo mà tình trạng du canh du cư của một số dân tộc ít người đã được hạn chế, đời sống ngày càng được nâng cao, môi trường được cải thiện . . . . | **a. Dân tộckinh:**  -Phân bố chủ yếu ở đồng bằng trung du và duyên hải.  Chủ yếu trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ  **b.Các dân tộc ít người**:  -Có 53 dân tộc, phân bố chủ yếu ở miền núi, cao nguyên và trung du (Trừ người Chăm, người Khơ -me sinh sống ở đồng bằng) Sinh sống bằng trồng cây công nghiệp, Lâm nghiệp, chăn nuôi, khai thác khoáng sản . . .  => Định canh định cư, xoá đói giảm nhèo, xây dựng cơ sở hạ tầng . . . |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

- GV Hướng dẫn HS làm bài tập SGK Tr 6

2.4. Hoạt động vận dụng

( Sử dụng kĩ thuật hỏi chuyên gia)

?Em hãy cho biết mình là dân tộc nào? hãy nêu đặc điểm nét văn hóa của dân tộc mình.

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS vào google tìm đọc các tư liệu về cộng đồng các dân tộc Việt Nam để hiểu hơn nội dung bài học.

- HS tìm đọc, sưu tầm nét đẹp văn hóa các dân tộc

-Chuẩn bị bài 2: + Xem lại kiến thức lớp 7 về dân số và gia tăng dân số

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 12/8/2019 Ngày dạy:

TUẦN: 1 - TIẾT:2

BÀI:2

### **DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ**

**I-MỤC TIÊU :**  Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:- Biết số dân của nước ta (năm 2002)

- Hiểu và trình bày được tình hình gia tăng dân số, nguyên nhân và hậu quả.

- Biết sự thay đổi cơ cấu dân số và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số cả nước ta, nguyên nhân của sự thay đổi.

2.Kĩ năng:- Có kĩ năng phân tích bảng thống kê, một số biểu đồ dân số.

3. Thái độ:- Giáo dục HS ý thức được sự cần thiết phải có qui mô gia đình hợp lý.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, n¨ng lùc tù häc...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ , sử dụng thống kê,năng lực nhận xét,năng lực phân tích, so sánh các số liệu theo hàng ngang và cột dọc,năng lực hợp tác...

4.2- Phẩm chất: bồi dưỡng tinh thần đoàn kết,trung thực, tự trọng chí công vô tư, tự lập , tự tin.

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

- Biểu đồ biến đổi dân số ở nước ta (phóng to theo SGK)

-Tranh ảnh về một số hậu quả của dân số tới môi trường, chất lượng cuộc sống

2.HS: vở ghi, SGK...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi, trình bày một phút....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp dạy học bằng trò chơi**

**GV cho HS thi xem ai chăm học hơn, ai dũng cảm hơn bằng cách cho HS chỉ trên bản đồ treo sẵn trình bày về sự phân bố của các dân tộc Việt Nam?**

Cả lớp đánh giá

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục 1***  ***Phương pháp:dạy học trực quan***  ***Kĩ thuật đặt câu hỏi, thảo luận nhóm***  *? Dựa vào vốn hiểu biết của bản thân và sách GK cho biết số dân của nước ta tính đến năm 2002 là bao nhiêu?*  ? *Em có suy nghĩ gì về thứ hạng diện tích và dân số nước ta so với các nước trên thế giới?*  **GV:**Lưu ý Diện tích nước ta thuộc nước có lãnh thổ trung bình  Dân số thuộc nước loại có dân số đông trên thế giới  GV cập nhật cho HS về số dân hiện nay của nước ta  **(Thảo luận nhóm)**  ***? Dân số đông có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển Kinh tế ở nước ta?***  HS thảo luận-báo cáo | **1.DÂN SỐ**  - 80,9 triệu người (2003),  -Đứng hàng thứ 14 trên thế giới, thứ 3 Đông Nam Á.  -Thuận lợi:+Có nguồn nhân lực dồi dào đáp ứng nhu cầu các ngành .  +Có thị trường tiêu thụ rộng lớn . .  -Khó khăn:+Tạo sức ép lớn đối với việc phát triển kinh tế-xã hội với tài nguyên môi trường và chất lượng cuộc sống |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục 2***

***Phương pháp: dạy học trực quan***

***Kĩ thuật: hỏi đáp cá nhân, trình bày 1 phút***

**2.GIA TĂNG DÂN SỐ**

|  |  |
| --- | --- |
| HS: Đọc thuật ngữ bùng nổ dân số  GV: Treo biểu đồ biến đổi dân số ở nước ta  HS: Quan sát hình 2.1 SGK em hãy:  **? *Nêu nhận xét bùng nổ dân số qua chiều cao của cột dân số.***  ***? Khi nào thì dẫn đến sự bùng nổ Dân số?***  khi Dân số tăng nhanh đột ngột, tỉ lệ gia tăng tự nhiên trên 2,1%  ***? Nhận xét đường biểu diễn tỉ lệ gia tăng tự nhiên có sự thay đổi như thế nào?***  **?** ***Giải thích nguyên nhân về sự thay đổi từng giai đoạn?***  - Từ 1954–1960 tăng nhanh do sau 10 năm nước ta giành được hoà bình độc lập . . . . . .chưa thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình.  - Từ 1960–1965 giảm do chiến tranh và các dịch bệnh .  - Từ 1976–1999 có xu hướng giảm dần, kết quả của việc thực hiện chính sách Dân số kế hoạch hoá gia đình.  ***?Vì sao tỉ lệ gia tăng của dân số giảm?***  ***?Vì sao tỉ lệ gia tăng của dân số giảm nhưng dân số nước ta vẫn tăng nhanh?***  (vì cơ cấu dân số Việt Nam trẻ , số phụ nữ ở tuổi sinh đẻ cao- khoảng 45-50 vạn phụ nữ bước vào tuôỉ sinh đẻ hằng năm)  (Nâng cao)\****Thảo luận nhóm***  ***?Dân số đông và gia tăng nhanh đã gây hậu quả gì?(về Kinh tế, xã hội và môi trường)***  *HS thảo luận-báo cáo bằng trình bày 1 phút*  ***?Dựa vào bảng 2.1hãy xác định các vùng có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất, thấp nhất; các vùng có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao hơn mức trung bình cả nước?*** | -Dân số gia tăng nhanh.  -Hiện tượng ''bùng nổ dân số''bắt đầu từ cuối những năm 50 cho đến những năm cuối thế kỉ XX  -Tốc độ gia tăng thay đổi theo từng giai đoạn.Cao nhất 2% (1954-1960) Từ 1976-2003 có xu hướng giảm dần. Thấp nhất là 1,3% (2003)  -Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm  => khó khăn khi giải quyết các vấn đề:  -Về Kinh tế: vấn đề tiêu dùng lớn hơn tích luỹ;tốc độ phát triển kinh tế;lao động và việc làm  -Về xã hội:vấn đề giáo dục, y tế và chăm sóc sức khoẻ, thu nhập mức sống  -Về Môi trường:hiện tượng đốt rừng làm nương rẫy, khai thác tài nguyên khoáng sản bừa bãi gây ô nhiễm môi trường khai thác quá mức nguồn lợi thuỷ sản làm suy thoái Môi trường..->ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững  -Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có sự khác nhau giữa các vùng  (cao nhất là ở tây Bắc, Tây Nguyên;thấp nhất là ở Đồng bằng sông Hồng, Đông Bắc) |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS mục 3***

***Phương pháp dạy học trực quan***

***Kĩ thuật đặt câu hỏi***

3. CƠ CẤU DÂN SỐ

|  |  |
| --- | --- |
| Dựa vào bảng 2.2  ***? Em có nhận xét gì về cơ cấu dân số nước ta***  ***? vì sao dân số nước ta có cơ cấu trẻ.***  Do những năm trước tỉ lệ số trẻ em cao  **? *Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi thời kỳ 19979 – 1999.***  ***? Nhận xét tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ thời kỳ 19979 – 1999?***  ***? Em có nhận xét gì về*** ***tỉ số giới tính?***  ***? Nguyên nhân nào đã làm cho tỉ số giới tính thay đổi?***  - Do khoa học y tế phát triển,  -Chiến tranh . .  -Công việc lao động . . . . | * Cơ cấu trẻ   a.Sự thay đổi cơ cấu theo nhóm tuổi.  -Từ 0 – 14 tuổi chiếm tỉ lệ cao.  b.sự thay đổi cơ cấu theo giới tính.  -Tỉ số giới tính không cân đối và thường thay đổi theo nhóm tuổi và thời gia. |

2.3. Hoạt động luyện tập

? Phân tích ý nghĩa của sự gia tăng dân số tự nhiên và thay đổi cơ cấu ở nước ta?

? Nêu những hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh?

2.4. Hoạt động vận dụng

?Nếu là nhà chính sách xã hội, em sẽ chỉ ra những vấn đề dân số bức thiết hiện này nước ta cần giải quyết? Giải pháp của em trước những vấn đề đó?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+Vào google tìm kiếm thông tin: dân số và tình hình gia tăng dân số của nước ta

+ Chuẩn bị bài 3

**?** Xen lại công thức tính mật độ dân số (Lớp 7)

**?** Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta? Giải thích**.**

**?** Nêu đặc điểm và chức năng của các loại hình quần cư ở nước ta.

TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO:

TRUYỀN THÔNG VỀ DÂN SỐ VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ

THÀNH NIÊN CHO HỌC SINH LỚP 9

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Hiểu và trình bày đặc điểm dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh

lớp 9.

- Xây dựng được bài truyền thống về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên theo các chủ đề:

+ Các biện pháp phòng tránh thai.

+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS

+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.

+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.

2. Kĩ năng:

- Có kĩ năng để xử lí các tình huống thực tế về dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên.

3. Thái độ:

-Ý thức được sự cần thiết phải có hiểu biết về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: Năng lực tư duy, n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy , sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

*4.2. Phẩm chất*

- Phẩm chất:Trung thực, tự lập , tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng

5. Tích hợp : giáo dục HS vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: các chủ đề về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

2.HS: vở ghi, SGK, máy tính có kết nối In-ter-nét...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi**

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn bằng cách cho HS ghi ra giấy nội dung câu trả lời cho câu hỏi: Dân số nước ta đông và tăng nhanh dẫn đến hậu quả gì?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| *Hoạt động của GV và HS* | *Nội dung cần đạt* |
| -**Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề**  **-Kĩ thuật: chia nhóm, thảo luận nhóm**  **-Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm**  **- Năng lực Tư duy , sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**  **- Phẩm chất:Trung thực, tự lập , tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng**  - GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị:  **“Xây dựng được bài truyền thống về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên theo bốn chủ đề sau:**  **+ Các biện pháp phòng tránh thai.**  **+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS**  **+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.**  **+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.**  GV yêu cầu:  -Về hình thức: HS nộp sản phẩm sáng tạo theo các hình thức tờ rơi hay xây dựng kịch bản và đóng kịch, hay bài thuyết minh.  -Thời gian nghiệm thu và báo cáo: tuần 4 (tiết 7 và 8)  - GV hướng dẫn HS cách làm:  + Cá nhân đọc SGK trải nghiệm lớp 9 với chủ đề**: “ Người truyền thống về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên”**  + Đọc sách báo có liên quan về các chủ đề trên.  + Có thể tra cứu qua mạng Internet bằng các từ khóa theo các từng chủ đề trên  ***- GV hướng dẫn hs tìm hiểu nhiệm vụ cụ thể bằng cách tìm hiểu các thông tin theo từng chủ đề.***  **GV nêu câu hỏi gợi ý cho HS :**  **1.**  Khi nào thì nữ giới có thể mang thai? Có các biện pháp tránh thai nào?  2. Tình trạng mang thai ở tuổi vị thành niên: hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp?  3. Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS: HIV/AIDS là gì? Bệnh lây nhiễm qua các con đường nào? Hậu quả là gì? Giải pháp là gì?  4.Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên: hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp?  5. Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam: hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp?  GV phân nhóm cho HS thời gian phân công nhau công việc | |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

GV hướng dẫn các nhóm đưa ra và lựa chọn ý tưởng cho bài truyền thông của nhóm mình

**2.4. Hoạt động vận dụng**

HS trên cơ sở hướng dẫn của GV bắt đầu lựa chọn, thống nhất ý tưởng thiết kế sản phẩm, rồi phân công nhau công việc cho từng bạn trong nhóm.

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-**HS lên google đánh từ chứa chủ đề mà mình tìm kiếm và cùng nhau hoàn thành sản phẩm của cả nhóm

-HS chuẩn bị bài 3

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

Ngày soạn: 23/8/2019 dạy :

TUẦN 2 - TIẾT 3

###### PHÂN BỐ DÂN CƯ

###### VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Hiểu và trình bày đặc điểm mật độ dân số và phân bố dân cư ở nước ta.

- Biết đặc điển của các loại hình quần cư nông thôn, quần cư thành thị và đô thị hoá ở nước ta.

2. Kĩ năng:

-Biết phân tích lược đồ dân cư và đô thị Việt Nam (năm1999), một số bảng số liệu về dân cư.

3. Thái độ:

-Ý thức được sự cần thiết phải phát triển đô thị trên cơ sở phát triển công nghiệp, bảo vệ môi trường nơi đang sống, chấp hành các chính sách của nhà nước về phân bố dân cư.

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

- Năng lực chung: Năng lực tư duy, n¨ng lùc tính toán, n¨ng lùc giao tiÕp.....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ....

*4.2. Phẩm chất:* Trung thực, tự lập , tự tin.

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

-Bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.

-Tranh ảnh về nhà ở, một số hình thức quần cư ở Việt Nam.

-Bảng thống kê mật độ dân số một số quốc gia và dân đô thị Việt Nam.

2.HS: vở ghi, SGK...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học dự án...

**-**Kĩ thuật: *trình bày 1 phút*, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động*** Phương pháp dạy học bằng trò chơi: thi ai nhanh hơn

?Kể tên 3 đến 5 tên các thành phố lớn của Việt Nam?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục 1***  ***Phương pháp:đặt và giải quyết vấn đề, trực quan***  ***Kĩ thuật: hỏi đáp cá nhân, trình bày 1 phút***  ***Hình thức: học cá nhân***  ***Năng lực tư duy, tính toán***  ***Phẩm chất trung thực tự tin***  **GV:**+Hướng dẫn cho HS tínhmật độ dân số nước ta  =>80,9 triệu người : 330 991Km2 =246người/Km2  + Ghi lên bảng mật độ các nước  \* Châu Á là 85người/Km2  \* Lào là 25người/Km2  \* Cam Pu Chia là 68 người/Km2  \* Ma Lai Xi a là 75người/Km2  \* Thế giới là 47 người/Km2  ***? Qua các số liệu trên em có nhận xét gì về mật độ Dân số nước ta?.***  ***? Vì sao mật độ dân số nước ta cao?***  ***? So với mật độ dân số Thế giới thì mật độ dân số nước ta cao hơn bao nhiêu lần?(***Gấp 5,2 lần.)  **? *Năm 2003 có mật độ dân số cao hơn năm 1989 là bao nhiêu? Từ đó ta rút ra được điều gì?.***  **Chuyển ý:**  **? *Quan sát hình 3.1 hãy cho biết:***  +Các vùng có mật độ dân số cao?  + Các vùng có mật độ dân số thấp?  ***(9A)?Giải thích nguyên nhân trên?***   * - ở các đồng bằng, ven biển các đô thị có   các điều kiện tự nhiên, Kinh tế, chính trị, xã hội thuận lợi cho sự . . . - Ở miền núi và cao nguyên thì nước lại . . .  **? *Cho biết dân cư nước ta phần lớn sinh sống ở đâu?***   * ***?Giải thích vì sao?*** * **?** ***Dân cư sinh sống nhiều ở vùng nông thôn chứng tỏ rằng nền Kinh tế có trình độ như thế nào?*** * -Thấp, Chậm phát triển . . . * **?** ***Đảng và nhà nước ta đã có những*** * ***Chính* s*ách*  *gì để phân bố lại dân cư*?** | **1.MẬT ĐỘ DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ** **DÂN CƯ** **a.Mật độ dân số:**  - Cao 246 người/km2 (2003)  =>-Do dân số tăng nhanh nhưng diện  tích lãnh thổ không tăng.  -> Mật độ dân số ngày càng tăng.  **b.Phân Bố:**   * +Tập trung đông đúc ở các đồng * bằng, ven biển các đô thị. * +Thưa vắng ở miền núi và cao * nguyên.   => Không đồng đều giữa các vùng các miền, giữa thành thị và nông thôn . .  - Phần lớn sinh sống ở nông thôn chiếm 74%  -Do nước ta xuất phát từ một nền nông nghiệp và hiện nay vẫn là nước nông công nghiệp . . . .  = >tổ chức các cuộc di dân làm kinh tế trên miền núi |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục 2***

***Phương pháp: dạy học theo dự án***

***Kĩ thuật: hỏi đáp cá nhân, trình bày 1 phút***

***Hình thức học cá nhân***

***Năng lực giao tiếp***

***Phẩm chất tự tin***

**2.CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ**

|  |  |
| --- | --- |
| **?\*HS xem khái niệm Quần cư nông thôn và Quần cư thành thị ở bảng thuật ngữ cuối sách địa 9**  **GV yêu cầu HS báo cáo phần dự án đã giao theo các câu hỏi:**  **? *Cho biết sự giống và khác nhau của loại hình của quần cư nông thôn nước ta?***  +Giống nhau.  Hoạt động Kinh tế chính là nông, lâm, ngư nghiệp.  +Khác nhau.  Về quy mô và tên gọi  **? *Theo em thì hiện nay quần cư nông thôn đã có sự thay đổi gì.***  -Cơ sở hạ tầng( Điện . . . . . . . diện mạo làng quê)  -Nhà cửa, lối sống, số người sống phi nông nghiệp . .  **? *Quần cư thành thị của nước ta có đặc điểm gì?***  **? *So sánh về sự hoạt động về Kinh tế và cách thức bố trí nhà ở gữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị có điểm gì khác nhau?***  **? *Quan sát H3.1 hãy nhận xét về sự phân bố các đô thị ở nước ta? Giải thích hiện tượng đó?***  (Căn cứ vào các yếu tố:  +Vị trí + Các điều kiện tự nhiên  + Các điều kiện Kinh tế–xã hội | **a. Quần cư nông thôn.**  -Là điểm dân cư ở nông thôn với quy mô dân số, tên gọi khác nhau hoạt động kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp.  => ***hiện nay quần cư nông thôn đã có sự thay đổi***  **b. Quần cư thành thị**  -Qui mô vừa và nhỏ.  -Hoạt động kinh tế công nghiệp, dịch vụ, trung tâm Kinh tế, chính trị, văn hoá.  -Tập trung chủ yếu ở đồng bằng, ven biển, đang có xu hướng mở rộng |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS mục 3***

***Phương pháp trực quan***

***Kĩ thuật: hỏi đáp cá nhân***

***Hình thức học cá nhân***

***Năng lực tư duy***

***Phẩm chất trung thực***

**3 . ĐÔ THỊ HOÁ.**

|  |  |
| --- | --- |
| Dựa vào bảng 3.1 tr 13 SGK hãy nhận xét  **? *Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta qua các năm?***  ( Tăng không đều giữa các giai đoạn. Năm 1995-2003 có tốc độ tăng nhanh nhất)  **? *Em có nhận xét gì về tốc độ đô thị hoá ở nước ta.***  **? *Cho biết sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta như thế nào.***  (Thấp Kinh tế nông nghiệp còn chiếm vị trí cao)  **?** ***HS quan sát H3.1SGK,nhận xét về sự phân bố các thành phố lớn ở nước ta?***  **? *Giải thích* v*ì sao các đô thị ở nước ta lại phân bố ở đồng bằng và ven biển*** ?  -Có vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên, Kinh tế- xã hội thuận lợi . . . .  **? *Em hãy lấy ví dụ minh hoạ về việc mở rộng quy mô các thành phố ở nứơc ta***?  Thành Phố Hồ Chí Minh mở rộng về miền tây Nam Bộ, Miền Đông Nam Bộ  **?**  ***Sự tập trung quá đông dân cư ở hai thành phố lớn Thủ dô Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh có những và khó khăn gì?*** | - Số dân thành thị và tỉ lệ dân độ thị tăng liện tục.  - Tốc độ ngày càng cao.  - ***phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta*** có trình độ thấp, quy mô vừa và nhỏ.  - Phân bố ở đồng bằng và ven biển  - Mở rộng quy mô thành phố và lối sống đô thị về nông thôn.  -Khó khăn  + Gây quá tải về cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng  + Gây sức ép cho gải quyết việc làm, an ninh xã hội |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

+ Làm bài tập 1, 2, 3 SGK

**\***So sánh quần cư nông thôn và quần cư đô thị theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quần cư | Nông thôn | Thành thị |
| Mật độ dân số (cao, thấp) |  |  |
| Chức năng |  |  |
| Đặc điểm cư trú |  |  |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Theo em, em có giải pháp nào cho sức ép dân số quá đông ở thành thị?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm đọc các tài liệu để nắm vững đặc điểm về sự phân bố dân cư ở nước ta bằng cách vào google đánh tìm kiếm : đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta.

+Chuẩn bị bài số 4

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 23/8/ 2019

Ngày dạy: /8/

***TUẦN 2-TIẾT:4***

**LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**

###### CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Hiểu được đặc điểm nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta.

- Biết sơ lược về chất lượng sống và việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta.

2. Kĩ năng: -Biết nhận xét biểu đồ.

3. Thái độ: - Giáo dục HS ý thức về sử dụng nguồn lao động một cách hợp lí.

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, n¨ng lùc tù häc ...

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng bản đồ , năng lực phân tích, so sánh các số liệu...

*4.2. Phẩm chất*

-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, vượt khó (trong giải quyết các vấn đề thực tế xã hội đang gặp phải

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

- Các biểu đồ cơ cấu lao động (phóng to theo SGK)

- Các bảng nhóm thống kê về sử dụng lao động.

- Tranh ảnh thể hiện chất lượng và nâng cao cuộc sống.

2.HS: vở ghi, SGK...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động*** Phương pháp dạy học bằng trò chơi: thi ai nhanh hơn

*?Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta ? tại sao có đặc điểm đó?*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục I***  ***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề***  ***Kĩ thuật đặt câu hỏi***  *? Với kiến thức lớp 7 cho biết về độ tuổi lao động?*  Từ 15-55 đối với nữ và 60 đối với nam  *? Dựa vào SGK và sự hiểu biết của bản thân cho biết?*  +*Nguồn lao động của nước ta có những mặt mạnh và những mặt hạn chế nào?*  *? Em có nhận xét về chất lượng của lực lượng lao động ở nước ta. Giải thích?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Nêu những giải pháp nhằm nâng cao lực lượng lao động ?*  ? *Dựa vào biểu đồ H 4.1 SGK/15 nhận xét về sự phân bố lực lượng lao động gữa thành thị và nông thôn .Giải thích nguyên nhân đó?*  **GV:** Độ thị hoá ở nước ta tuy đang phát triển nhưng chưa nhiều so với quy mô về dân số, đồng thời việc phát triển các ngành nghề kinh tế ở thành thị còn hạn chế nên không thu hút được nhiều lao động. Trong khi đó ở nông thôn việc sử dụng máy móc còn ít nên cần nhiều lao động chân tay.  ***? Em có nhận xét về số lao động có việc làm ở nước ta từ năm1991 đến năm 2003?***  ***? Quan sát H4.2 SGK tr 16 nêu nhận xét vềø cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu trong lao động theo ngành ở nước ta?*** | **I.NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ**  **SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**  **1.Nguồn lao động**  -Ưu:Nguồn đông tăng nhanh, trẻ, khéo léo, tiếp thu kĩ thuật nhanh . . .  -Nhược:Thể trạng nhỏ, trình độ lao động thấp không đồng đều, không qua đào tạo nhiều .  =>Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.Nhưng còn kém so với các nước trên thế giới; Hạn chế về thể lực, trình độ tay nghề . . .  -Giải pháp:  +Nâng cao trình độ kiến thức phổ thông  +Đào tạo đa chuyên môn ngành nghề.  +Rèn luyện thể lực, cung cấp dinh dưỡng . . =>-Phân bố chênh lệch thành thị chỉ chiếm 24,2% nông thôn 75,8% vì nước ta là 1 nước nông nghiệp  .  **2.Sử dụng lao động:**  -Số lao động có việc làm ngày càng tăng.  -Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế thay đổi theo hướng tích cực.  + Tăng ở ngành công nghiệp– xây dựng, dịch vụ.  + Giảm ở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. | |

***Hoạt động2 : hướng dẫn HS mục II***

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

II. VẤN ĐỀ VIỆC LÀM

|  |  |
| --- | --- |
| *?Vấn đề việc làm có ý nghĩa như thế nào? (GV hướng HS phân tích theo 2 hướng kinh tế và xã hội)*  ***Kĩ thuật động não***  *? Tại sao nói việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta?* -Do đặc điểm mùa vụ ở nông thôn cũng như sự phát triển nghề còn nhiều hạn chế -Số người bước vào tuổi lao động tăng gần 1 triệu người  -Kinh tế đất nước chưa phát triển . . . ***\*Kĩ thuật khăn phủ bàn****? Để giải quyết việc làm chúng ta cần phải có những giải pháp gì* Các nhóm báo cáo, tranh luận-GV định hướng  **Năng lực hợp tác**  -**Phẩm chất**: **Tự lập, tự tin, vượt khó (trong giải quyết các vấn đề thực tế xã hội đang gặp phải** | **\*Ý nghĩa của việc làm** -Đem lại thu nhập...  -Tạo niềm vui sống có ích, cống hiến... **-Việc Làm là vấn đề gay gắt ở nước ta là do:** +Tỉ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị tương đối cao chiếm 6%.  + Nông thôn: tỉ lệ lao động thừa thời gian: chiếm 22,3% quỹ thời gian  **-Biện pháp**  +Phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng, các miền  + Đa dạng hoá hiện đại hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn.  +Phát tiển hoạt động công nghiệpdịch vụ ở đô thi.  +Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp.  +Xuất khẩu lao động |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS mục III***

***Phương pháp dạy học trực quan***

**Năng lực phân tích, so sánh các số liệu...**

**III.CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| *? Với kiến thức thực tế và bức*  *tranh H4.3 SGK em có nhận xét gì về chất lượng cuộc sống của người dân hiện nay so với những năm trước.?*  *? Em hãy nêu những dẫn chứng về chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng lên.?*  *? Việc nâng cao chất lương cuộc sống ở nước ta còn có những khó khăn gì?*  *\*****Thảo luận nhóm-Năng lực hợp tác***  ?Chất lượng cuộc sống của con người đang bị đặc điểm gì về môi trường đe dọa?chúng ta phải làm gì trước điều đó?  HS báo cáo, Gv định hướng  **Phẩm chất**: **Tự lập, tự tin, vượt khó (trong giải quyết các vấn đề thực tế xã hội đang gặp phải** | -Đời sống người dân đã và đang được nâng lên về mọi mặt (Thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở . .)  + Tỉ lệ biết chữ 90,3%(1999)  + Mức thu nhập bình quân đầu người tăng lên  + Tuổi thọ tăng (70 tuổi)  + Phúc lợi của ngưới dân ngày càng cao hơn.  +Tỉ lệ tự vong, suy dinh dưỡng càng giảm, nhiều dịch bệnh được đẩy lùi.  => Sự chênh lệc cuộc sống giữa các vùng các miền các gia đình, giữa các tầng lớp nhân dân . . ..  =>ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế....  => phải phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, không đánh đổi lợi ích kinh tế mà quên đi việc bảo vệ môi trường |

2.3. Hoạt động luyện tập

+ Làm bài tập SGK

2.4. Hoạt động vận dụng

→Tại sao giải quyết việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+Về nhà học bài cũ

? Để giải quyết việc làm chúng ta cần phải có những giải pháp gì

? Cho biết đặc điểm lao động và việc sử dụng lao động ớ nước ta.

+Chuẩn bị bài thực hành

***Đã kiểm tra, ngày***

***Ngày soạn*** *:27/8/2019* Ngày dạy : ***/9***

TUẦN:3- TIẾT:5

### **BÀI:5**

### **THỰC HÀNH**

**PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ**

# **NĂM 1989 VÀ NĂM 1999**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Biết cách phân tích, so sánh tháp dân số.

-Hiểu được sư thay đổi và xu hướng thay đổi dân so, cơ cấu dân số theo tuổi ở nuớc ta.

- Biết xác lâp được mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi, giữa dân số và phát triển kinh tế-xã hôi của đất nước.

2. Kĩ năng:- HS thực hiện được kĩ năng đọc, phân tích so sánh tháp tuổi.

. Thái độ: Giáo dục HS có nhận thức đúng đắn về các vấn đề của dân số nước ta.

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: năng lực tư duy, n¨ng lùc tù häc n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.....

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng bản đồ , năng lực phân tích, so sánh các số liệu theo hàng ngang và cột dọc,năng lực hợp tác,năng lực thuyết trình báo cáo.

*4.2. Phẩm chất*

-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, vượt khó (trong giải quyết các vấn đề thực tế xã hội đang gặp phải)

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

- Phóng to tháp dân số trong SGK tr18.

**2.HS:** - SGK, SBT, Dụng cụ học tập.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : ***Câu 1***: Tại sao vấn đề việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta.

### - Do đặc điểm mùa vụ ở nông thôn cũng như sự phát triển nghề còn nhiều hạn chế nên . . .

-Ở các thành thị của đất nước tỉ lệ thất nghiệp chiếm tỉ lệ khá cao.

-Số người bước vào tuổi lao động tăng gần 1 triệu/ năm

***Câu 2***: Để giải quyết vấn đề việc làm theo em cần phải có những giải pháp nào?

- Đa dạng hoá hiện đại hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn. . . . . .

-Phát triển hoạt động công nghiệp dịch vụ ở đô thị.

-Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp.

- Xuất khẩu lao động .. . .

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** *GV cho HS chơi 1 trò chơi vận động tạo không khí vui vẻ trước khi vào nội dung bài học (Trò Hãy làm theo lời tôi nói)*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức*1.Ổn định tổ chức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS làm bài tập 1***  ***Phương pháp dạy học trực quan, luyện tập thực hành***  ***?***  **Bài tập 1:**  \*GV đưa ra khái niệm “tỉ lệ dân số phụ thuộc”là tỉ số giữa người chưa đến tuổi và quá tuổi lao động, với những nguời đang trong tuổi lao động của dân cư của 1 vùng, 1 nước  ***?Hãy xác định yêu cầu đề bài?***  ***HS:Quan sát hình 5.1 hãy phân tích và so sánh hai tháp tuổi về các mặt?***  -Hình dạng tháp tuổi:  -Cơ cấu theo độ tuổi  -Tỉ lệ dân số phụ thuộc  **HS làm việc nhóm theo bàn**  **Năng lực hợp tác, phân tích, so sánh các số liệu theo hàng ngang và cột dọc**  GV gợi ý HS làm: hoàn thành bảng bên  HS báo cáo  HS khác nhận xét-GV chốt  ? Nói :Tỉ số phụ thuộc của nước ta năm 1986 là 86 nghĩa là gì?  ***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS làm bài tập 2***  ***Phương pháp: luyện tập thực hành***  **Bài tập 2:**  ***Kĩ thuật động não***  ? *Nhận xét về sự thay đổi của cơ cấu theo độ tuổi của nước ta. Giải thích nguyên nhân.?*  Cơ cấu Dân số nước ta từ 1989-1999 có sự thay đổi từ Dân số trẻ sang Dân số già (có tỉ lệ người lao động và hết tuổi lao động cao) và có xu hướng tích cực do thành phần phụ thuộc phải nuôi dưỡng đã giảm bớt gánh nặng cho xã hội  -GV hướng dẫn **HS hoạt động cá nhân**  ***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS làm bài tập 3***  ***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề***  **\*Thảo luận nhóm**  **?** ***Cơ cấu theo độ tuổi của nước ta có những thuận lợi khó khăn gì cho phát triển kinh tế-xã hội***    ***? Chúng ta cần phải có những biện pháp nào để từng bước khắc phục những khó khăn trên?***  -HS làm việc nhóm-báo cáo trước lớp  GV chốt chuẩn  **-Năng lực tư duy, hợp tác, thuyết trình, báo cáo**  **-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, vượt khó (trong giải quyết các vấn đề thực tế xã hội đang gặp phải)** | **Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | yếu tố  Năm | Hình dạng | Nhóm tuổi  0-14 15-59 >60 | Tỉ số phụ thuộc | | 1989 | Đỉnh nhọn, đáy rộng, | 39 53,8 7,2 | 86 | | 1999 | Đỉnh nhọn, chân rộng đáy thu hẹp hơn | 33,5 58,4 8,1 |  |   =>Tỉ số phụ thuộc của nước ta năm 1986 là 86 người có nghĩa là cứ 100 người trong độ tuổi lao động phải nuôi 86 người . . .  **Bài tập 2:**  **\* Nhận xét:**  - sau 10 năm tỉ lệ  + Nhóm tuổi 0-14 tuổi đã giảm xuống từ 39% ->33,5%  + Nhóm tuổi trên 60 tuổi tăng từ 7,2% -> 8,1%  + Nhóm tuổi lao động tăng lên từ 53,8% -> 58,4%  **\* Nguyên nhân:**  - Do chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện, chế độ dinh dưỡng và tinh thần cao hơn trước  - Điều kiện y tế vệ sinh chăm sóc sức khoẻ cao hơn  - ý thức kế hoạch hóa gia đình cao hơn  -Do số thanh thiếu niên trưởng thành trong hoà bình không phải ra chiến trường . .. .  **Bài tập 3:**  -Những thuận lợi khó khăn cho phát triển kinh tế-xã hội  + Thuận lợi:  .Đảm bảo có nguồn lao động dồi dào cho việc phát triển Kinh tế của đất nước  .Thị trường tiêu thụ mạnh  + Khó khăn:  .Gây sức ép cho vấn đề giải quyết việc làm, các công trình công cộng và nhu cầu ngày càng cao của nhân dân  .Tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm nặng  **- Những biện pháp:**  + Có kế hoạch đào tạo hợp lí, tổ chức hướng nghiệp dạy nghề  + Phân bố lại lực lượng lao động một cách hợp lí  + Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mở mang nhiều khu công nghiệp nhà máy.  + Kêu gọi sự đầu tư trong và ngoài nước.  + Xuất khẩu lao động sang các nước tiên tiến . . |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

**-**HS hoàn thành các bài luyện tập vào vở.

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Em hãy giải thích tỉ lệ phụ thuộc trong cơ cấu Dân số nước ta trong năm 1999 là 71,2 có nghĩa là gì?

LUYỆN TẬP TỪ BÀI 1→ 5

Tìm những số sau đây có liên quan đến dân cư nước ta và cho biết nội dung của các con số đó: 54 – 45 – 86 – 68 -79, 7-79, 9-14-1, 43 – 246 - 264 –74 – 26 - 29 –31-15

Ví dụ: 54 : nước ta có 54 dân tộc

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Học bài theo câu hỏi cuối SGK

-Về chuẩn bị bài 6 theo các câu hỏi trong sách

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 27/9/2019

dạy: /9 TUẦN: 3- TIẾT 6

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

TRUYỀN THÔNG VỀ DÂN SỐ VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN

VỊ THÀNH NIÊN CHO HỌC SINH LỚP 9

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Hiểu và trình bày đặc điểm dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh

lớp 9.

- Xây dựng được bài truyền thống về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên theo các chủ đề:

+ Các biện pháp phòng tránh thai.

+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS

+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.

+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.

2. Kĩ năng:

- Có kĩ năng để xử lí các tình huống thực tế về dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên.

3. Thái độ:

-Ý thức được sự cần thiết phải có hiểu biết về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: Năng lực tư duy, n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy , sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

*4.2. Phẩm chất*

- Phẩm chất:Trung thực, tự lập , tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng

5. Tích hợp : giáo dục HS vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: các chủ đề về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

2.HS: vở ghi, SGK, máy tính có kết nối In-ter-nét...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: trình bày một phút, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động* GV cho cả lớp hát một bài tạo không khí vui vẻ**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến***

|  |  |
| --- | --- |
| *Hoạt động của GV và HS* | *Nội dung cần đạt* |
| -**Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề**  - GV cho các nhóm xem lại sản phẩm của nhóm mình và yêu cầu 3 nhóm bốc thăm để sắp xếp thứ tự trình bày  **Ba chủ đề sau:**  **\*Nhóm 1**  **+ Các biện pháp phòng tránh thai.**  **+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.**  **\*Nhóm 2+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS**  **\*Nhóm 3+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.**  GV giao mỗi nhóm có 7 phút báo cáo  Sau khi cả 3 nhóm báo cáo, Gv tổ chức cho HS các nhóm nhận xét và hỏi đáp nhau các vấn đề còn nhiều thắc mắc về các vấn đề đã làm  **- Năng lực Tư duy , hîp t¸c, giao tiÕp, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**  **- Phẩm chất: tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng** | |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

-GV cho HS chấm điểm chéo các nhóm

**2.4. Hoạt động vận dụng**

-GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn nêu những điều mà em thu hoạch được sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo truyền thông về dân số...

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-**HS chuẩn bị bài 6

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Ngày soạn: 5/9/2019

dạy: /9 TUẦN: 4 TIẾT 7

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

TRUYỀN THÔNG VỀ DÂN SỐ VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN

VỊ THÀNH NIÊN CHO HỌC SINH LỚP 9

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Hiểu và trình bày đặc điểm dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh

lớp 9.

- Xây dựng được bài truyền thống về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên theo các chủ đề:

+ Các biện pháp phòng tránh thai.

+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS

+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.

+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.

2. Kĩ năng:

- Có kĩ năng để xử lí các tình huống thực tế về dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên.

3. Thái độ:

-Ý thức được sự cần thiết phải có hiểu biết về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

4. Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: Năng lực tư duy, n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy , sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

*4.2. Phẩm chất*

- Phẩm chất:Trung thực, tự lập , tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng

5. Tích hợp : giáo dục HS vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: các chủ đề về vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên

2.HS: vở ghi, SGK, máy tính có kết nối In-ter-nét...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: trình bày một phút, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động* GV cho cả lớp hát một bài tạo không khí vui vẻ**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến***

|  |  |
| --- | --- |
| *Hoạt động của GV và HS* | *Nội dung cần đạt* |
| -**Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề**  - GV cho các nhóm xem lại sản phẩm của nhóm mình và yêu cầu 3 nhóm bốc thăm để sắp xếp thứ tự trình bày  **Ba chủ đề sau:**  **\*Nhóm 1**  **+ Các biện pháp phòng tránh thai.**  **+Tình trạng mang thai, phá thai ở độ tuổi vị thành niên.**  **\*Nhóm 2+Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS**  **\*Nhóm 3+Tình trạng buôn bán trẻ em gái ở Việt Nam.**  GV giao mỗi nhóm có 7 phút báo cáo  Sau khi cả 3 nhóm báo cáo, Gv tổ chức cho HS các nhóm nhận xét và hỏi đáp nhau các vấn đề còn nhiều thắc mắc về các vấn đề đã làm  **- Năng lực Tư duy , hîp t¸c, giao tiÕp, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**  **- Phẩm chất: tự tin, có ý thức trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng** | |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

-GV cho HS chấm điểm chéo các nhóm

**2.4. Hoạt động vận dụng**

-GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn nêu những điều mà em thu hoạch được sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo truyền thông về dân số...

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-**HS chuẩn bị bài 6

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 5/9/2019

dạy: /9 TUẦN: 4- TIẾT 8

## ĐỊA LÝ KINH TẾ

**SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

(không dạy mục I)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Biết về quá trình phát triển kinh tế nước ta trong những thập kỉ gần đây.

-Hiểu được xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những thành tựu và những khó khăn trong quá trình phát triển.

2. Kĩ năng:

-HS thực hiện được kĩ năng phân tích biểu đồ về quá trình diễn biến của hiện tượng địa lý (ở đây là sự diễn biến về tỉ trọng các ngành kinh tế trong cơ cấu GDP) Và kĩ năng đọc bản đồ

3. Thái độ: giáo dục HS có ý thức: đánh giá đúng giá trị của những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được sau 20 năm đổi mới

4.Năng lực, phẩm chất:

*4.1. Năng lực*

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, n¨ng lùc tù häc, n¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng bản đồ , năng lực phân tích, so sánh các số liệu...

*4.2. Phẩm chất*

-Phẩm chất: yêu đất nước

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1,GV

-Bản đồ hành chính Việt Nam.

-Biểu đồ về sự chuyển dịch cơ cấu GDP từ 1991 đến năm 2002 (vẽ trên khổ giấy lớn.)

-Một số hình ảnh phản ánh thành tựu về phát triển kinh tế của nước ta trong quá trình đổi mới

2.HS:vở ghi, SGK

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : *GV kiểm tra việc viết thu hoạch sau tiết báo cáo trải nghiệm của HS*

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** *GV cho HS hát một bài về đất nước để tạo không khí vui tươi cho tiết học*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục I***  ***Phương pháp: dạy học theo dự án***  ***Kĩ thuật: trình bày một phút***  GV yêu cầu HS nêu ngắn gọn nọi dung chính của phần I (theo phần đã chuẩn bị ở nhà  GV nói ngắn gọn  HS nghe | **I.NỀN KINH TẾ NƯỚC TA TRƯỚC THỜI KÌ ĐỔI MỚI**  - Gặp nhiều khó khăn, nền Kinh tế khủng khoảng kéo dài, tình trạng lạm phát cao, mức tăng trưởng kinh tế thấp, sản xuất trì trệ |

**Chuyển ý:** Trong hoàn cảnh nền kinh tế còn bộc lộ nhiều tồn tại và những yếu kém , ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tếvà đời sống nhân dân . Đại hội VI của Đảng là mốc lịch sử quan trọng trên con đường đổi mới toàn diện ở nước ta. Tong đó có sự đổi mới về kinh tế. Vậy nền kinh tế nước ta thời kỳ đổi mới có sự thay đổi như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu trong mục II

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục II***

**II. NỀN KINH TẾ NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân  ***Phương pháp dạy học trực quan***  ? *Dựa vào hình 6.1 hãy phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta?*  *HS quan sát biểu đồ nhận xét*  **Năng lực phân tích, so sánh các số liệu**  Dựa vào hình 6.2 hãy cho biết :  ? *Nước ta có mấy vùng kinh tế?Kể tên các vùng kinh tế đó*  *?Vùng kinh tế nào không giáp biển?(*Tây Nguyên)  HS: Quan sát và cho biết.  *? Nước ta có mấy vùng kinh tế trọng điểm ? Phân bố ở đâu? Thuộc những tỉnh nào?*  ***Năng lực sử dụng bản đồ***  *GV hướng dẫn HS tìm tư liệu về 3 vùng kinh tế trọng điểm trong SGK*  -HS: Đọc thuật ngữ vùng kinh tế trọng điểm=>tìm và đọc tên  ***Kĩ thuật động não***  *? Cho ví dụ chứng minh về vùng kinh tế trọng điểm có sự* *tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế-xã hội các vùng kinh tế lân cận?*  HS :Ví dụ Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam tác động đến vùng kinh tế Tây nguyên . . . . .  ? *Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần Kinh tế nước ta được thể hiện như thế nào?*  *?Tác dụng?* | 1.Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế  A. *Chuyển dịch cơ cấu ngành*:  +Ngành nông, lâm , ngư nghiệp có xu hướng giảm tỉ trọng  +Ngành công nghiệp-xây dựng có xu hướng tăng tỉ trọng  +Tỉ trọng ngành dịch vụ có biến động những không đáng kể  *b. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ*  - Nước ta có 7 vùng Kinh tế: Trung du và miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Hồng; Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên; Duyên hải Nam Trung Bộ; Bắc Trung Bộ  -Có 3 vùng Kinh tế trọng điểm (Bắc Bộ, Miền Trung và phía nam).  => Các vùng Kinh tế trọng điểm có tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế xã hội các vùng kinh tế lân cận  *c. Chuyển dịch cơ cấu thành phần Kinh tế*  -Từ Kinh tế chủ yếu là nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần, theo hướng công nghiệp hoá đất nước.  =>phát huy tối đa năng lực, điểm mạnh của các thành phần kinh tế giúp kinh tế đất nước phát triển |

2.Những thành tựu và thách thức

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV yêu cầu **HS thảo luân, làm việc nhóm**  ? *Với sự hiểu biết của bản thân em hãy cho biết nền Kinh tế của nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn nào ?*  ? *Nêu những khó khăn thách thức mà nước ta đang cần phải vượt qua để phát triển kinh tế?*  *HS thảo luận nhóm-báo cáo*  *GV chốt*  **N¨ng lùc hîp t¸c, n¨ng lùc giao tiÕp.**  GV: -Giảng về Wto . . .  -Giảng về khái niệm ''phát triển bền vững'', trong đó nhấn mạnh về vấn đề bảo vệ môi trường... | - Thành tựu  + Tốc độ tăng truởng kinh tế tương đối vững chắc  + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá  + Một số ngành trọng điểm trong công nghiệp  + Phát triển nền xản xuất hàng hoá xuất khẩu đã thúc đẫy ngoại thương và sự đầu tư của nước ngoài.  + Hội nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu  - Thách thức:  + Sự phân hoá giàu nghèo, còn nhiều xã nghèo ở vùng sâu vùng xa  + Môi trường ngày càng bị ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt.  + Vấn đề gay gắt về việc làm  + Có nhiều bất cập trong sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế . . .  - Phải vươn lên trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới |

2.3. Hoạt động luyện tập

? Vì sao cơ cấu nền kinh tế nước ta đang có những chuyển biến mạnh mẽ?

? Cơ cấu kinh tế nước ta đang chuyển dịch về những mặt nào?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Theo em, với tình hình hiện nay, Việt Nam ta phải thực hiện các công việc gì để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức phát triển đi lên?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+Nắm vững bài +làm bài tập trong sách bài tập ĐỊA LÍ 9

+ Chuẩn bị bài mới: Nắm đặc điểm nền kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới.

- Về xem lại kiến thức lớp 8 về đặc điểm tự nhiên nước ta nước ta.

Ngày soạn:  ***10/9 /2019 TUẦN5 - TIẾT:9***

Ngày dạy : /9/2019

### Bài:7

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

**ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Hiểu được vai trò của các nhân tố tự nhiên và kinh tế– xã hội đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

-Hiểu được những nhân tố này đã ảnh hưởng đến sự hình thành nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới, đang phát triển theo hướng thâm canh và chuyên môn hoá.

2.Kĩ năng: HS thực hiện được

- kĩ năng đánh giá giá trị kinh tế

- Kĩ năng sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

3. Thái độ:

- Gi¸o dôc ý thøc b¶o vÖ tµi nguyªn, kh«ng ñng hé nh÷ng hành ®éng lµm « nhiÔm, suy tho¸i c¸c tµi nguyªn.

*4. Năng lực, phẩm chất*

4.1 Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; giao tiÕp....

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ....

4.2 Phẩm chất

- Phẩm chất: Yêu gia đình, quê hương đất nước; Tự lập, tự tin, tự chủ

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

-Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam,

2.HS- SGK, SBT, Dụng cụ học tập.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: dạy học bằng trò chơi,dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** GV cho gọi 3 HS đại diện 3 tổ lên tham gia thi: Ai nhanh hơn

?Ghi nhanh tên các vùng kinh tế trọng điểm và tên các vùng lãnh thổ của nước ta?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

*GV cho HS giải đố bằng cách trả lời các câu hỏi rồi vào bài*

*?Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là gì?*

?Ảnh hưởng đến sự phát triển của chúng có các nhóm nhân tố nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1: hướng dẫn HS mục I***  ***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề***  ? Vì sao việc sử dụng hợp lí tài nguyên đất lại được đánh giá rất quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp?  ? Cho biết diện tích và sự phân bố cũng như giá trị sử dụng đất phù sa và đất Fe ra lít?  HS tìm các vùng có đất trên bản đồ  **Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ....**  **Kĩ thuật động não**  ? Nguyên nhân nào làm cho tài nguyên đất ở nước ta ngày càng bị cạn kiệt và thu hẹp lại? Chúng ta phải làm gì trước thực trạng đó?  **Tích hợp giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường**  ? Với kiến thức đã học lớp 8 cho biết khí hậu nước ta có đặc điểm gì?  ? Phân tích những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại trong sản xuất nông nghiệp?  **Kĩ thuật động não**  ? Cho biết nước ta có những nguồn nước nào?  ? Nguồn nước ở nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất nôngnghiệp.Chúng ta cần có những giải pháp gì để khác phục những phó khăn trên?  **Kĩ thuật động não**  ? Tại sao thuỷ lơị lại là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?  ? Với kiến thức đã học ở lớp 8 và qua thực tế em có nhận xét gì vế tài nguyên sinh vật nước  ?Sự phong phú của tài nguyên sinh vật nước ta có vai trò như thế nào đối với ngành nông nghiệp?  ? Chất lượng và giá trị các sản phẩm có vai trò như thế nào đối với nông nghiệp.  **GV dành cho HS 5 phút để ghi lại bằng sơ đồ những nhân tố tự nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp** | **I.CÁC NHÂN TỐ TỰ NHIÊN**  **1.Tài nguyên đất.**  => vì đất vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp  + Đất phù sa khoảng 3 triệu ha, chủ yếu ở các đồng bằng châu thổ và ven biển -> trồng cây lúa nước và các loại cây ngắn ngày.  +Đất fe- ra- lít trên 16 triệu ha ở miền núi trung du, Tây nguyên, Đông Nam Bộ, -> trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây hoa màu . .  => Đất Nông nghiệp nước ta đang ngày càng bị cạn kiệt do sử dụng không hợp lý, dân số tăng nhanh, các ngành công nghiệp– xây dựng, giao thông . . . lấn chiếm . =>phải bảo vệ tài nguyên đất  **b.Tài nguyên khí hậu**  -Nhiệt đới gió mùa ẩm , phân hoá theo độ cao, theo chiều Bắc Nam, theo gió mùa. Có tính thất thường lắm thiên tai  - Thuận lợi:  + Độ ẩm cao, nguồn nhiệt lớn tao điều kiện cho cây cối phát triển quanh năm, có thể trồng được từ 2 đến 4 vụ/ năm.  +Trồng được nhiều loại cây từ nhiệt đới – cận nhiệt đới và ôn đới.  -Khó khăn: Các tai biến thiên nhiên , hạn hán, nấm mốc sâu bệnh, sương muối, rét hại .dịch . .. ảnh hưởng tới cây trồng và vật nuôi  **c.Tài nguyên nước**  + Nguồn nước trên mặt đất  + Nguồn nước ngầm  =>Thuận lợi: nguồn nước rất phong phú tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển  =>Khó khăn: Sông ngòi do ảnh hưởng của khíhậu thường gây nên lũ lụt.  =>Thuỷ lợi lại là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta.  -Vì về mùa khô nước ta bị nhiều vùng thiếu nước trầm trọng nên nguồn nước ngầm là . . . . .ngược lại về mùa mưa nhiều vùng bị ngập úng . . . . Cải tạo đất mở rộng diện tích canh tác. . . .  “ Nhất nước nhì phân, tam cần tứ giống “  **d.Tài nguyên sinh vật**  =>Phong phú và đa dạng  =>là cơ sở thuần dưỡng, lai tạo nên các giống cây trồng vật nuôi chất năng suất cao lượng tốt, thích nghi với các môi trường nước ta  =>Thúc đẩy sản xuất và tái sản xuất . . . | |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục II***

###### II.CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ XÃ HỘI

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**  ? Dân cư và lao động nước ta có thuận lợi gì cho phát triển nông nghiệp ?  ? Cơ sở vật chất-kĩ thuật ở nước ta hiện đã có những tiến độ gì?  ?Em hãy cho biết một số cơ sở vật chất-kĩ thuật trong nông nghiệp ở địa phương em?   * *Các vườn ươm, trại giống, các nhà máy chế biến nông phẩm, kênh mương nội đồng . . . .*   ?nêu vai trò của nhân tố Chính sách phát triển nông nghiệp?  ? Đảng và nhà nước ta đã có những chính sách gì để thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp ?  ? Thị trường có tác động như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp?  ?Hướng phát triển về thị trường nông nghiệp của nước ta hiện nay là gì?  **GV yêu cầu HS sơ đồ hóa những kiến thức cần nhớ của mục II**  **\*Thảo luận nhóm**  **?**Theo em với những điều kiện của mình, nước ta có thể phát triển những sản phẩm nông nghiệp thế mạnh nào?  HS thảo luận, báo cáo  **Năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác** | **1.Dân cư và lao động nông thôn**  - Có 60% lao động trong sản xuất nông nghiệp và 74% dân số sinh sống ở nông thôn  **=>**Dân cư đông, cơ cấu dân số trẻ là nguồn nhân lực thúc đẩy ngành nông nghiệp đột phá đi lên nhờ thâm canh . . . . .  **2.Cơ sở vật chất –kĩ thuật**  =>Ngày càng được hoàn thiện hơn  Cả nước có hàng chục ngàn công trình thuỷ lợi, số lượng công trình và năng lực tưới tiêu dang ngày càng tăng lên .Cơ sở kĩ thuật phục vụ trồng trọt chăn nuôi ngày càng được mở rộng. Công nghiệp chế biến nông sản phát triển và phân bố khắp nơi góp phần nâng cao giá trị cạnh tranh của hàng nông nghiệp. .  **3.Chính sách phát triển nông nghiệp**  =>Tác động tích cực đến dân cư và lao động nông thôn nông nghiệp  =>Tạo mô hình phát triển nông nghiệp thích hợp để khai thác mọi tiềm năng sẵn có  +Phát triển kinh tế gia đình, kinh tế trang trại,  +Hướng xuất khẩu nông nghiệp  **d.Thị trường trong và ngoài nước**  =>kích thích sản xuất phát triển  => Mở rộng thị trường tiêu thụ trên toàn cầu, thúc đẩy sản suất, đa dạng các sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. |

2.3. Hoạt động luyện tập

GV hướng dẫn HS làm các câu 1, 2, 3 SGK tr 27

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?** Theo em, với những đặc điểm về tự nhiên, Việt Nam ta có những thế mạnh nông nghiệp nào?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS Nắm vững các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp

-HS tìm đọc địa lí tự nhiên Việt Nam để hiểu sâu hơn nội dung bài học

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 12/9/2019 Ngày dạy: /9

TUẦN: 05 - TIẾT 10(Bài 8)

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHỆP

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.kiến thức:

-Biết được đặc điểm và sự phân bố một số cây trồng vật nuôi chủ yều và một số xu hướng trong phát triển sản xuất nông nghiệp hiện nay.

-Hiểu được sự phân bố sản xuất nông nghiệp, với sự hình thành các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu.

2. Kĩ năng: HS thực hiện được kĩ năng

- Phân tích bảng số liệu, sơ đồ ma trận. Đọc lược đồ nông nghiệp Việt Nam.

3. Thái độ: -Giáo dục HS ý thức về khai thác hợp lý các tài nguyên đối với sự phát triển nông nghiệp.

4.Năng lực, phẩm chất:

*4. Năng lực, phẩm chất*

4.1 Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề; giao tiÕp, hợp tác....

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ....

4.2 Phẩm chất

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ;

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV

-Bản đồ nông nghiệp Việt Nam.

2.HS: vở ghi, SGK...

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ :

***Câu 1***:Nêu những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát trển nông nghiệp nước ta?

(Tài nguyên đất . .. . . .-Tài nguyên khí hậu . .. . . .-Tài nguyên đất . .. . . .

Tài nguyên sinh vật . . . . . .)

***Câu 2:*** Cho một vài ví dụ để làm sáng tỏ vai trò của thị trường đối với tình hình sản xuất một số nông sản ở địa phương?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** GV cho cả lớp hát một bài hát để tạo không khí vui vẻ

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục I***  ***Phương pháp: dạy học trực quan***  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân  Dựa và bảng 8.1 SGK *em hãy cho nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng các nhóm cây trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt?*  ? *Sự thay đổi đó nói lên điều gì?*  ? *Cây lương thực ở nước ta bao gồm những loại cây nào vì sao lại gọi là Cây lương thực?*  **\*HS thảo luận nhóm**  (Chia 4 nhóm ) Dựa và bảng 8.2 SGK , hãy nhận xét:  -Nhóm 1: Diện tích cây lúa  -Nhóm 2: Năng suất lúa  -Nhóm 3: Sản lượng lúa  -Nhóm 4: Sản lượng lúa bình quân đầu người  **Câu hỏi chung:** tăng bao nhiêu ?, tăng gấp mấy lần từ năm ( 1980-2002)?  **\*** Các cặp thảo luận  -Báo cáo kết quả  -Các cá nhân khác bổ sung  **-N¨ng lùc chung: tư duy s¸ng t¹o; giao tiÕp, hợp tác....**  \* GV: Cốt lại ghi bảng  *? Em hãy cho biết những thành tựu lớn của ngành trồng lúa ở nước ta trong những năm qua?*  .?*Lúa được trồng ở đâu*?  \* Chuyển ý:  *? Dựa vào SGK và sự hiểu biết của bản thân cho biết lợi ích kinh tế của việc phát triển cây công nghiệp.?*  *-GV nhấn mạnh ý nghĩa về môi trường của cây công nghiệp lâu năm= ý nghĩa của rừng*  GV: Hướng dẫn *HS đọc bảng H8.3 SGK*  *+Đọc theo cột dọc biết được vùng sinh thái có các . .*  *+Theo cột ngang biết được vùng phân bố chính của một loại cây công nghiệp*  *? Dựa vào bảng H8.3 SGK tr 31 cho biết nhóm cây Công nghiệp hàng năm và cây Công nghiệp lâu năm ở nước ta bao gồm những loại cây nào, phân bố chủ yếu ở đâu?*  *? Cho biết vùng nào trồng cây Công nghiệp lâu năm nhiều nhất?*  **Năng lực sử dụng bản đồ, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ....**  HS trả lời-GV chốt  -? *Nước ta có những tiềm năng nào để phát triển cây ăn quả?*  ? *Em hãy kể tên một số cây ăn quả đặc trưng ở ba miền bắc Trung Nam nước ta?*  *?Vùng trồng nhiều loại cây ăn quả có giá trị cao nhất nước ta là vùng nào?*  ***Kĩ thuật động não***  ? *Vì sao Nam Bộ lại trồng được nhiều loại cây ăn quả có giá trị cao?*  ? *Chúng ta cần có những giải pháp gì để đẩy mạnh ngành trồng cây ăn quả ?* | **I. Ngành trồng trọt:**  -Giảm tỉ trọng cây lương thực  -Tăng nhanh tỉ trọng cây công nghiệp(6.3%. 9,2%, 1990-2002),  =>Phá thế độc canh cây lúa. Phát huy thế mạnh nền nông nghiệp nhiệt đới chuyển sang trồng cây hàng hoá  **1..Cây lương thực:**  =>-Cây lúa gạo, cây hoa màu(khoai, sắn, ngô. . .)  => Cung cấp chất ngũ cốc (lương thực hàng ngày)  =>Lúa là cây lương thực quan trọng nhất  -Năm 2002 các chỉ tiêu sản xuất lúa đều tăng nhanh so với năm 1980  + Diện tích cây lúa 7 504 ha  + Năng suất 45,9 tạ/ha  + Sản lượng 34,4 triệu tấn  + Sản lượng bình quân đầu người 432 kg/người  =>các chỉ tiêu đều tăng nhanh đưa nước ta từ một nước phải nhập lương thực sang một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đàu thế giới  => Lúa trồng khắp nơi nhưng chủ yếu ở hai đồng bằng lớn.  **2. Cây công nghiệp:**  =>Phát triển mạnh tạo ra các sản phẩm có giá trị xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu, phá thế độc canh,bảo vệ môi trường  -Phân bố  +Cây lâu năm chủ yếu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ và vùng núi trung du  +Cây hàng năm nằm rải rác 7 vùng  **=>Đông Nam Bộ, Tây Nguyên**  **3. Cây ăn quả**  =>- Khí hậu nhiệt đới đa dạng và đất đa dạng. - Thị trường rộng lớn. – Nhiều lao động  =>- Cam Xã Đoài, nhãn Hưng yên, mơ mận Lạng Sơn . . ..  -Cam Phủ quỳ, bưởi Phúc Trạch . . . .  -Chôm chôm Vĩnh Long, Xoài Lái Thiêu ..  =>Trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.  =>Vì: có các điều kiện tự nhiên thuận lợi: Khí hậu cận xích đạo, đất đai màu mỡ rộng rãi . .  .=> phát triển theo phương thức sản xuất  hàng hóa.  -Mở rộng thị trường tiêu thụ  - Đẩy mạnh khâu chế biến |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục II***

***Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề***

**II.Ngành chăn nuôi**

|  |  |
| --- | --- |
| *? Em có nhận xét gì về tỉ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp nước ta?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Giải thích vì sao ngành chăn nuôi chưa được chú ý?*  ***\*HS làm việc nhóm***  *-Nhóm 1:*  *?Dựa vào H8.2 SGK cho xác định các vùng chăn nuôi trâu bò chính?số lượng trâu và bò?*  *? Giải thích vì sao trâu lại được nuôi nhiều nhất ở miền núi và trung du Bắc Bộ. Bò lại được nuôi nhiều ở duyên hải Nam Trung Bộ?*  *? Vì sao hiện nay bò sữa được nuôi nhiều ở các vùng ven các thành phố lớn?*  *\*Nhóm 2*  *?Nêu tình hình phát triển chăn nuôi lợn?*  *? Xác định trên H8.2 các vùng chăn nuôi lợn chính?*  *? Giải thích vì sao lợn lại được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng?*  *\*Nhóm 3*  *? Em có nhận xét gì về đàn gia cầm ở nước ta?nuôi nhiều ở đâu?*  *? Giải thích vì sao đàn gia cầm lại được nuôi nhiều ở đồng bằng lớn?*  *? Hiện nay vấn đề chăn nuôi ở nước ta đang đối nạn dịch gì.Chúng ta phải làm gì để giải quyết các nạn dịch ?*  ***Năng lực tư duy, hợp tác***  ***Phẩm chất tự lập, tự tin, tự chủ*** | - Chiếm tỉ trọng chưa lớn song đã bắt đầu được chú ý  =>Vì:  + Hình thức chăn nuôi công nghiệp chưa được chú trọng.  +Phong tục tập quán, phụ thuộc vào tự nhiên, giá trị sử dụng, thị trường tiêu thụ . . .  **a.Chăn nuôi trâu, bò**  - Chủ yếu nuôi nhiều ở trung du và miền núi lấy sức kéo.  - Tổng đàn bò vào năm 2002 có trên 4 triệu con, trâu 3 triệu  =>vì: Trâu chịu rét tốt hơn bò  và căn cứ vào phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán người dân, giá trị sử dụng . . .  *=>Gần thị trường tiêu thụ.*  **b. Chăn nuôi lợn**  -Phát triển khá nhanh từ 12 triệu con(1990) -> 23 triệu con (2002)    =>chủ yếu ở hai đồng bằng lớn  =>Vì:*-*Gần vùng sản xuất lương thực -> thức ăn, gần nguồn tiêu thụ lớn, sử dụng lao động phụ, lấy phân bón hữu cơ . ..-Nguồn nhân lực đông . . .)  **c.Chăn nuôi gia cầm**  - Năm 2002 có 230 triệu con. Nuôi nhiều ở hai đồng bằng lớn  =>Có đầy đủ thức ăn từ lương thực, tôm cá, ốc cua . . Gần thị trường tiêu thụ . . .  =>- Long móng lở mồm ở gia súc.  - H5N1 ở gia cầm...  =>Phải tiêm phòng, thực hiện nghiêm các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

GV hướng dẫn HS làm các bài tập cuối bài

**2.4. Hoạt động vận dụng**

1.Nhận xét và giải tích các vùng trồng lúa ở nước ta?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+Nắm vững đặc điểm của ngành nông nghiệp nước ta.

+ HS tìm các tư liệu về kết quả phát triển của ngành nông nghiệp trong 5 năm gần đây để hiểu sâu hơn nội dung bài học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày tháng năm

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 18 /9/2019

Ngày dạy: /9 /2019 TUẦN 6- TIẾT 11

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM**

**NGHIỆP, THỦY SẢN**

**I-MỤC TIÊU :** Sau bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Biết được các loại rừng ở nước ta. Vai trò của ngành lâm nghiệp trong việc phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường. Các khu vực phân bố chủ yếu của ngành Lâm nghiệp.

- Biết được nước ta có nguồn lợi khá lớn về thuỷ sản; về sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản.

2. Kĩ năng: HS thực hiện được kĩ năng phân tích, vẽ bản đồ lược đồ

3. Thái độ:- giáo dục HS ý thức bảo vệ rừng, biển và các sinh vật quý hiếm.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:** Yêu quê hương đất nước...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:Bản đồ tự nhiên Việt Nam

2. HS: SGK,SBT, dụng cụ học tập.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ :

|  |
| --- |
| **(Kiểm tra 15 phút)**  Câu 1: Nhận xét và giải thích các vùng trồng lúa ở nước ta?  (- Lúa trồng khắp nơi nhưng chủ yếu ở hai đồng bằng lớn.  - Cây lúa ngoài điều kiện đất đai, lúa là loại cây ưa nước thường xuyên.  => lí giải về cả điều kiện tự nhiên lẫn điều kiện kinh tế-xã hội |

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động*** Phương pháp dạy học bằng trò chơi: thi ai nhanh hơn

?Giải thích câu nói “Rừng vàng biển bạc”?

*2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS mục I***  ***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan***  ? *Bằng sự hiểu biết của bản thân cho biết ngành lâm nghiệp có vai trò như thế nào trong sự phát triển Kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường*?  ? *Các điều kiện tạo cho rừng nước ta phát triển?*  *\*  ? *Em hãy cho biết về tình hình tài nguyên rừng nước ta hiện nay?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Cho biết những nguyên nhân chính làm cho rừng của nước ta ngày càng bị thu hẹp đáng kể?*  ? *Chúng ta phải làm gì trước tình hình rừng ngày càng cạn kiệt?*  ? *Dựa vào bảng 9.1 tr 34 SGK cho biết cơ cấu các loại rừng của nước ta.*  HS quan sát H9.2 tr 35 SGK cho biết.  *? Nêu ý nghĩa và sự phân bố của 3 loại rừng ở nước ta. Lấy ví dụ chứng minh?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Giải thích vì sao các ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển lại được xây dựng gắn với các vùng nguyên liệu.?*  **Năng lực giải quyết vấn đề**  *? Cơ cấu của ngành lâm nghiệp gồm những hoạt động nào?*  HS quan sát H9.1 tr 34 SGK mô tả bức tranh  *?Nêu tình hình phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp?*  *? Sự phát triển mô hình nông lâm kết hợp có tác dụng gì****?*** | **I. Lâm nghiệp:**  \* Vai trò:  - Cung cấp lâm sản cho các ngành, phục vụ nhu cầu của nhân dân.  - Sử dụng lao động tương đối đông.  - Bảo vệ môi trường sinh thái.  **1.Tài nguyên rừng:**  =>-Về các điều kiện tự nhiên: nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, Dải duyên hải ven biển, vùng ngập mặn . . .  Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm . . . Vị trí là nơi giao lưu của các luồng sinh vật . ..  -Về xã hội: Các chính sách Đảng và nhà nước về bảo vệ rừng và trồng rừng mới, có nhiều dự án trồng và bảo vệ rừng được huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước . .  =>Bị cạn kiệt ở nhiều nơi. .Độ che phủ rừng toàn quốc chị còn 35%  -Có tổng diện tích 11,6 triệu ha(2000)  =>-Do chiến tranh huỷ diệt như bom đạn ....  -Đốt rừng làm nương rẫy . . . .  -Đốn cây lấy gỗ, làm củi, khai thác rừng không hợp lý  -Dân số tăng nhanh, các ngành khác mở rộng lẫn chiếm.  -Quản lý và bảo vệ của cơ quan chức năng chưa chặt chẽ  =>- Mọi người dân phải nhận thức được tầm quan trọng đồng thời có ý thức bảo vệ rừng.  -Xử lý người vi phạm rừng chưa nghiêm khắc, triệt để  => Có 3 loại rừng:  +Rừng sản xuất cung cấp nguyên liệu, ở núi thấp và trung du chiếm 4/10  + Rừng phòng hộ chống thiên tai bảo vệ môi trường, ở đầu nguồn các con sông, ven biển  + Rừng đặc dụng bảo vệ sinh thái, động vật quý hiếmở các môi trường tiêu biểu điển hình cho các hệ sinh thái.  **=>** Nhằm giảm bớt chi phí giao thông, tạo việc làm cho người dân lao động địa phương.  **=>** Khai thác, trồng rừng và bảo vệ rừng)  **2. Sự phát triển và phân bố:**  - Hằng năm lâm nghiệp khai thác khoảng trên 2,5 triệu m3 gỗ. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển gắn với các vùng nguyên liệu.  - Phấn đấu phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chú trọng bảo vệ rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.  - Mô hình nông lâm kết hợp phát triển đang được phát triển rộng khắp góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống nhân dân. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS mục II***  ***Phương pháp giải quyết vấn đề***  ? *Ngành thuỷ sản có vai trò như thế nào trong sự phát triển kinh tế xã hội?*  \*GV cho HS **làm việc nhóm**  -Nhóm 1  ? *Phân tích các điều kiện tạo cho**ngành thuỷ sản phát triển* ?  ? *Quan sát và xác định và đọc tên trên lược đồ H9.2 tr 35 Sgk 4 ngư trường trọng điểm của nước ta?*  *HS lên chỉ*  *? Sự phát triển của ngành thuỷ sản gặp những khó khăn nào?*  -GV nhấn mạnh sự nguy hiểm của hiện trạng ô nhiễm môi trường nước đe dọa sự phát triển của thủy sản  -Nhóm 2  *? Em hãy so sánh số liệu trong bảng 9.2 SGK. Rút ra nhận xét về sự phát triển và phân bố của ngành thuỷ sản?*  *? Yêu cầu HS Quan sát lược đồ H9.2 tr 35 Sgk cho biết các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác.?*  *-sgk*  *? Giải thích vì sao các tỉnh như Cà Mau- An Giang-bến Tre lại phát triển nhanh ngành nuôi trồng thuỷ sản?.*  *HS báo cao-tranh luận các yêu cầu*  *GV chốt*  **- N¨ng lùc :tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, hợp tác, giao tiếp...** | **II.Ngành thuỷ sản:**  -Cung cấp thuỷ hải sản phục vụ nhu cầu của nhân dân , cho công nghiệp, xuất khẩu.  - Sử dụng lao động.  - Bảo vệ chủ quyền vùng biển Việt Nam  **1.Nguồn lợi thuỷ sản**  -Tự nhiên: +Diện tích mặt nước biển rộng, bờ biển dài, nhiều vũng vịnh đầm phá, nhiều sông ngòi ao hồ đồng ruộng . . .rừng ngập mặn . . .  +Khí hậu nhiệt đới . . . .  -Xã hội: Dân cư đông, Đảng và nhà nước đã chú trọng đầu tư nuôi trồng và đánh bắt xa bờ . . .  Thị trường tiêu thụ rộng lớn . . . .  - Có 4 ngư trường trọng điểm.  + Cà Mau-Kiên Giang.  + Ninh Thuận-Bình Thuận-Bà Rịa-Vũng Tàu.  +Hải Phòng-Quảng Ninh.  +Trường Sa-Hoàng Sa.  -Ngành nuôi trồng ( nước ngọt, nước mặn và nước lợ)  *=>Khó khăn:*  *-*Tự nhiên: Thường bị thiên tai gây thiệt hại người và của cải  -Xã hội:Thị trường bị cạnh tranh biến động . . . vốn, khoa học kỹ thật . . .  **2. Sự phát triển và phân bố:**  + Sản lượng khai thác tăng khá nhanh từ 728,5 nghìn tấn năm 1990 –> 1 802,6 nghìn tấn năm 2002.  + Nuôi trồng thuỷ sản tăng nhanh từ 162,1 nghìn tấn năm 1990 – 844,8 nghìn tấn năm 2002.  + Xuất khẩu thuỷ sản tăng vượt bậc từ 971 triệu USD năm 1999 - 2 014 Tr USD năm 2002  =>*Cà Mau- An Giang-Bến Tre*  *=>* Có Diện tích đất ngập mặn rộng lớn, khí hậu cận xích đạo, nhân dân có kinh nghiệm . . .  **- Phẩm chất: Yêu quê hương đất nước...** |

2.3. Hoạt động luyện tập

GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong sgk

2.4. Hoạt động vận dụng

?Nêu nguồn lực và và đặc điểm phát triển của ngành thuỷ sản nước ta.?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm đọc các tài liệu về ngành lâm nghiệp, thủy sản để hiểu hơn nội dung bài học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 18/9/2019 Ngày dạy : /

TUẦN: 06 -TIẾT:12

BÀI:10

**THỰC HÀNH**

VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY

SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC GIA CẦM

I-MỤC TIÊU : Sau bài thực hành, HS :

1. Kiến thức:- Củng cố bổ sung kiến thức về ngành trồng trọt và chăn nuôi nước ta.

2. Kĩ năng: HS thực hiện được kĩ năng:

-Xử lí bảng số liệu theo các yêu cầu riêng của vẽ biểu đồ.

-Vẽ biểu đồ ( hình tròn, đường)

- Đọc biểu đồ rút ra nhận xét và giải thích.

3. Thái độ: giáo dục HS có ý thức làm việc khoa học, chính xác và yêu thích môn học

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: tư duy sáng tạo, hợp tác....

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: sö dông sè liÖu thèng kª; vẽ biểu đồ địa lí và phân tích biểu đồ...

4.2 Phẩm chất**:** tự lập, tự chủ...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: Khung bảng số liệu đã được xử lí.

2. HS: SGK,SBT, Dụng cụ học tập.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: dạy học dự án,phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** Phương pháp dạy học bằng trò chơi: thi ai nhanh hơn

**GV chọn 3 HS đại diện 3 tổ trong 3 phút lập sơ đồ tư duy ghi lại nội dung cần nhớ của bài 9**

*2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức*

2.2.3. Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS làm bài tập 1***  ***Phương pháp: luyện tập thực hành***  - Yêu cầu HS đọc đề bài xác định yêu cầu đề bài  ?Nêu qui trình vẽ biểu đồ cơ cấu có các bước?  **HS làm việc theo bàn**  HS tính toán  **GV** treo khung bảng số liệu lên bảng.  \* **Lưu ý HS**  -Tổng Dân tộc gieo trồng là 100% - Biểu đồ hình tròn có góc ở tâm là góc 3600  =>1,0% ứng với 3,6 độ( góc ở tâm)  \* Cách tính: 1990 tổng diện tích là 9 040 nghìn ha ->cơ cấu Diện tích 100%  9 040 ->100%  6 474,6 ->X  =>X=6474,6x100:9 040=71,6%  - Góc ở tâm trên Biểu đồ của cây lương thực là71,6 x3,60 =2580  **\*** HS lên hoàn thành vào bảng.  \* Tổ chức vẽ  - Yêu cầu  +Vẽ hai bản đồ có bán kính 20mm và 24mm  ?Nêu Tên biểu đồ?  ? HS lập bảng chú giải?  \*GV giao cho **các nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  ?Hãy nhận xét về sự thay đổi quy mô diện tích và tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây?  **-N¨ng lùc :tư duy sáng tạo, hợp tác, sö dông sè liÖu thèng kª; vẽ biểu đồ địa lí và phân tích biểu đồ...**  **- Phẩm chất: tự lập, tự chủ**..  ***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS làm bài tập 2***  ***Phương pháp: luyện tập thực hành***  GV: Hướng dẫn  -Trục tung biểu thị số % có vạch trị số lớn hơn trị số lớn nhất trong chuỗi số liệu 182,6%  +Có mũi tên theo chiều tăng giá trị, ghi đơn vị tính %  +Gốc toạ độ lấy o,  - Trục hoành biệu thị năm  +Có mũi tên và ghi số năm  +Gốc toạ độ trùng năm 1990  **Lưu ý:** Khoảng cách các năm không đều nhau  - Vẽ các đồ thị:  + Tên biểu đồ  + Bảng chú giải  GV hướng dẫn  –HS thực hành vẽ  \***HS làm việc nhóm-thảo luận**  ?Qua bảng số liệu và biểu đồ vừa vẽ, em hãy nhận xét và giải thích về sự thay đổi cuả việc phát triển chăn nuôi trên?  **Định hướng hình thành**  **-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ**  **-Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực vẽ và phân tích biểu đồ...** | Bài tập 1:  =>- Lập bảng số liệu và xử lí theo mẫu, chú ý khi làm tròn số sao cho tổng các thành phần phải đúng 100%  - Vẽ theo qui tắc thuận theo chiều đồng hồ.  - vẽ các hình quạt ứng với tỉ trọng của từng thành phần trong cơ cấu.  -Tô màu  \* Xử lý số liệu:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | 1990 | | 2 002 | | | Loại cây | Cơ cấu diện tích gieo trồng | Góc ở tâm(độ) | Cơ cấu diện tích gieo trồng | Góc ở tâm (độ) | | Tổng số | 100,0% | 360 | 100,0% | 3600 | | Lương thực | 71,6 | 258 | 64,8 | 233 | | Công nghiệp | 13,3 | 48 | 18,2 | 66 | | Thực phẩm | 15,1 | 54 | 16,9 | 61 |   \* Tiến hành vẽ:  1 366,1  2 173,8  6 474,6  1193,3  2 337,3  8 320,3  -> Biểu đồ:Cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây  -> Chú giải:  Dân tộccây ương thực  Dân tộccây công nghiệp.  Dân tộccây thực phẩm, cây ăn quả và các cây khác  -> Nhận xét: Qua bảng số liệu và biểu đồ ta thấy  + Cây lương thực: Diện tích gieo trồng tăng từ 6 474,6 lên 8 320,3(nghìn ha) Nhưng tỉ trọng lại giảm từ 71,6% (1990) xuống 64,8% (1992) (giảm 6,6%)  + cây công nghiệp: Diện tích gieo trồng tăng và tỉ trọng tăng từ 13,3% lên 18,2% (Tăng 4,9%)từ 71,6% (1990) xuống 64,8% (1992) giảm 6,6%  + Cây thực phẩm, cây ăn quả và các loại cây trồng khác : Diện tích gieo trồng tăng 807,7(nghìn ha ,tỉ trọng lại tăng từ 15,1% (1990) lên 16,9 % (1992) tăng (1,8 %)  **Bài tập 2:**  - Tốc độ phát triển trâu, bò, lợn, gia cầm năm 1995, 2000 và năm 2002 so với năm 1990   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tốc độ tăng trưởng  Gia súc | Năm  1990 | Năm  1995 | Năm  2000 | Năm  2002 | | Trâu | 100 | 103,8 | 101,5 | 98,6 | | Bò | 100 | 116,7 | 132,4 | 130,6 | | Lợn | 100 | 133,0 | 164,7 | 189,0 | | Gia cầm | 100 | 132,3 | 182,6 | 217,2 |   b.Tiến hành vẽ:    %  240 -  220 -  200 -  180 -  160 -  140 -  120 -  100 - ……………………………………………………  80 -  60 -  40 -  20 -  Năm 0 ! ! !  1990 1995 2000 2002  -> Biểu đồ: biểu diễn tốc độ tăng đàn gia súc gia cầm, từ năm 1990-> năm 2000  -> Chú giải:  Đàn trâu  Đàn bò  Đàn gia cầm  =>- Qua số liệu và biểu đồ ta thấy  + Gia cầm và đàn lợn tăng nhanh là do  . Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu(cây lương thực) tăng cung ứng phần lớn thức ăn cho lợn và gia cầm.  . Nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng nhanh  áp dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, phòng và trừ được dịch bênh . . .  + Đàn trâu không tăng do:  . Số lượng máy móc, phân hoá học được dưa vào sử dụng trong nông nghiệp thay sức cày kéo, phân bón . .  . Nhân dân ít có phong tục ăn thịt trâu.  . Diện tích chăn thả ngày càng hạn hẹp . . . |

GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vào vở

2.4. Hoạt động vận dụng

Câu 1: Đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp nhiệt đới là

Câu 2: Chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng thời gian từ 1990-1992 cho ta thấy điều gì?

**2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-**HS tìm đọc các tư liệu về các loại biểu đồ để hiểu hơn bài thực hành.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn :23/9/ 2019

Ngày dạy : TUẦN:7- TIẾT:13

**BÀI:11**

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

**ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần :

1.Kiến thức:

- Biết được vai trò các nhân tố tự nhiên kinh tế-xã hội đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta.

- Hiểu việc lựa chọn cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ công nghiệp phù hợp phải xuất phát từ việc đánh giá đúng tác động của các nhân tố này.

2. Kĩ năng. HS thực hiện được kĩ năng:

- Đánh giá ý nghĩa kinh tế của các tài nguyên thiên nhiên.

- Sơ đồ hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích hiện tượng địa lí kinh tế

3.Thái độ

- Giáo dục HS có ý thức bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: tự học, sö dông sè liÖu thèng kª..

4.2 Phẩm chất**:** yêu quê hương, đất nước...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: - Bản đồ địa chất- khoáng sản Việt Nam

-Sơ đồ hoá H11.1 SGK

2.HS: dụng cụ học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : GV cho HS kiểm tra và nhận xét chéo bài thực hành của nhau

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

***2.1. Khởi động*** *GV cho cả lớp hát một bài tạo không khí vui vẻ*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1: hướng dẫn HS mục 1 Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan***  \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 1 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  *? Bằng sự hiểu biết của bản thân kết hợp SGK cho biết ngành Công nghiệp có vai trò như thế nào đối với sản xuất và đời sống?*  ***Năng lực hợp tác***  ***Hình thức tổ chức: học cá nhân***  **?** *Theo các em thì có những nhân tố nào ảnh hưỡng đến sự phân bố và phát triển ngành Công nghiệp nước ta.?*  **\***GV treo sơ đồ hoá H11.1 SGK ( chưa hoàn chỉnh).  **?** HS lên bảng hoàn thành, bằng cách điền vào các ô trống .  **GV:** Chuẩn xác lại kiến thức trên sơ đồ  **Kĩ thuật động não**  ? *Em có nhận xét gì về tài nguyên của nước ta để phát triển về công nghiệp?*  \* GV treo Bản đồ địa chất  – khoáng sản và Bản đồ trung tâm công nghiệp nước ta.  ***\*Dự án GV giao HS thực hiện trước ở nhà-giờ báo cáo :***  ? *Quan sát kết hợp các kiến thức học em hãy nhận xét về sự ảnh hưởng của sự phân bố tài nguyên khoáng sản tới sự phân bố một số ngành công nghiệp trọng điểm.?*  ***-HS báo cáo theo kết quả chuẩn bị trước theo dự án GV giao***  ***?Khi khai thức các tài nguyên khoáng sản cần lưu ý điều gì về môi trường?***  -GV nhấn mạnh HS về ý thức bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường.... | \* Vai trò:  - Cung cấp máy móc, trang thiết bị và các sản phẩm cho các ngành khác cũng như nhu cầu của nhân dân  - Sử dụng số lượng lao động đông đảo có khoa học kỹ thuật tay nghề cao.  - là ngành chủ lực trong sự phát triển kinh tế  I.**CÁC NHÂN TỐ TỰ NHIÊN**  =>nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội  -Tài nguyên đa dạng là cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, tạo cho công nghiệp phát triển cơ cấu đa ngành.  =>Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn và phân bố tập trung => là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm:  + Khai thác nhiên liệu(Than , thuỷ điện, nhiệt điện, luyện kim màu và luyện kim đen):Trung du miền núi Bắc Bộ  + Hoá chất:(Phân bón hoá chất cơ bản- Trung du miền núi Bắc Bộ)  (Phân bón hoá dầu- Đông Nam Bộ)  +...  => Sự phân bố các loại tài nguyên khác nhau tạo ra thế mạnh của từng vùng.  **=>cần có kế hoạch khai thác hợp lí, tránh làm ô nhiễm môi trường** |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp:nêu và giải quyết vấn đề***

II.CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ XÃ HỘI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ?Nêu các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển, phân bố Công nghiệp?  \***lớp chia làm 4 nhóm**-kĩ thuật khăn phủ bàn :tìm hiểu đặc điểm của mối nhân tố , đặc điểm đó tạo thuận lợi gì, khó khăn gì cho sự phát triển và phân bố Công nghiệp?    -Dân số đông->thị trường trong nước rộng lớn  -Nguồn lao động đông-> thuận lợi cho Kinh tế phát triển  **Dân cư & lao động**  Các nhân tố Kinh tế -xã hội  -CSVC(cơ sở vật chất-kĩ thuật): chưa đồng bộ, trình độ thấp, phân bố chưa đều  -CSHT(cơ sở hạ tầng): đang được cải thiện  **CSVC-KT &CSHT**  -Công nghiệphóa và đầu tư  -chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần & đổi mới thủ tục hành chính  chínhsách pháttriển  Côngnghiệp  Thị trường  -Sức cạnh tranh với hàng ngoại nhập  -Sức ép cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu | | | ?Việc cải thiện hệ thống giao thông có ý nghĩa như thế nào với việc phát triển Công nghiệp?  **Kĩ thuật động não**?Thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với việc phát triển công nghiệp?  ?Sản phẩm công nghiệp ước ta đang phải đối đầu với những thách thức gì  **Kĩ thuật động não**  ?Chúng ta phải làm gì để chiếm lĩnh được thị trường?  **Định hướng hình thành**  **-Phẩm chất: liên hệ vận dụng thực tiễn, tự tin, tự chủ...**  **-Năng lực: hợp tác, tư duy sáng tạo,** **tự học, sö dông sè liÖu thèng kª**..**...** | ->Nối liền các ngành, các vùng sản xuất, giữa sản xuất và tiêu dùng; thúc đẩy chuyên môn hoá sản xuất và hợp tác Công nghiệp  ->Quy luật cung-cầu giúp công nghiệp điều tiết sản xuất. Thúc đẩy chuyên môn hoá sản xuất theo chiều sâu; tạo môi trường cạnh tranh  =>sức ép cạnh tranh trên thị trường Xuất khẩu & cạnh tranh hàng ngoại nhập  =>các ngành sản xuất phải cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm | |

***2.3. Hoạt động luyện tập***

1.Hãy sắp xếp các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội ( được nêu trong bài ) tương ứng với các yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triểnvà phân bố công nghiệp.

|  |
| --- |
| Các yếu tố đầu ra |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các yếu tố đầu vào |  | Sự phát triển và phân bố công nghiệp |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?** Theo em, với những nguồn lực của mình, Việt Nam ta có thể phát triển các thế mạnh công nghiệp nào?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm đọc các tư liệu về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp để hiểu sâu hơn nội dung bài học.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn: 25/9/2019 Ngày dạy :

TUẦN: 07- TIẾT:14

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Biết được đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta và một số trung tâm công nghiệp chính của các ngành này.

- Hiểu được hai khu vực tập trung công nghiệplớn nhất là Đồng Bằng Sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ.

2. Kĩ năng: - HS đọc và phân tích biểu đồ lược đồ

3. Thái độ: giáo dục HS

-Có ý thức đúng đắn về đường lối phát triển của ngành công nghiệp nước nhà

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: tư duy s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:**yêu môi trường(phát triển kinh tế bền vững)

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV:- Bản đồ công nghiệp và bản đồ kinh tế Việt Nam.

2.HS: Dụng cụ học tập.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học bằng trò chơi...

**-**Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ

**- Phương pháp dạy học bằng trò chơi: Ai trả lời nhanh hơn?**

**-Hình thức tổ chức lớp học:** chia nhóm (mỗi dãy một nhóm) thảo luận trong một phút- GV bốc thăm 1 HS bất kì theo phiếu –một em lên bảng đại diện cho dãy để trả lời câu hỏi:

?Những nhân tố nào đã ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta?

-GV kết luận sau khi trò chơi kết thúc, cho điểm HS và nhóm HS thắng cuộc

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

*Từ trò chơi gv giới thiệu bài*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  ? *Dựa vào SGK cho biết cơ cấu ngành công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta được phân ra như thế nào?*  *? Qua phân tích và kênh chữ SGK em có nhận xét gì về nền công nghiệp nước ta?*  HS: Đọc khái niệm ngành Công nghiệp trọng điểm  *? Dựa vào H 12.1 SGK hãy xếp thứ tự các ngành công nghiệptrọng điểm của nước ta theo tỉ trọng từ lớn đến nhỏ?*  **Kĩ thuật động não**? *Ngành công nghiệp trọng điểm có vai trò trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp như thê nào*? | **I. CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**  - Bao gồm các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.  - Có đầy đủ các ngành  + Một số ngành trọng điểm đã được hình thành, là những ngành chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản lượng công nghiệp. Nhưng vẫn dựa trên thế mạnh tài nguyên thiên nhiên hoặc nguồn lao động của vùng.  =>thứ tự các ngành công nghiệp trọng điểm:  Chế biến lương thực thực phẩm-> cơ khí điện tử-> khai thác nhiên liệu  => Thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

**II.CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**.

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  Nhóm 1:  *? Nguồn than ở nước ta có những loại nào?*  *? Tìm và đọc tên các mỏ than,mỏ dầu khí được khai thác chủ yếu trên lược đồ H12.2?*  Nhóm 2  *? Ngành Công ngiệp điện của nước ta phát triển dựa trên những thế mạnh nào?*  *? Cho biết sự phát triển của ngành công nghiệp điện ở nước ta và tình hình phân bố của chúng?*  *? Xác định các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện được khai thác chủ yếu trên lược đồ H12.2?*  *? Nguyên nhân nào đã làm cho sản lượng điện nước ta tăng nhanh?*  Nhóm 3  *? Cho biết ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm dựa trên những thế mạnh nào?*  *?nêu đặc điểm phát triển và phân bố của ngành này?*  Nhóm 4  *? Cho biết ngành công nghiệp dệt may dựa trên những thế mạnh nào?*  *?nêu đặc điểm phát triển và phân bố của ngành này?*  *? Địa phương em ở có những ngành công nghiệp nào xây dựng và hoạt động?*  *?Khi phát triển các ngành công nghiệp cần phải chú ý như thế nào về môi trường?* | **1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu**  - Nước ta có nhiều mỏ than: Than đá, than bùn, than nâu, than mỡ  -Khai thác than chủ yếu ở Quảng Ninh chiếm 90% trữ lượng, mỗi năm khai thác 3.5 tỉ tấn, xuất khẩu 15-20 triệu tấn.( - Than: Đông Triều, Hòn Gai, Cẩm Phả . . .  - Dầu: Hồng ngọc, Rạng Đông, Bạch Hổ, Rồng  - Khí đốt: Tiền Hải, Lan Tây, Lan Đỏ . .)  -Dầu mỏ khí đốt chủ yếu khai thác vùng thềm lục địa phía nam.  **2.Công nghiệp điện.**  =>Thế mạnh: Nguồn than và dầu khí và nguồn thuỷ năng .  => Mỗi năm sản xuất trên 40 tỉ Kwh, sản lượng ngày càng tăng đáp ứng nhu cầu sản suất và sinh hoạt.  -Nhiệt điện:  + Các nhà máy Phả Lại, Uông Bí, Ninh Bình dựa vào nguồn than  + Các nhà máy:Thủ Đức ,Phú Mĩ, Trà nóc . .dựa vào dầu khí  -Thuỷ điện: Thác Bà, Hoà Bình, Y-A-Ly,Trị An và một số vừa và nhỏ dựa vào các dòng sông  =>Do xây dựng nhiều công trình thuỷ điện lớn  **3.Một số ngành công nghiệp nặng khác**.(không dạy)  **4. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.**  **=>**dựa trên thế mạnh về nguồn nông, lâm sản và thủy sản có sẵn của hoạt động nông-lâm-ngư nghiệp  - Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp chủ yếu chế biến các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và thuỷ sản.  =>Phân bố: ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh....  **5.Công nghiệp dệt may**.  - Phát triển dựa trên nguồn lao động dồi dào  - Sản xuất hàng tiêu dùng trong nước và một phần xuất khẩu. trung tâm lớn Thành phố Hồ Chí Minh,Hà Nội, Nam Định . . .  =>ở địa phương em....  =>Phát triển công nghiệp phải đi đôi với bảo về môi trường bằng cách: các cơ sở sản xuất công nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về an toàn, thân thiện với môi trường......  **Định hướng hình thành:**  **-Phẩm chất: yêu môi trường**  **-Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy , giao tiếp, hợp tác** |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục III***

***Phương pháp:* dạy học trực quan**

**III.Các trung tâm công nghiệp lớn**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Yêu cầu HS lên bảng làm việc trên lược đồ công nghiệp Việt Nam***  ***?****Hãy xác định hai khu vực trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước? Kể tên một số trung tâm công nghiệp phát triển tiêu biểu cho hai khu vực trên?*  **Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ**... | - Đông Nam Bộ( Thành phố Hồ Chí Minh)  - Đồng Bằng Sông Hồng( Hà Nội) |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

?Hãy chứng minh rằng cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp hiện nay, theo em mình phải làm gì với tư cách một người chuẩn bị bước vào cuộc sống sau khi học xong cấp 2?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS hãy tìm hiểu về sự phát triển và các trung tâm công nghiệp của tỉnh Hưng Yên

bằng cách vào google tìm kiếm “các trung tâm công nghiệp của tỉnh Hưng Yên”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày /9/2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn : 2/10/2019

Ngày dạy: TUẦN:8- TIẾT:15

**BÀI:13**

###### VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN

###### VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS :

1.Kiến thức

- Biết được ngành dịch vụ ở nước ta cóp cơ cấu rất phức tạp và ngày càng đa dạng.

- Hiểu được ngành dịch vụ có ý nghĩa ngày càng tăng trong việc đảm bảo sự phát triểncủa các ngành kinh tế khác, trong hoạt động của đời sống xã hội và tạo việc làm cho nhân dân, đóng góp vào thu nhập của quốc dân.

- Hiểu được sự phân bố ngành dịch vụ của nước ta phụ thuộc vào sự phân bố dân cư và sự phân bố của các ngành kinh tế khác.

2.Kĩ năng: HS rèn các kĩ năng:

- Vẽ sơ đồ, giải thích sự phân bố ngành dịch vụ.

3. Thái độ: -Giáo dục HS ý thức học tập chăm chỉ

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: quan sát thực tế và suy ngẫm ; năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ,tính toán số liệu...

4.2 Phẩm chất**:**có tinh thần vượt khó, tự lập, tự tin

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:- Phóng lớn sơ ồ cơ cấu các ngành dịch vụ nước ta.

2. HS: Dụng cụ học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, dạy học dự án, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: trình bày một phút, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ**: thi ai trả lời nhanh**

Câu 1: Em hãy chứng minh rằng cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng?

Câu 2: Nêu các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta ?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

*GV cho HS chơi 1 trò chơi tập thể khởi động (trò hãy làm theo lời tôi làm không nghe theo lời tôi nói)*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp:* phương pháp dạy học dự án**  *Kĩ thuật: trình bày một phút*  HS báo cáo trước lớp theo câu hỏi đã giao về nhà chuẩn bị theo dự án với những câu hỏi sau:  HS: Đọc thuật ngữ ''Dịch vụ''  **? Ngành dịch vụ bao gồm những hoạt động kinh tế nào? Nêu cơ cấu của ngành dịch vụ?**  Kĩ thuật động não***? Chứng minh rằng nền Kinh tế nước ta càng phát triển thì các hoạt động dịch vụ càng thêm đa dạng?***  ***? Ngành dịch vụ có những vai trò như thế nào trong sản xuất và đời sống?***  *Các nhóm báo cáo kết quả theo dự án GV đã giao-nhóm khác bổ sung-GV chuẩn kiến thức*  **-N¨ng lùc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, hîp t¸c; giao tiÕp...** | **I. CƠ CẤU VÀ VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ TRONG NỀN KINH TẾ**  **1. Cơ cấu**  - Gồm một tập hợp các hoạt động kinh tế rộng lớn và phức tạp, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người, gồm:  + Dịch vụ tiêu dùng  + Dịch vụ sản xuất  + Dịch vụ công cộng  =>Nền Kinh tế càng phát triển dịch vụ càng đa dạng  Ví dụ: Một bệnh viện mọc lên=> 1 loạt các dịch vụ xung quanh bênh viện đó mọc lên như: các cửa hàng bán đồ, dịch vụ giao thông....  **2.Vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống**  -Trong sản xuất  +Cung cấp nguyên liệu, vật tư cho các ngành kinh tế  +Tiêu thụ các sản phẩm, thúc đẩy các ngành phát triển.  +Tạo mỗi liên hệ giữa các ngành sản xuất trong nước, giữa nước ta với nước ngoài.  -Trong đời sống  +Thu hút lao động, tạo việc làm cho người dân  +Nâng cao đời sống (về tinh thần và vật chất) đem lại nguồn thu nhập lớn cho kinh tế nước nhà. |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

**CÁC NGÀNH DỊCH VỤ Ở NƯỚC TA**

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  ?***Cho biết đặc điểm phát triển của các ngành Dịch vụ?***  ***?\*Quan sát h13.1***  ***?Tính tỉ trọng của các nhóm Dịch vụ?***  ***?Nêu phương hướng phát triển của ngành dịch vụ?***  ***?Hoạt động Dịch vụ phân bố phụ thuộc vào nhân tố nào?***  ***?Cho biết đặc điểm phân bố của ngành Dịch vụ ở nước ta?Chứng minh?***  *Hoạt động nhóm-thảo luận nhóm*  ***?Tại sao Hà Nội &Thành phố Hồ Chí Minh là 2 trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng nhất?*** | **1. Đặc điểm Phát triển**  -Trong khi mở cửa nền kinh tế, các hoạt động dịch vụ đã phát triển khá nhanh và ngày càng có cơ hội để vươn ngang tầm khu vực và thế giới  - Dịch vụ mới thu hút 25% lao động nhưng lại chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP(38,5%)  =>Dịch vụ tiêu dùng 51%, Dịch vụ sản xuất 26,8%, Dịch vụ công cộng 22,2% =>2 dịch vụ quan trọng nhưng tỉ trọng còn thấp, dịch vụ chưa thật phát triển  =>Nâng cao chất lượng dịch vụ,đa dạng hoá các loại hình dịch vụ dựa trên trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề, cơ sở hạ tầng kĩ thuật tốt  **2. Đặc điểm phân bố**  -Phụ thuộc chặt chẽ vào sự phân bố của đối tượng dịch vụ, trước hết là sự phân bố dân cư  -Hoạt động dịch vụ phân bố không đều, tập trung ở những nơi đông dân cư, kinh tế phát triển  -Thành phố Hồ Chí Minh & Hà Nội là 2 trung tâm dịch vụ lớn nhất , đa dạng nhất ở nước ta  =>Xuất phát từ vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học-kĩ thuật…=>dân cư tập trung đông  **Định hướng hình thành năng lực : tư duy tổng hợp, tính toán số liệu,quan sát thực tế và suy ngẫm, hợp tác..** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

*?Vai trò của các ngành Dịch vụ?*

*?Đặc điểm phat triển và phân bố của ngành Dịch vụ?*

*-Làm các bài tập trong sách bài tập địa lí*

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Nêu suy nghĩ của em về tác động của sự phát triển dịch vụ tới cuộc sống và sản xuất?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

*-HS về tìm hiểu những tư liệu về các trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước trên các khía cạnh về: tài chính, văn hóa, giáo dục để hiểu sâu hơn nội dung bài học.*

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Ngày soạn: 3/10/2019*** Ngày dạy :

BÀI:14 Tuần: 08 -Tiết :16

GIAO THÔNG VẬN TẢI

### **VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS đạt được:

1.Kiến thức

-HS biết được đặc điểm phân bố các mạng lưới và các đầu mối giao thông vận tải chính của nước ta ,cũng như những bước tiến mới trong hoạt động giao thông vận tải.

-HS hiểu được các thành tựu to lớn của ngành bưu chính viễn thông và tác động của những bước tiến này đến đời sống Kinh tế – xã hội của đất nước .

2.Kĩ năng :HS rèn các kĩ năng:

-Biết đọc và phân tích lược đồ giao thông vận tải của nước ta .

-Biết phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố mạng lưới giao thông vận tải với sự phân bố các ngành kinh tế khác .

-Đọc và phân tích biểu đồ, bảng số liệu

3. Thái độ: giáo dục HS có ý thức về việc mở rộng mối quan hệ trong nước và trên thế giới bằng việc phát triển hai ngành này.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: sö dông sè liÖu thèng kª...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:Bản đồ giao thông việt Nam

2. HS: Dụng cụ học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan,dạy học dự án, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ

**?** Ngành dịch vụ có những vai trò gì trong sự phát triển kinh tế và đời sống xã hội.?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

*GV cho cả lớp hát 1 bài tập thể để tạo không khí*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học theo dự án, dạy học trực quan***  *HS đã chuẩn bị theo nội dung sau (GV đã giao từ tiết trước) báo cáo trước lớp-bổ sung-GV chuẩn kiến thức*  *? Phân tích những thuận lợi và khó khăn của ngành giao thông nước ta.?*  ***? Đọc và tóm tắt về vai trò ý nghĩa của ngành Giao thông vận tải?***  Phương pháp dạy học trực quan ( hỏi-đáp)  ***? Quan sát Bản đồ ngành giao thông vận tải và bảng số liệu 14.1 SGK cho biết nước ta có mấy loại hình vận ?***  *Kĩ thuật động não****?Loại hình vận tải nào chiếm tỉ trọng lớn nhất trong vận tải hàng hoá?Tại sao?***  ***?Ngành nào vận tải nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất***?  ?Nêu phương hướng phát triển của giao thông vận tải?  ***\*Quan sát H 14.2***  ***-Xác định các tuyến đường bộ xuất phát từ Hà Nội & Thành phốHồ Chí Minh; các tuyến đường sắt chính; các cảng biển , sân bay lớn của nước ta?***  -N¨ng lùc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp, sö dông sè liÖu thèng kª... | **I.Giao thông vận tải**  -Thuận lợi: Vị trí nước ta nằm gần trung tâm Đông Nam Á giáp biển -> thông đường biển trong và ngoài nước.  Phần đất liền kéo dài theo chiều Bắc-Nam dải Đồng bằng gần như liên tục ven biển, bờ biển dài -> xây dựng hệ thống Giao thông Bắc-Nam dễ dàng . . .  -Khó khăn :+ Việt Nam ta có hình thể hẹp ngang, địa hình có nhiều đồi núi cao, chia cắt sâu -> xây dựng tuyến đường Đông-Tây khó khăn  + Khí hậu nhiệt đới ẩn gió mùa, có nhiều mưa bão, lũ lụt, sông ngòi dày đặc . . .  +Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém, vốn ít, trình độ quản lý thấp kém.  => Giao thông vận tải là ngành không trược tiếp sản xuất ra của cải vật chất nhưng nó không thể thiếu được trong sản xuất và đời sống con người  **1.ý nghĩa**  -Rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế -xã hội(nó vận chuyển vật liệu, hàng hoá, hành khách . . . từ nơi này đến nơi khác, thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển đồng thời bảo vệ tổ quốc)  **2.Giao thông vận tải nước ta đã phát triểnđầy đủ các loại hình**  -Có đủ loại hình vận tải  -Đường bộ chiếm tỉ trọng lớn nhất =>vì ôtô rất cơ động, di chuyển nhanh và có thể đi trên nhiều loại địa hình với quãng đường dài ngắn khác nhau; thời gian gần đây được đầu tư nâng cấp nhiều tuyến đường và phương tiện vận tải...  -Đường hàng không có tỉ trọng tăng nhanh nhất=> vì máy bay đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá nhanh không ngành nào kịp, tuy nhiên tỉ trọng còn nhỏ  => Giao thông được đầu tư : nâng cấp các tuyến đường , cảng biển, cảng hàng không, bắc cầu mới thay cho phà.Ngành hàng không được hiện đại hoá nhanh, mở rộng mạng lưới quốc tế và nội địa  => *các tuyến đường bộ xuất phát từ Hà Nội &**Thành phốHồ Chí Minh: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh....*  *=> các tuyến đường sắt chính:Đường sắt Bắc- Nam.....*  *=> các cảng biển :Cái Lân,Hải Phòng, Đà Nẵng...*  *=> sân bay lớn :Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng...* |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

**II.Bưu chính viễn thông**

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** –kĩ thuật khăn phủ bàn và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau: ***? Ngành bưu chính viễn thông có vai trò ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế và đời sống xã hội?***  ***? Cho biết dịch vụ cơ bản của ngành bưu chính viễn thông nước ta?***  ***? Sự phát triển vượt bậc của ngành bưu chính viễn thông nước ta được thể hiện như thế nào?***  ***? Qua Bản đồ H 14.3 Em có nhận xét gì về mật độ điện thoại cố định?(đang tăng)***  ***? Việc phát triển Internet tác động như thế nào đến đời sống Kinh tế – xã hội?*** | - Ý nghĩa  +Tiếp thu những tiến bộ khoa học kĩ thuật  +Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ cũng như giao lưu văn hoá xã hội.  + Đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp, hội nhập nền kinh tế thế giới  -Dịch vụ:  +Điện thoại, điện báo, Truyền dẫn số liệu, Intenét, báo chí, bưu điện, bưu phẩm. . . .  => ***Sự phát triển vượt bậc của ngành bưu chính viễn thông nước ta:***  + Mạng bưu cục không ngừng mở rộng và nâng cấp.Nhiều dịch vụ mới có chất lượng cao ra đời  +Mật độ điện thoại tăng nhanh  + Năng lực mạng viễn thông quốc tế và liên tỉnh được nâng lên vượt bậc   * ***Internet*** Tác động cả hai mặt   +Tích cực: giúp cho thông tin liên lạc trong và ngoài nước được tiện lợi và nhanh chóng nhất . .  +Tiêu cực: có những thông tin hình ảnh bạo lực, đồi truỵ . . . .  **Định hướng hình thành năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, tư duy...**  Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

1. Trong các loại hình giao thông nước ta loại hình nào xuất hiện lâu nhất loại nào mới xuất hiện gần đây nhất.?

2.Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế xã hội nước ta?

3. Đường quốc lộ 1A đi qua những vùng kinh tế nào?

4. Giải thích vì sao đường bộ lại có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Nêu suy nghĩ của em về sự tác động của sự phát triển của 2 ngành vừa học trong cuộc sống của em ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS hãy tìm hiểu tư liệu về quốc lộ 1A và đường sắt Thổng Nhất bằng công cụ google

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 8/10/2018 Ngày dạy :

TUẦN:9- TIẾT:17

**Bài :15**

**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- HS biết được các đặc điểm phát triển và phân bố ngành thương mại và du lịch ở nước ta.

-Hiểu được tại sao Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là các trung tâm thương mại, du lịch lớn nhất cả nước.

- HS hiểu được rằng nước ta có tiềm năng du lịch khá phong phú và ngành du lịch đang trở thành ngành kinh tế quan trọng.

2.Kĩ năng: HS rèn các kĩ năng:Đọc và phân tích biểu đồ, bảng số liệu

3. Thái độ: Giáo dục HS ý thức học tốt

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp ...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:** chăm chỉ, tự chủ, có tinh thần vượt khó...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: - Bản đồ các nước trên thế giới

- Bản đồ du lịch việt Nam

2. HS: Dụng cụ học tập

**III.PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: dạy học theo nhóm, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học trực quan...

-Kĩ Thuật:Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ

**Thi xem ai trả lời nhanh hơn**

Câu 1: Nước ta có những loại hình giao thông nào trong đó loại hình nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá? Vì sao?

- Có đầy đủ các loại hình Giao thông . . .

- Giao thông đường bộ có vai trò quan trọng nhất vì chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu hàng hoá vận chuyển, đảm đương phần chủ yếu nhất nhu cầu vận tải trong nước

Câu 2: Đường quốc lộ 1A đi qua những vùng kinh tế trọng điểm nào?

(Cả ba miền nước ta )

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

*GV từ trò chơi để giới thiệu vào bài*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học theo dự án, dạy học thảo luận nhóm***  *HS báo cáo theo dự án đã giao về nhà hôm trước theo các nội dung sau:*  ***? Ngành thương mại nước ta có vai trò gì trong sự phát triển kinh tế xã hội?***  ***? Ngành thương mại ở nước ta bao gồm những ngành chính nào?***  \*GV giao cho các nhóm thảo luận và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  ***Nhóm 1: Tìm hiểu về nội thương***  ***? Với kiến thức đã học ở lớp 6***  ***và sự hiểu biết của bản thân em hãy cho biết nội thương là ngành kinh tế hoạt động như thế nào?***  ***? Nước ta có nhiều thành phần kinh tế của nhà nước , của tư nhân, cá thể . . .theo em thì thành phần kinh tế nào giúp cho ngành nội thương pháp triển mạnh nhất?***  ***? Dựa vào Bản đồ15.1 SGK hãy nhận xét về sự phân bố theo***  ***vùng của ngành nội thương?***  ***?Hoạt động nội thương tập trung nhiều nhất ở những vùng nào. Vì sao?***  ***? Quan sát và nhận xét về 4 bức tranh SGK tr 57-58***  ***Nhóm 2: Tìm hiểu về ngoại thương***  ***? Ngành ngoại thương nước ta có vai trò như thế nào trong sự phát triển kinh tế- xã hội?***  ***? Qua biểu đồ H15.6 tr 58 SGK hãy nhận xét biểu đồ và kể tên các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta mà em biết?***  ? ***kể tên các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta mà em biết?***  ***? Hãy kể tên các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương buôn bán với nước ta nhiều nhất ?Vì sao?***  ***? Việc buôn bán với các nước trong khu vực Đông Nam Á có những khó khăn nào?***  ***? Để xuất khẩu không bị thua thiệt trên thị trường Thế giới thì yếu tố nào cần được quan tâm hàng đầu?***  -N¨ng lùc tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp ... | I. THƯƠNG MẠI:  -Thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất cũng như bảo đảm các nhu cầu về đời sống của nhân dân.  -Cung cấp vật tư nguyên liệu cho các ngành sản xuất và thu mua các sản phẩm rồi lại phân phối lại cho người tiêu dùng hoặc xuất khẩu mua lại máy móc trang thiết bị . . .  -Sử dụng một lực lượng lao động tương đối lớn.  **=>*gồm :***Ngành nội thương và ngoại thương  **1. Nội thương:**  =>Là ngành kinh tế tạo ra mỗi quan hệ giao lưu kinh tế xã hội trong nội bộ nước nhà, gồm cả hệ thống các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán, các đại lý thương mại, siêu thị, cửa hàng tư nhân, các chợ họp khắp mọi nơi  ***=>***Kinh tế tư nhân *giúp cho ngành nội thương pháp triển mạnh nhất*  -Phát triển với hàng hoá phong phú đa dạng, mạng lưới lưu thông hàng hoá có khắp mọi nơi nhưng chênh lệch theo vùng  => Ở Đông Nam Bộ vì có số dân đông sức mua lớn , các hoạt động kinh tế phát triển.  +Tây Nguyên thấp nhất.  + Hai trung tâm lớn nhất là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.  =>Đó là những hình ảnh về các trung tâm mua bán lớn của cả nước  2. Ngoại thương:  =>Vai trò:+ Là ngành kinh tế tạo ra mỗi quan hệ giao lưu kinh tế xã hội giữa nước ta và các nước khác trên Thế giới  + Giải quyết đầu ra, đầu vào cho các sản phẩm  +Đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất  +Giải quyết việc làm tăng thu nhập cải thiện đời sống cho nhân dân.  - Xuất khẩu  + Hàng công nghiệp nặng, khoáng sản  + Hàng công nghiệpnhẹ và tiểu thủ công nghiệp.  + Hàng nông lâm thuỷ sản.  - Nhập khẩu  + Máy móc thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu.  +Hàng tiêu dùng  => *khu vực Châu Á Thái Bình Dương buôn bán với nước ta nhiều nhất :vì*  + Vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển giao nhận hàng hoá  + Các mối quan hệ có tính truyền thống  + Thị hiếu tiêu dùng có nhiểu điểm tương đồng nên dể thâm nhập thị trường  + Tiêu chuẩn hàng hoá không cao lắm phù hợp với trình độ .  => Cùng một xứ sở nên các điều kiện tự nhiên , xả hội tạo nên cùng mặt hàng giống nhau . . .  => Chất lượng và mẫu mã hàng, sự am hiểu pháp luật và thông lệ quốc tế, thông tin về nhu cầu và giá cả thị trường . . .. |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp dạy học thảo luận nhóm***

**II. DU LỊCH:**

|  |  |
| --- | --- |
| HS **Thảo luận nhóm-**trình bày 1 phút (lớp chia 3 nhóm)  ***? Ngành du lịch có vai trò như thế nào trong sự phát triển kinh tế xã hội?***  ***? Nước ta có những nguồn tài nguyên nào để phát triển du lịch.***  ***? Theo em thì cần có những điều kiện nào để thúc đẩy ngành du lịch nước ta phát triển?*** | **- Vai trò**  + Mở rộng quan hệ, giao lưu trong và ngoài nước  + Giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân  + Tăng thu nhập cho kinh tế cả nước  **- Tài nguyên.**  + Tự nhiên ( phong cảnh, bãi tắm, khí hậu tốt sinh thái . . .)  + Nhân văn (các công trình kiến trúc, các di tích lịch sử, lễ hội, văn hoá dân gian . . )  \* Vinh Hạ Long, Phong Nha Kẻ Bàng, cố đô Huế, phố cổ Hội An , hội cồng chiêng Tây Nguyên . . . được công nhận là di sản thế giới.  => đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng . . .. .  - Giữ vững an ninh chính trị ,. . . ..  - Nâng cao tinh thần thái độ phục vụ . . .  **Định hướng hình thành năng lực hợp tác, tư duy sáng tạo cho HS**  **Phẩm chất: chăm chỉ, tự chủ, có tinh thần vượt khó...** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

?Hãy lên bảng chỉ trên bản đồ các trung tâm thương mại, các địa điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam?

?Nêu vai trò của thương mại và du lịch?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

*? Em có nhận xét đánh giá gì về tiềm năng du lịch của tỉnh Hưng Yên?*

(=>Hưng Yên có tiềm năng bao gồm :Du lịch lịch sử, lễ hội dân gian, )

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+ Tìm hiểu các chợ lớn ở địa phương

+ Hiện nay nước ta xuất phẩu, nhập khẩu những mặt hàng nào?

+Theo em thì cần có những điều kiện nào để thúc đẩy ngành du lịch nước ta phát triển.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 8/10/2019 Ngày dạy:

BÀI: 16 TUẦN: 09 - TIẾT:18

**THỰC HÀNH**

### **VẼ BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- Củng cố lại các kiến thức đã học ở bài 6 về cơ cấu kinh tế theo ngành của nước ta.

2.Kĩ năng :HS rèn các kĩ năng

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu bằng biểu đồ miền.

- Nhận xét biểu đồ.

3. Thái độ: HS yêu mến môn học

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: hîp t¸c; tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực vẽ và phân tích biểu đồ

4.2 Phẩm chất**:** Tự chủ, chính xác, có tinh thần vượt khó...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:Phóng lớn Bản đồ/33 SGK

2. HS: Dụng cụ học tập

**III.PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: dạy học theo nhóm, luyện tập thực hành...

-Kĩ Thuật:Thảo luận nhóm, động não...

IV.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ **Thi ai trả lời nhanh**

?Nêu sự phát triển và phân bố của ngành thương mại?

?Nêu sự phát triển và phân bố của ngành du lịch?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

*GV từ trò chơi để giới thiệu bài*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài 1**  -Phương pháp luyện tập thực hành  ?Nêu yêu cầu của bài 1?  ?Khi nào thì ta vẽ biểu đồ miền?  **GV**: **hướng dẫn cách vẽ**    **HS Tiến hành vẽ biểu đồ miền**  - Năng lực vẽ biểu đồ  **Hoạt động 2:Hướng dẫn HS làm bài tập 2**  **-Phương pháp hoạt động nhóm**  GV cho HS thảo luận nhóm  Câu hỏi SGK tr/60  GV nhận xét: | **Bài tập 1:**  => Vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP của nước ta thời kỳ 1991-2002  - Nhận biết trong trường hợp nào thì có thể vẽ biểu đồ cơ cấu bằng biểu đồ miền.  +Khi chuỗi số liệu là nhiều năm. (ít thì vẽ biểu đồ hình tròn)  + Không vẽ biểu đồ miền khi chuỗi số liệu không phải là theo các năm, vì trục hoành trong biểu đồ miền biểu diễn năm.  - Vẽ biểu đồ miền  + Biểu đồ miền chính là một biến thể từ biểu đồ cột chồng, khi ta tưởng tượng các cột chồng có bề rộng chỉ bằng sợi chỉ và ta nối các đoạn với nhau.  + Vẽ biểu đồ miền hình chữ nhật(bảng số liệu đã cho trước là số liệu %) ngoài ra còn có thể vẽ bản đồ miền hình tròn, hình vuông . . . .  **.** Trục tung ( đứng) có giá trị là 100% (tổng số)  . Trục hoành( ngang) là các năm, khoảng cách giữa các điểm thể hiện các thời điểm(năm) dài hay ngắn tương ứng với khoảng cách các năm  .Vẽ lần lượt theo từng chỉ tiêu chữ không phải lần lượt theo các năm. Cách xác định các điểm giống như khi vẽ biểu đồ cột chồng.  + Tô màu hay kẻ vạch.  + Thiết lập bảng chú giải  **Bài tập 2:**  =>Nhận xét: - Sự giảm mạnh tỉ trọng của nông lâm, ngư nghiệp từ 40,5% xuống còn 23% nói lên nước ta đang chuyển dần từ nước nông nghiệp sang nước công nông nghiệp.  -Tỉ trọng của khu vực kinh tế công nghiệp– xây dựng tăng lên rất nhanh phản ánh quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đang tiến triển mạnh  **Định hướng hình thành**  **-Phẩm chất: Tự chủ, chính xác, có tinh thần vượt khó...**  **-Năng lực phân tích biểu đồ, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy..** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

?Em hãy nêu lại cách vẽ biểu đồ miền?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Nêu các trường hợp ứng dụng vẽ biểu đồ miền?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

?HS tìm hiểu tư liệu trên Internet về nội dung cụ thể của đường lối đổi mới kinh tế của nước ta?

**Câu hỏi ôn tập**

**Câu 1:**Nêu đặc điểm dân số nước ta?

**Câu 2**.Nêu nguyên nhân, hậu quả và hướng khắc phục của sự gia tăng dân số quá

nhanh của nước ta?

**Câu 3** : Tại sao nói vấn đề việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta ? Để giải

quyết vấn đề việc làm cần tiến hành những biện pháp gì?

**Câu 4 :** Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Các dân tộcsinh sống ở đâu? Làm nghề gì?

**Câu 5** : Cho biết nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự đổi thay to lớn của nền

nông nghiệp nước ta trong những năm đổi mới ?

**Câu 6 :** Nền kinh tế nước ta hiện nay có cơ cấu như thế nào?

**Câu 7 :** Những nhân tố ảnh hưởng nào đã đến sự phát triểnvà phân bố ngành nông

nghiệp Việt Nam?

**Câu 8** : Do đâu mà sản lượng lúa của nước ta có tốc độ tăng nhanh?

**Câu 9 :** Cho biết về tình hình tài nguyên rừng nước ta hiện nay? Chúng ta cần có

những biện pháp gì trước tình hình ấy?

**Câu 10 :** Nêu những nhân tố ảnh hưởng nào đã đến sự phát triểnvà phân bố ngành

công nghiệp nước ta ? Giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thức thực

phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp của cả nước?

**Câu 11:** Ngành dịch vụ nước ta có vai trò đặc điểm gì trong sự phát triển kinh tế xã

hội?

**Câu 12**:Việc cải thiện hệ thống đường giao thông đối với sự phát triển công nghiệp

có ý nghĩa gì?

**BÀI TẬP** Ôn lại cách vẽ các loại biểu đồ đã học ( hình cột, hình tròn, đường, miền, . . . . . .)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: 16/10/2019***

Ngày dạy: TUẦN:10 - TIẾT: 19

### **ÔN TẬP**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

-Củng cố lại kiến thức về dân cư, các ngành kinh tế nước ta.

2.Kĩ năng:HS rèn các kĩ năng:

-Xử lí số liệu, Vẽ biểu đồ, sử dụng bản đồ

3. Thái độ: -Giáo dục HS ý thức học tập nghiêm túc

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp ptheo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: Bản đồ dân cư Việt Nam, Bản đồ kinh tế chung Việt Nam

2 -Đồ dùng học tập

**III.PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT**

-Phương pháp: dạy học theo dự án, luyện tập thực hành...

-Kĩ thuật: thảo luận nhóm, .kĩ thuật trình bày một phút...

IV.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra bài cũ (Kiểm tra phần dự án đã giao cho HS ôn tập)

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* Vào bài mới

GV giới thiệu bài bằng cách nêu nhiệm vụ bài ôn tập

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

**2.3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn**  **HS Ôn tập phần địa lí dân**  **cư**  -Phương pháp dạy học dự án  -Kĩ thuật : động não,trình  bày một phút  Hình thức tổ chức: học cá  nhân  HS trình bày một phút  để báo cáo phần dự án đã  giao về nhà chuẩn bị ôn tập  -HS bổ sung-GVchốt chuẩn  ***Câu 1:Nêu đặc điểm***  ***của dân số nước ta?***  ***Câu 2: Nước ta có bao***  ***nhiêu dân tộc?***  ***Các dân tộc sinh sống ở***  ***đâu? Làm nghề gì?***  ***Câu 3.Nêu nguyên nhân,***  ***hậu quả và hướng khắc***  ***phục của sự gia tăng dânsố quá nhanh của nước ta?.***  ***Câu 4 : Tại sao nói***  ***vấn đề việc làm đang***  ***là vấn đề gay gắt ở***  ***nước ta?***  ***?Để giải quyết vấn***  ***đề việc làm cần tiến***  ***hành những biện***  ***pháp gì?***  **Hoạt động 2: Hướng dẫn**  **HS tìm hiểu địa lí kinh tế**  **Việt Nam**  -Phương pháp dạy học dự án  -Kĩ thuật : động não,trình  bày một phút  Hình thức tổ chức: học cá  nhân  HS trình bày một phút  để báo cáo phần dự án đã  giao về nhà chuẩn bị ôn tập  -HS bổ sung-GVchốt chuẩn  ***Câu 5: Cho biết những***  ***sự đổi thay to lớn***  ***của nền kinh tế***  ***nước ta trong những***  ***năm đổi mới ?***  ***Câu 6 : Phân tích***  ***các nhân tố ảnh***  ***hưởng nào đã đến***  ***sự phát triển***  ***và phân bố ngành***  ***nông nghiệp Việt***  ***Nam?***  ***Câu 7 : Cho biết về***  ***tình hình tài nguyên***  ***rừng nước ta hiện***  ***nay?Chúng ta cần có***  ***những biện pháp gì***  ***trước tình hình ấy?***  ***Câu 8 : Phân tích***  ***các nhân tố ảnh***  ***hưởng nào đã đến***  ***sự phát triển***  ***và phân bố ngành***  ***công nghiệp Việt***  ***Nam?***    ***Câu 9 . Giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thức thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp của cả nước?***  ***Câu 11: Ngành dịch***  ***vụ nước ta có vai trò***  ***đặc điểm gì trong sự***  ***phát triển Kinh tế***  ***xã hội?***  ***Câu 12:Việc cải thiện hệ***  ***thống đường giao***  ***thông đối với sự***  ***phát triển công***  ***nghiệp có ý nghĩa gì?*** | **PHẦN I: ĐỊA LÍ DÂN CƯ**  - Số dân đông:  +79.7 triệu người(2002) + 80,9 triệu nguời(2003)  - Thành phần dân tộc( 54dân tộc)  + Người kinh: chiếm 86,2% số dân cả nước  Phân bố chủ yếu ở đồng bằng, trung du và duyên hải  Có kinh nghiệm thâm canh lúa nước .. . .  + Người dân tộc thiểu số :chiếm 13,8% số dân cả nước  Phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du  -Tỉ lệ gia tăng tự nhiên còn cao gần đây có giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh  -Mật độ cao 246 người/ km2 (2003)  - Sự phân bố dân cư không đồng đều  +Tập trung đông ở 2 Đồng bằng châu thổ và duyên hải  +Thưa vắng ở miền núi cao nguyên, hải đảo.  \* Nguyên nhân:  - Dân số trẻ và đông số người trong độ tuởi sinh đẻ quá đông .  - Nhiều người chưa có ý thức thực hiện kế hoạch hoá gia đình .  - Xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp. . .  - Y tế, khoa học kĩ thuật phát triển. . . .  \* Hậu quả:  - Khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm . . .  - Gây sức ép cho các công trình công cộng , bảo vệ an ninh  - Tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, môi trường ô nhiễm  \* Hướng khắc phục:  - Phân bố lại dân cư . . .  - Phát triển giáo dục . . .  -Thực hiện tốt chính sách dân số . . **\*Là vấn đề gay gắt ở nước ta.** +Số dân trẻ hàng năm tăng trên 1 triệu lao động  +Do đặc điểm mùa vụ ở nông thôn . . .  +Tỉ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị tương đối cao 6%.  +Nông thôn 22,3%  **-Biện pháp**  +Phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng, miền  + Đa dạng hoá hiện đại hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn.  +Phát tiển hoạt động công nghiệpdịch vụ ở đô thị.  +Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp.  +Xuất khẩu lao động  - Đường lối đổi mới trong nông nghiệp.  **PHẦN II: ĐỊA LÍ KINH TẾ**  **\*Kinh tế Việt Nam**  +Chuyển dịch theo ngành ( Giảm tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp. Tăng tỉ trọng công nghiệp xây dựng. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng có nhiều biến động)  +Chuyển dịch theo lãnh thổ: Hình thành vùng Kinh tế gồm các vùng nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong đó có 3 vùng kinh tế trọng điểm.  +Chuyển dịch từ kinh trế nhà nước và tập thể sang nền Kinh tế nhiều thành phần( cá thể, tư nhân, liên doanh, hợp doanh. . )  **A. Ngành nông nghiệp**  \***CÁC NHÂN TỐ TỰ NHIÊN**  1.Tài nguyên đất.  -Đa dạng  + Đất phù sa chủ yếu ở các đồng bằng -> trồng cây lúa nước . .  +Đất fe- ra- lít ở miền núi trung du -> trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây hoa màu .  2.Tài nguyên khí hậu  Nhiệt đới gió mùa ẩm tạo điều kiện cho cây cối phát triển quanh năm, có thể trồng được từ 2 đến 4 vụ/ năm. Trồng được nhiều loại cây từ nhiệt đới – ôn đới và cận nhiệt đới  Khó khăn: Các tai biến thiên nhiên, nấm mốc sâu bệnh, sương muối, rét hại . .. ảnh hưởng tới cây trồng và vật nuôi  3.Tài nguyên nước  Rất phong phú  + Nguồn nước trên mặt đất . . .  + Nguồn nước ngầm . .  4.Tài nguyên sinh vật. . . . phong phú và đa dạng  \*.CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ XÃ HỘI  1.Dân cư và lao động nông thôn. . . .  - Sử dụng 60% lao động sản xuất nông nghiệp và 74% số dân sinh sống nông thôn  2.Cơ sở vật chất –kĩ thuật . . . .  3.Chính sách phát triển nông nghiệp. . . .  4-Thị trường trong và ngoài nước. . . . .    **\* =>** Trước đây rừng rất giàu nhưng hiện nay đã bị  cạn kiệt ở nhiều nơi . . .  -Trong tình hình đó hiện nay chúng ta phải tiếp tục tu bổ khôi  phục tái tạo rừng. Thực hiện phương thức nông-lâm kết hợp,  giao đất giao rừng khoáng sản phẩn đến từng hộ gia đình Đồng  thời phải chọn lọc các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao phù  hợp với khí hậu đất . . .  **B. Ngành công nghiệp**  **\*CÁC NHÂN TỐ TỰ NHIÊN**  -Tài nguyên đa dạng là cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, tạo cho công nghiệp phát triển cơ cấu đa ngành.  => Các nguồn tài nguyên có trữ lựơng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  Sự phân bố các loại tài nguyên khác nhau tạo ra thế mạnh của từng vùng.  \*CÁC NHÂN TỐ XÃ HỘI  -Dân cư và lao động.  Dân cư đông và lao động dồi dào tiếp thu nhanh khoa học kỹ thuật taọ nên thị trường trong nước và đầu tư của nước ngoài.  \* Cơ sở vật chất kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.  -Trình độ công nghệ thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao, chưa đồng bộ và phân bố tập trung ở một số vùng  - Cơ sở hạ tầng đang từng bước cải thiện  \* Chính sách phát triển công nghiệp  -Công nghiệp hoá và đầu tư trong, ngoài nước.  -Gắn liền với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần và các chính sách khác  \* Thị trường.  Công nghiệp chỉ phát triển khi chiếm lĩnh được thị trường  -Bị cạnh tranh của hàng ngoại nhập nhất là hàng nhập lậu.  -Sức ép cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu.  -Có nguồn nguyên liệu và nhân công dồi dào  =>*vì ngành có đủ các điều kiện tự nhiên và kinh tế- xã hội*  *để phát triển: tận dụng các nông lâm sản, thủy sản từ các*  *ngành nông lâm ngư nghiệp....*  \***DỊCH VỤ**  -Trong sản xuất  + cung cấp nguyên liệu, vật tư  + Tiêu thụ các sản phẩm, thúc đẩy các ngành phát triển.  + Tạo mỗi liên hệ giữa các ngành sản xuất trong nước, giữa nước ta với nước ngoài.  - Trong đời sống  + Thu hút lao động, tạo việc làm cho ngưới dân  + Nâng cao đời sống (về tinh thần và vật chất)  \*=>Giảm chi phí vận chuyển. Phục vụ kịp thời cho sự phát triển của các ngành Công nghiệp  **Định hướng hình thành năng lực : giải quyết vấn đề, năng lực tư duy,** .. |

GV khái quát nội dung bài ôn tập

GV yêu cầu HS làm lại bài thực hành vẽ biểu đồ miền theo số liệu bài 16

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Nêu cách thức làm bài kiểm tra sao cho đạt kết quả cao?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS sưu tầm những số liệu mới nhất liên quan tới dân số và các ngành kinh tế của nước ta hiện nay.

-.Dặn dò: Về nhà học bài cũ, chuẩn bị kiểm tra 1 tiết

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 17 /10/2019 Ngày dạy :

TUẦN:10 - TIẾT:20

KIỂM TRA MỘT TIẾT

**I. MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA**

1. Kiến thức:

-Nhằm đánh giá lại quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học kiến thức địa lí, để từ đó tìm ra các biện pháp phù hợp với đặc thù bộ môn và đối tượng học sinh

:- HS củng cố và khắc sâu những đặc điểm cơ bản về địa lí dân cư và địa lí Kinh tế Việt Nam

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện cho hs kỹ năng phân tích, vẽ và nhận xét biểu đồ

3. Thái độ :-Giáo dục HS ý thức làm bài nghiêm túc

4.Năng lực, phẩm chất:

-Năng lực chung: tư duy, giải quyết vấn đề...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng ngôn ngữ, vẽ và nhận xét biểu đồ địa lí...

-Phẩm chất: Trung thực, tự trọng, tự lập, tự tin....

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

**-** Đặt vấn đề cho học sinh giải quyết vấn đề trong vòng thời gian là 45 phút theo dạng đề 50% trắc nghiệm, 50% tự luận.

-Phù hợp với HS đại trà và có phần nâng cao dành cho HS khá giỏi

**III. MA TRẬN ĐỀ**

**1. Bảng mô tả chung**

**Hình thức: TNKQ+Tự luận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ  Tên chủ đề | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Cộng |
| Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | |
| **1. Địa lí dân cư Việt Nam** | Nhớ được những đặc điểm của dân cư Việt Nam |  | Hiểu được các đặc điểm dân số Việt Nam |  |  |  |  |  |  |
| Số câu | 4 câu |  | 4 câu |  |  |  |  |  | 8 câu |
| **2.Địa lí Kinh tế Việt Nam** | Nhớ được những đặc điểm của địa lí kinh tế Việt Nam |  | Hiểu rõ được các đặc điểm của địa lí kinh tế Việt Nam |  |  | vẽ biểu  đồ địa lí |  | Nhận xét biểu đồ và giải thích |  |
| Số câu  Tỉ lệ % | 6 câu |  | 6câu |  |  | ½ câu |  | ½ câu | 13 câu |
| Tổng số câu | 10 câu | | 10 câu | | 1 câu | | | | 21 câu |

**2. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ  Tên chủ đề | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Cộng |
| Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1. Địa lí dân cư Việt Nam** | Nhớ được những đặc điểm dân số trẻ , việc sử dụng lao động, vấn đề việc làm của Việt Nam |  | Hiểu được tác động của dân số đông ở Việt Nam |  |  |  |  |  |  |
| Số điểm Tỉ lệ % | 1đ= 10% |  | 1đ=10% |  |  |  |  |  | 2 đ= 20% |
| **2.Địa lí Kinh tế Việt Nam** | Nhớ được những đặc điểm phát triển của các ngành kinh tế Việt Nam |  | Hiểu được các đặc điểm phát triển của các ngành kinh tế Việt Nam |  |  | vẽ biểu  đồ cơ cấu các ngành kinh tế |  | Nhận xết biểu đồ cơ cấu kinh tế và giải thích |  |
| Số điểm Tỉ lệ % | 1,5đ=15% |  | 1,5đ=15% |  |  | 3đ= 30% |  | 2đ= 20% | 8đ=80% |
| Tổng số điểm  Tỉ lệ % | 2,5 đ  =25 % | | 2,5 đ  =25% | | 5đ  =50 % | | | | 10đ  =100% |

**-Năng lực chung:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực tư duy...

**- Năng lực chuyên biệt:** Năng lực tư duy tổng hợp....

**IV. Đề bài**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Trắc nghiệm** (5điểm)  Hãy chép lại đáp án đúng nhất (0,25 điểm/câu)  **Câu 1**: Theo điều kiện phát triển hiện nay, dân số nước ta đông sẽ tạo nên:   1. Một thị trường tiêu thụ lớn và nguồn cung cấp lao động dồi dào. 2. Một thị trường tiêu thụ lớn 3. Nguồn cung cấp lao động dồi dào. 4. Một thị trường tiêu thụ và nguồn cung cấp lao động trung bình.   **Câu 2**: Việc gia tăng dân số nhanh sẽ dẫn đến ảnh hưởng gì đến tài nguyên?   1. Môi trường bị ô nhiễm nặng 2. Nhu cầu giáo dục, y tế, việc làm…căng thẳng 3. Tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt 4. Câu a và c đúng   **Câu 3**: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam thời kỳ 1989 – 1999 có sự thay đổi:   1. Tỷ lệ trẻ em giảm dần, tỉ lệ người già giảm dần. 2. Trẻ em chiếm tỷ lệ thấp 3. Tỷ lệ người trong độ tuổi trong và trên độ tuổi lao động tăng lên 4. Câu a và b sai 5. Câu a và c sai   **Câu 4:** Nhìn chung từ năm 1989 đến năm 2003, cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở nước ta đã chuyển hướng tích cực biểu hiện ở:  A.Số lượng lao động nông nghiệp tăng  B.Tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp– xây dựng và dịch vụ  C.Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp và công nghiệp.  D.Tăng tỷ trọng trong công nghiệp, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp và dịch vụ  **Câu 5:** Ở nước ta, Tỉ lệ thất nghiệp cao ở:   1. Ở miền núi. C.Ở thành thị 2. Ở nông thôn D .Ở nông thôn và thành thị.   **Câu 6:** Hiện tại nền kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào về ngành?   1. Theo hướng công nghiệp hóa 2. Theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp– xây dựng và dịch vụ 3. Theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa nông thôn 4. Các đáp án trên đều sai.   **Câu 7:** Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ, điều đó:  A.Sai B.Đúng  **Câu 8**: Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?  A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C.54 dân tộc D.55 dân tộc  **Câu 9**: Việt Nam có bao nhiêu loại hình giao thông vận tải?  A. 3 loại hình B. 4 loại hình C. 5 loại hình D.6 loại hình  **Câu 10 :** Ngành công nghiệp điện là ngành công nghiệp trọng điểm phát triển dựa trên ưu thế:  A.Về lao động B.Về tài nguyên C. Về tài nguyên và lao động.  **Câu 11:** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có xu hướng giảm và ổn định ở mức 1,1-1,4% là kết quả của:   1. Chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. 2. Kinh tế phát triển nên nhận thức của con người cũng thay đổi. 3. Đáp án A và B sai. 4. Đáp án A và B đúng.   **Câu 12 :** Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế vào năm:  A. Năm 1985 B.Năm 1986 C.Năm 1987 D.Năm 1988  **Câu 13 :** Hiện nay, nước ta có mấy vùng kinh tế trọng điểm?  A. 3 B. 4 C. 5 D.6  **Câu 14 :** Hà Nội và Đà Nẵng là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước. Điều đó”  A. Đúng B.Sai  **Câu 15 :** Việt Nam bắt đầu kết nối In-ter-nét vào năm:  A. Năm 1996 B.Năm 1997 C.Năm 1998 D.Năm 1999  **Câu 16 :** Hai tuyến giao thông bộ Bắc-Nam quan trọng nhất là đường Hồ Chí Minh và quốc lộ số 1, điều đó:  A. Đúng B.Sai  **Câu 17 :** Các sân bay quốc tế quan trọng nhất của Việt Nam là:  A.Sân bay quốc tế Nội Bài. B.Sân bay quốc tế Tân Sơn nhất  C.Sân bay quốc tế Đà Nẵng D. Cả 3 đáp án trên đều đúng  **Câu 18:** Thành phần kinh tế đóng vai trò chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của nội thương Việt Nam là:  A.Kinh tế nhà nước B. Kinh tế tư nhân  C. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài D. Kinh tế tập thể.  **Câu 19 :** Việt Nam là nước nhập khẩu lúa gạo hàng đầu thế giới, điều đó:  A.Đúng B.Sai  **Câu 20 :** Cố đô Huế là tài nguyên du lịch gì?  A. Là tài nguyên du lịch tự nhiên B.là tài nguyên du lịch xã hội nhân văn  C.Đáp án A và B đúng D.Đáp án A và B sai.  **II.Tự luận (5 điểm)**  Cho bảng số liệu sau: cơ cấu GDP của nước ta thời kỳ 1991 – 2001 (%)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 1991 | 1995 | 1999 | 2001 | | Tổng số | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | | Nông – lâm – ngưnghiệp | 40.5 | 27,2 | 25,4 | 23,3 | | Công nghiệp– xây dựng | 23,8 | 28,8 | 34,5 | 38,1 | | Dịch vụ | 35,7 | 44,0 | 40,1 | 38,6 |   a.(3điểm) Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP thời kỳ 1991 – 2001  b.(2 điểm) Từ biểu đồ hãy rút ra nhận xét về sự thay đổi cơ cấu Kinh tế của nước ta?Giải thích? |
| **V. Đáp án:**  **\*Phần trắc nghiệm(0,25 điểm/câu)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 1  3 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | | Đáp án | A | C | C | B | C | B | B | C | D | B | D | B | A | B | B | A | D | B | B | B |   \***Phần tự luận**  a.Vẽ biểu đồ miền=>yêu cầu chính xác,đẹp , mĩ quan(3 điểm)  b.Nhận xét & giải thích(2điểm)  -Sự giảm tỉ trọng của nông, lâm, ngư nghiệp nói lên :nước ta đang chuyển biến từng bước từ nước nông nghiệp sang nước công nghiệp  -Tỉ trọng của khu vực Kinh tế công nghiệp-xây dựng tăng nhanh nhất=>phản ánh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đang tiến triển |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Đã kiểm tra, ngày***

***Nguyễn Thị Minh Loan***

**Họ và tên**

**Lớp 9 KIỂM TRA 45 PHÚT**

**MÔN ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2018-2019**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | **Lời phê của cô giáo** |

**ĐỀ BÀI**

**I.Trắc nghiệm** (5điểm)

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng hoặc điền khuyết hoặc nói ý cho hợp lí (0,25 điểm/câu)

**Câu 1**: Theo điều kiện phát triển hiện nay, dân số nước ta đông sẽ tạo nên: Một thị trường tiêu thụ ...............(A)............. và Nguồn cung cấp lao động (B).................

**Câu 2**: Việc gia tăng dân số nhanh sẽ dẫn đến hậu quả:

1. Môi trường bị ô nhiễm nặng
2. Nhu cầu giáo dục, y tế, việc làm…căng thẳng
3. Tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt
4. Câu a và c đúng

**Câu 3**: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam thời kỳ 1989 – 1999 có sự thay đổi:

1. Tỷ lệ trẻ em giảm dần
2. Trẻ em chiếm tỷ lệ thấp
3. Tỷ lệ người trong độ tuổi trong và trên độ tuổi lao động tăng lên
4. Câu a và b sai
5. Câu a và c sai

**Câu 4:** Nhìn chung từ năm 1989 đến năm 2003, cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở nước ta đã chuyển hướng tích cực biểu hiện ở:

1. Số lượng lao động nông nghiệp tăng
2. Tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp– xây dựng và dịch vụ
3. Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp,
4. Tăng tỷ trọng trong công nghiệp, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp và dịch vụ

**Câu 5:** Nối ý thích hợp ở cột A với cột B

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 1,Tỉ lệ thất nghiệp cao | a.Ở miền núi |
| 2.Tỉ lệ thiếu việc làm cao | b.Ở thành thị |
|  | c.Ở nông thôn |

Câu 6: Hiện tại nền kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?

1. Theo hướng công nghiệp hóa
2. Theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp– xây dựng và dịch vụ
3. Theo hướng đô thị hóa, công nghiệphóa nông thôn
4. Các đáp án trên đều sai.

**Câu 7:** Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ, điều đó:

A.Sai B. Đúng

**Câu 8**: Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

A. 52 dân tộc B.53 dân tộc C.54 dân tộc D.55 dân tộc

**Câu 9**: Việt Nam có bao nhiêu loại hình giao thông vận tải?

A. 3 loại hình B. 4 loại hình C. 5 loại hình D.6 loại hình

**Câu 10 :** Ngành công nghiệp điện là ngành công nghiệp trọng điểm phát triển dựa trên ưu thế:

A.Về lao động B.Về tài nguyên C. Về tài nguyên và lao động.

**Câu 11:** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có xu hướng giảm và ổn định ở mức 1,1-1,4% là kết quả của:

1. Chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
2. Kinh tế phát triển nên nhận thức của con người cũng thay đổi.
3. Đáp án A và B sai.
4. Đáp án A và B đúng.

**Câu 12 :** Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế vào năm:

A. Năm 1985 B.Năm 1986 C.Năm 1987 D.Năm 1988

**Câu 13 :** Hiện nay, nước ta có mấy vùng kinh tế trọng điểm?

A. 3 B. 4 C. 5 D.6

**Câu 14 :** Hà Nội và Đà Nẵng là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước. Điều đó”

A. Đúng B.Sai

**Câu 15 :** Việt Nam bắt đầu kết nối In-ter-nét vào năm:

A. Năm 1996 B.Năm 1997 C.Năm 1998 D.Năm 1999

**Câu 16 :** Hai tuyến giao thông bộ Bắc-Nam quan trọng nhất là đường Hồ Chí Minh và quốc lộ số 1, điều đó:

A. Đúng B.Sai

**Câu 17 :** Các sân bay quốc tế quan trọng nhất của Việt Nam là:

A.Sân bay quốc tế Nội Bài. B.Sân bay quốc tế Tân Sơn nhất

C.Sân bay quốc tế Đà Nẵng D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 18:** Thành phần kinh tế đóng vai trò chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của nội thương Việt Nam là:

A.Kinh tế nhà nước B. Kinh tế tư nhân

C. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài D. Kinh tế tập thể.

**Câu 19 :** Việt Nam là nước nhập khẩu lúa gạo hàng đầu thế giới, điều đó:

A.Đúng B.Sai

**Câu 20 :** Cố đô Huế là tài nguyên du lịch gì?

A. Là tài nguyên du lịch tự nhiên B.Là tài nguyên du lịch xã hội nhân văn

C.Đáp án A và B đúng D.Đáp án A và B sai.

**II.Tự luận (5 điểm)**

Cho bảng số liệu sau: cơ cấu GDP của nước ta thời kỳ 1991 – 2001 (%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1991 | 1995 | 1999 | 2001 |
| Tổng số | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| Nông – lâm – ngưnghiệp | 40.5 | 27,2 | 25,4 | 23,3 |
| Công nghiệp– xây dựng | 23,8 | 28,8 | 34,5 | 38,1 |
| Dịch vụ | 35,7 | 44,0 | 40,1 | 38,6 |

a.(3điểm) Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP thời kỳ 1991 – 2001?

b.(2 điểm) Từ biểu đồ hãy rút ra nhận xét về sự thay đổi cơ cấu Kinh tế của nước ta?Giải thích?

BÀI LÀM

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

***Ngày soạn : 22 /10 /2019*** Ngày dạy :

Tuần:11 -TIẾT:21

SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ

**Bài: 17**

### **VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

-Hiểu được vị trí điạ lí; một số thế mạnh và khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, xã hội của vùng.

-Hiểu sâu hơn sự khác biệt giữa hai tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc, đánh giá trình độ phát triển giữa hai tểu vùng và tầm quan trọng của các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế – xã hội.

2.Kĩ năng :HS rèn kĩ năng: Phân tích và giải thích một số chỉ tiêu phát triển dân cư xã hội.

3. Thái độ - giáo dục ý thức bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên và việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

**-** Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, giao tiếp...

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán số liệu, phát triển ngôn ngữ, năng lực sử dụng bản đồ và tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...

4.2. Phẩm chất: tự tin, Tự chủ, yêu đất nước

5.Giáo dục bảo vệ môi trường: mục II: điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

### 1\* GV:- Lược đồ Vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

2\*HS: đồ dùng học tập...

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra phần chuẩn bị theo dự án bài mới

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

Thi ai Nhanh hơn: ?Nước ta chia thành mấy vùng lãnh thổ?

GV vào bài

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục I**  **Phương pháp: dạy học theo dự án, dạy học trực quan**  GV treo Lược đồ vùng trung du và miền núi bắc bộ  HS: Quan sát kết hợp H 17.1 tr 62 SGK  HS lên bảng vừa chỉ trên bản đồ vừa thuyết minh về vị trí và giới hạn của vùng theo dự án đã chuẩn bị bởi các câu hỏi sau:  ***? Xác định vị trí đị lí và giới hạn của vùng?***  ***? Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí của vùng đối với sự phát triển Kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng?***    **Năng lực phát triển ngôn ngữ, năng lực sử dụng bản đồ và tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...** | **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN**  **1. Vị trí**  - Nằm ở phần địa đầu phía Bắc nước ta.  - Gồm hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.  - Phần đất liền và vùng biển.  -Diện tích100 965km2  **2. Giới hạn**  - Phía Bắc tiếp giáp Trung Quốc ( Vân Nam và Quảng Tây)  - Phía Tây tiếp giáp vùng Thượng Lào.  - Phía Nam tiếp giáp vùng Bắc Trung Bộ và vùng Đồng Bằng Sông Hồng.  - Phía Đông Nam tiếp giáp Biển Đông.  =>Ý nghĩa:  -Về địa chất: là 1 bộ phận của rìa nền Hoa nam trung Quốc . . .  -khí hậu: Có một mùa đông giá lạnh, sát chí tuyến bắc nên tái nguyên sinh vật đa dạng . . .  - Có điều kiện giao lưu buôn bán với hai vùng Kinh tế trong nước và tất cả các nước. . . .  -Bảo vệ vững chắc vùng biên cương cho đầu não trung ương . . . |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *\*GV cho HS* ***thảo luận nhóm***  *? Em hãy cho biết sự giống và khác nhau về mặt tự nhiện giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc thuộc vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?*  ***HS thảo luận nhóm-báo cáo***  **Năng lực hợp tác, giao tiếp...** | **\* Giống nhau:**  Cả hai tiểu vùng đều chịu sự chi phối sâu sắc bởi độ cao địa hình và hướng núi.  **\* khác nhau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tự nhiên | Đông Bắc | Tây Bắc | | Địa hình | Núi thấp có hướng cánh cung, đồi hình bát úp | Núi cao hướng Tây Bắc-Đông Nam, địa hình chia cắt sâu | | Khí hậu | Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh | Nhiệt đới ẩm có mùa đông ít lạnh hơn. | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động cá nhân(hỏi đáp)***  ***?Em hãy nêu về sự ảnh hưởng của độ cao địa hình và hướng núi tớ sự phân hoá tự nhiên và phát triển Kinh tế của hai tiểu vùng..?***  ***? Xác định vị trí các dòng sông có tiềm năng lớn để phát triển thuỷ điện thuộc vùng trên lược đồ H17.1 ( Sông Đà, Sông Lô, Sông Gâm, Sông Chảy)?***  *HS lên xác định trên bản đồ*  ***? Qua Bản đồ em có nhận xét gì về nguồn khoáng sản của vùng.?***  **? *Xác định các mỏ khoáng sản của vùng trên lược đồ H17.1SGK?***  *HS lên bảng xác định*  ***?Việc khai thác rừng quá mức đã gây ra những tác hại gì đối với sản xuất và đời sống nhân dân?*** *Kĩ thuật động não*  ***?Nêu đặc điểm của tài nguyên biển của vùng?***  ***? Giải thích vì sao ở vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ việc phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.?***  ***GV giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS*** | **=>** Tây Bắc: Có dãy Hoàng Liên Sơn hướng Tây Bắc-Đông Nam cao và đồ sộ như một bức tường thành chắn gió mùa Đông Bắc lại nên mùa đông ít rét hơn,Mùa hè gió Tây Nam tạo mưa nhiều có thể phát triển cây lúa mùa và cây nhiệt đới . . .  - Đông Nam: Có các dãy núi cánh cung mở rộng về phía Đông Bắc nên mùa Đông . . .giá lạnh thời tiết rét đậm, có khi có sương muối có hại cho cây nhiệt đới , nhưng lại có thể phát triển một số cây cận nhiệt và ôn đới . . .  **\*Sông ngòi**  - khá nhiều, có tiềm năng phát triển thuỷ điện( Hoà Bình, Thác Bà, Sơn La . )  **- Khoáng sản**  Phong phú, nhiều chủng loại, phân bố khá tập trung, song trữ lượng nhỏ  **-Rừng**  . Có diện tích lớn nhưng khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt  **=>** Vì tài nguyên là vật giá hình thành rất lâu dài ., . .khai thác không hợp lý -> cạn kiệt-> Đất trống đồi trọc-> thiên tai . . .ảnh hưởng xấu tới môi trường, nguồn nước . .  **-Tài nguyên biển**  Rất lớn -> Phát triển kinh tê biển (Giao thông, du lịch ... )  =>vì có như vậy mới đảm bảo sự phát triển bền vững  **Năng lực tự học, giải quyết vấn đề....** |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục III**

***Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề***

|  |  |
| --- | --- |
| \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  *? Nêu đặc điển dân cư vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ nước ta?*  *? Dựa vào số liệu bảng 17.2 , hãy nhận xét về sự chênh lệch dân cư, xã hội giữa hai tiểu vùng?*  *? Phân tích những thuận lợi và khó khăn do đặc điểm dân cư mang lại cho sự phát triển kinh tế -xã hội.?* | - Số dân 11,5 triêụ nguời (năm 2002)  - Chủ yếu là dân tộcthiểu số, ngưòi kinh cư trú hầu hết các địa phương  - Dân cư sinh sống xen kẽ  - Giữa tây Bắc và Đông Bắc có sự chênh lệch về chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội  =>ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển kinh tế- xã hội  **-Rèn HS năng lực tính toán số liệu, phát triển ngôn ngữ...**  **- Phẩm chất: tự tin, Tự chủ, yêu đất nước** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

Câu 1. Nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Vùng Trung Du và Miền núi BắcBộ?

Câu 2.Tại sao trung du và miền núi bắc bộ là địa bàn đông dân và phát triển Kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?

Câu 3.Vì sao việc phát triển Kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Theo em, với những đặc điểm nêu trên về tự nhiên thì Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ sẽ có những thế mạnh phát triển những ngành kinh tế nào?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Hãy tìm hiểu về các nhà mày thủy điện của Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và nêu rõ lợi ích của chúng?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn :22/10/2019 Ngày dạy :

BÀI: 18 Tuần: 11 -TIẾT: 22

### 

### **VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ(Tiếp)**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- Hiểu được về cơ bản tình hình phát triển kinh tế ở Trung Du và miền núi Bắc Bộ theo trình tự: công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

2.Kĩ năng : HS rèn kĩ năng khai thác kiến thức từ bản đồ, tranh ảnh

3. Thái độ:Giáo dục ý thức khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

**-** Năng lực chung: năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy...

- Năng lực chuyên biệt: năng lực sử dụng bản đồ và tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...

4.2. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:- Lược đồ vùng núi Trung Du và miền núi Bắc Bộ

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III.**.**TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **- Phương pháp dạy học bằng trò chơi:**

**?Dựa vào bài 10, em hãy thử làm hướng dẫn viên du lịch giới thiệu những hiểu biết của em về vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ? (thời gian 2 phút) (GV chiếu Slide lược đồ tự nhiên vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ***)*

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* Vào bài mới

GV giới thiệu bài

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1:Hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV***  ***Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan***  \*GV giao cho các **nhóm thảo luận** và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:  **?Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triên những ngành công nghiệp nào? Thế mạnh của vùng là gì?**  ***? Qua H 18.1 Sgk xác định các nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện, các trung tâm công nghiệp luyện kim, cơ khí hoá chất?***  ***? Vì sao ngành công nghiệp năng lượng của vùng lại phát triển mạnh?***  ***? Cho biết việc xây dựng thuỷ điện Hoà Bình có ý nghĩa gì về giá trị kinh tế, môi trường . . ?***  **Kĩ thuật động não**  ***?*** *Giải thích vì sao đại bộ phận công nghiệpchế biến khoáng sản lại phân bố trên địa bàn các tỉnh Trung Du Bắc Bộ( Đông Bắc)?*  **- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy...**  *Kĩ thuật động não*  *Hình thức tổ chức: học cá nhân*  ***? Phân tích các điều kiện tự nhiên của vùng tạo cho ngành nông nghiệp phát triển?***  ***? Xác định địa bàn phân bố các cây công nghiệp lâu năm như chè, hồi trên, quế trên H 18.1 SGK.?***  HS xác định  ***? Trong các loại cây trên thì cây nào chiếm tỉ trọng lớn nhất?(***Cây chè)  ***? Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà cây chè chiếm trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước?***  ***? Ngoài cây công nghiệpvùng còn có điều kiện nào để sản xuất những cây lương thực, cây ăn quả gì??***  **\*GV mở rộng**: Trước đây một số dân tộc có tập quán đốt rừng làm nương rẫy, sống du canh du cư , nên thường lâm vào cảnh đói nghèo, ngày nay đã có nhiều tiến bộ trong Sản xuất nông nghiệp, họ biết thâm canh lúa trên các ruộng bậc thang, hoặc các cánh đồng.. .  \***GV giao cho các nhóm thảo luận và trả lời nội dung các câu hỏi bên dưới trong 5 phút- Sau dó GV chỉ định bất kì HS nào đó trả lời các câu hỏi sau:**  *? Cho biết các thế mạnh tạo cho vùng phát triển nghề chăn nuôi?*  *?Nêu hướng phát triển của nghề rừng?*  *?Việc phát triển nghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp có ý nghĩa gì về Kinh tế, môi trường?*  *? Trong Sản xuấtcòn gặp những khó khăn nào?*  *Hình thức tổ chức: học cá nhân*  ***? Qua H 18.1 Sgk xác định các tuyến đường sắt, đường ô tô xuất phát từ thủ đô Hà Nội đi đến các thành phố, thị xã của các tỉnh biên giới Việt – Trung và Việt –Lào?***  ***? Tìm trên H 18 các cửa khẩu quan trọng trên biên giới Việt – Trung , Móng Cái, Hữu Nghị, Lào Cai.?***  ***?*** ***Thông qua các tuyến đường giao thông đó Vùng có mối giao lưu buôn bán với những đối tượng nào?***  ***? Với kiến thức đã học cho biết vùng có thể trao đổi những sản phẩm nào với các vùng khác?***  ***? Em có nhận xét gì về hoạt động du lịch của vùng.?***  *\*Thảo luận nhóm: 1 phút*  ***?Vì sao hoạt động du lịch của vùng lại phát triển mạnh?***. | IV.TÌNH HÌNH PHÁT TIỂN KINH TẾ   * 1. **Công nghiệp:**   => phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai khoáng....  + Thuỷ điện ( Hoà Bình, Thác Bà, Sơn La, Tuyên Quang )  + Nhiệt điện ( Uông Bí, . . )  - Công nghiệp năng lượng phát triển mạnh vì :Có nhiều mỏ than  Và Có nhiều hệ thống sông lắm thác ghềnh-> xây dựng nhiều nhà máy thuỷ điện. . .  =>Ý nghĩa của các nhà mày thủy điện Hòa Bình:  -Sản xuất điện năng.  -Điều tiết lũ trong mùa mưa, cung cấp nước trong mùa khô cho vùng Đồng Bằng Sông Hồng.  - Khai thác du lịch.  - Nuôi trồng thuỷ sản và điều hoà khí hậu . ..  *=>đại bộ phận công nghiệpchế biến khoáng sản lại phân bố trên địa bàn các tỉnh Trung Du Bắc Bộ( Đông Bắc* ***vì:*** -Có nguồn nhiệt năng lớn.  - Có nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ dồi dào.  - Giao thông vận tải thuận lợi hơn . . .  **2. Nông nghiệp**  **a. trồng trọt: phát triển mạnh vì vùng có:**  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, có một mùa đông lạnh  - Diện tích đất đai rộng lớn, có các cánh đồng giữa núi, có các cao nguyên đá vôi . . .  \* cây công nghiệp  =>-Cây chè:Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang  -Cà phê: Sơn La.  -Quế: Yên Bái.  =>Cây chè: là thế mạnh của vùng chiếm tỉ trọng lớn nhất, có thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước.=>vì vùng có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cây chè:  - Diện tích đất feralít đồi núi,  - Khí hậu . . .  - Thị trường tiêu thụ . . .  => Các cánh đồng giữa núi, nương rẫy,các cao nguyên  \* Cây lương thực  ->Lúa, ngô là cây lương thực chính  \* Cây ăn quả  Đào, mận, mơ . . .  **b.Chăn nuôi**  -Gia súc, gia cầm, thuỷ hải sản  **c. Nghề rừng**: phát triển mạnh theo hướng nông lâm kết hợp.  **=>**- Điều tiết chế độ dòng chảy cho các dòng sông  - Cân bằng sinh thái.  - Nâng cao đời sống.  \*Nông nghiệp phát triển còn gặp nhiều khó khăn.  -Thời tiết thất thường, thiên tai, lũ quét . .  -Thị trường tiêu thụ, vốn đầu tư . .  - Một số Dân tộcthiếu số Sản xuất lạc hậu . . .  **3. Dịch vụ**  => 1A, Số 3, Số 2, Số 70, Số 6  -Các cửa khẩu quan trọng Móng Cái, Hữu Nghị, Lào Cai.  =>Thông qua các tuyến đường giao thông đó Vùng có mối giao lưu buôn bán với :+Vùng Đồng Bằng Sông Hồng lâu đời + Trung Quốc, Lào  \*Thương mại  =>- Xuất: Khoáng sản, lâm sản, chăn nuôi . . .  - Nhập: Lương thực thực phẩm, hàng Công nghiệp. . .  \* Hoạt động du lịch phát triển mạnh  + Du lịch biển  + Du lịch núi  + Du lịch lịch sử, danh lam thắng cảnh, phong tục lễ hội . .  =>vì vùng có nhiều cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo, di tích lịch sử, phong tục lễ hội . .  **Định hướng hình thành năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy...** | |

***Hoạt động 2::Hướng dẫn HS tìm hiểu mục V***

***Phương pháp: dạy học trực quan***

**V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ**

|  |  |
| --- | --- |
| *HS giao HS trả lời câu hỏi bằng việc quan sát hình và SGSK*  ***? Xác định trên H 18 .1 vị trí của các trung tâm Kinh tế ?***  ***?Nêu các ngành công nghiệp đặc trưng của mỗi trung tâm?*** | - Các thành phốThái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn.  + Thái Nguyên: luyện kim, cơ khí  +Việt Trì: hoá chất, vật liệu xây dựng . . .  +Hạ Long Du lịch, than  +Lạng Sơn Cửa khẩu quốc tế  **Năng lực sử dụng bản đồ và tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

1.Vì sao khai khoáng là thế mạnh tiểu vùng Đông Bắc , còn phát triển thuỷ điện là thế mạnh tiểu vùng Tây Bắc?

2. Nêu ý nghĩa của việc phát triểnnghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp ở trung du và miền núi Bắc Bộ?

3.Gạch chân tên những trung tâm kinh tế quan trọng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Nêu những giải pháp giải để phát triển hơn nữa kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy tìm thêm những thông tin về việc phát triển kinh tế hiện này của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ|?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Ngày soạn : 1/11/2019

Ngày dạy : ***TUẦN:12*** - ***TIẾT:23-*BÀI:19**

THỰC HÀNH

ĐỌC BẢN ĐỒ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG

CỦA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT

TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Phân tích và đánh giá được tiềm năng và ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triểncông nghiệpở vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ.

- Biết vẽ sơ đồ thể hiện mỗi quan hệ giữa đầu vào và đầu ra của ngành công nghiệpkhai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên khoáng sản.

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng: - Nắm vững kỹ năng đọc các Bản đồ.

- Biết vẽ sơ đồ

3. Thái độ: -Giáo dục HS ý thức quý trọng tài nguyên khoáng sản.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyên biệt: đọc và phân tích bản đồ địa lí....

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ....

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: Bản đồ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ....

2 -Đồ dùng học tập

**III.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ:

**Thi ai trả lời nhanh**

**?** Vì sao nói khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng Đông Bắc còn thuỷ điện là thế mạnh của vùng Tây Bắc?

- Đông Bắc có nhiều mỏ khoáng sản tập trung với trữ lượng lớn điều kiện khai thác tương đối thuận lợi. Có số dân đông cung cấp một lượng lớn công nhân cho khai thác . ..

- Tây Bắc có nguồn thuỷ năng lớn nhiều sông suối, lắm thác ghềnh, lượng nước dồi dào

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* Vào bài mới

GV giới thiệu bài bằng cách nêu nhiệm vụ bài thực hành

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

**2.3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1:Hướng dẫn HS thực hành bài 1***  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **HS:**Đọc đề bài xác định yêu cầu của bài  ***? Lược đồ có tên gọi là gì?*** | **Bài 1**  Lược đồ địa lý tự nhiên vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ. |
| ***? Bảng chú giải cho ta biết những đối tượng địa lí nào.?*** | -các đối tượng địa lý tự nhiên.(địa hình, khoáng sản, sông ngòi, . . .) |
| ***? Dựa vào H 17.1 sgk tr 62 xác định vị trí của các***  ***mỏ thuộc khu vực Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ, rồi điền nội dung phù hợp vào bảng sau?***   |  |  | | --- | --- | | Loại khoáng sản | Nơi phân bố | | Than |  | | Man-gan |  | | Thiếc |  | | Bô xít |  | | A-pa-tít |  | | Đồng |  | | Chì kẽm |  | | Sắt |  | | |  |  | | --- | --- | | Loại khoáng sản | Nơi phân bố | | Than | Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn. | | Man-gan | Cao Bằng | | Thiếc | Cao Bằng, tam Đảo, Tuyên Quang | | Bô xít | Lạng Sơn, Cao Bằng | | A-pa-tít | Lào Cai | | Đồng | Lào Cai, Yên Bái | | Chì kẽm | Tuyên Quang | | Sắt | Thái Nguyên,Yên Bái, Hà Giang | |
| ***\*Thảo luận nhóm.***  ***?*** *Những ngành Công nghiệp nào có điều kiện phát triển mạnh? Vì sao****?*** | -Một số ngành Công nghiệp khai thác khoáng sản như than đá, sắt, man gan, . . .  + Vì có trữ lượng khá nhiều, chất lượng khá tốt, Cho phép đầu tư Công nghiệp  + Có điều kiện khai thác tương đối thuận lợi . .  + Đó là những khoáng sản quan trọng mang tính chất quốc gia . . .  -Ngành Công nghiệp Khai thác than phát triển mạnh.  =>Vì do các mỏ khoáng sản có trữ lượng khá, địa hình tương đối thấp, điều kiện khai thác tương đối thuận lợi. Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường, như cung cấn cho các nhà máy nhiệt điện, sản xuấtvật liệu xây dựng, cho các ngành Công nghiệp khác, chất đốt và xuất khẩu |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Hoạt động 2: Hướng dẫn thực hành bài 2***  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm**  **Hình thức tổ chức: học theo nhóm**  ***\* Chứng minh rằng ngành Công nghiệpluyện kim đen ở Thái Nguyên chủ yếu sử dụng nguyên liệu khoáng sản tại chỗ.***   |  | | --- | | Mỏ sắt trại cau cách  7 km |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Khu Công nghiệpluyện kim đen Thái Nguyên |  | Sản phẩmchính: Sắt, thép, gang |  |  | | --- | | Mỏ than An tra xít cách 10km |  |  | | --- | | Than mỡ Phấn Mễ cách 17 km |      |  | | --- | | Mỏ đá vôi 9 km |   ***Hoạt động 3:Hướng dẫn HS thực hành bài 3***  **Bài tập 3:**  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: động não**  **Hình thức tổ chức: học cá nhân**  **GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ:**   |  | | --- | | **Nhiên liệu**  cho các nhà máy |  |  | | --- | | **Các nhà máy nhiệt điện**  Uông Bí, pha ûLại, Ninh Bình, . . . |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Than Quảng Ninh** |  | **Sử dụng**  cho các nhu cầu khác trong nước |  | **Các địa phương sử dụng Than**  Vùng (Đồng Bằng Sông Hồng, Băc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ) |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Xuất khẩu**  (cửa Ông) |  | **Các nước nhập than**  Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Cu ba . . . | |

Câu1: Tên các nhà máy nhiệt điện theo ký hiệu:

A. Phả lại B. Uông Bí C. Cao ngạn

Tên các tỉnh có nhà máy nhiệt điện theo ký hiệu:

I. Quảng Ninh II. Hải Dương III. Thái nguyên

Hãy ghép đôi các nhà máy nhiệt điện với tên tỉnh tương ưng hợp lý:

a. A I, B II, C III. b. A II, B I, CIII.

b. A III, B II, C I. d. A.III, B I, C II.

Câu2:Cơ sở cho việc hình thành và phát triểnkhu Công nghiệpliên hợp luyện kim đen Thái Nguyên là

a. Vị trí nằm gần nhau của các mỏ than, sắt và man gan.

b. Nhù cầu sắt thép lớn của sự nghiệp công nghiệphoá đất nước.

c. Sự giúp đỡ của một số nước và tổ chức quốc tế.

d. Giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

(Đáp án: Câu 1 –> b, Câu 2 ->a,**)**

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Hãy nêu các cách khai thác những thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

?Em hãy tìm thêm thông tin về hoạt động khai thức tài nguyên để phát triển kinh tế của các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 3/11/2019 Ngày dạy :

BÀI:20 TUẦN: 12 - TIẾT: 24

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần

1.Kiến thức

-Nắm được các đặc điểm cơ bản của vùng Đồng bằng sông Hồng về vị trí địa lí , điều kiện tự nhiên và đặc điểm dân cư xã hội.

2.Kĩ năng

- HS rèn kĩ năng đọc lược đồ, kết hợp kênh chữ và kênh hình để khai thác kiến thức địa lí.

3. Thái độ

- Giáo dục HS ý thức học tập nghiêm túc.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp ptheo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, yêu quê hương đất nước....

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV - Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Sông Hồng

2.HS -Dụng cụ học tập.

**III.**.**TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: Gv kiểm tra việc hoàn thành bài thực hành của HS)

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

GV cho HS chơi trò chơi ô chữ.GV đưa ra các câu hỏi hướng HS đoán được tên vùng sẽ học trong bài học hôm nay

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  **\***GV treo Lược đồ vùng Đồng Bằng Sông Hồng  ***\*HS quan sát và lên chỉ trên lược đồ***  ***? Xác định vị trí, giới hạn của vùng ?***  ***? Xác định vị trí các đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ?***  *HS lên xác định trên bản đồ*  ***? ý nghĩa của vị trí địa lí của vùng đối với sự phát triểnKinh tế – xã hội ?*** | **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ**  **1. Vị trí**  - Phía Bắc và Tây Bắc tiếp giáp vùng Trung du và Miền Núi Bắc Bộ  - Phía Tây Nam tiếp giáp vùng Bắc Trung Bộ  - Phía Đông và Đông Nam tiếp giáp vịnh Bắc Bộ  **2. giới hạn**  - Gồm đồng bằng châu thổ+ Giải đất rìa Trung du+ vịnh Bắc Bộ  - Diện tích14 806Km2  => Có vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế – văn hoá với các vùng trong nước và các nước trên thế giới, nhất là các nước thuộc Thái Bình Dương  **Định hướng hình thành năng lực sử dụng bản đồ ...** | |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS mục II**

***Phương pháp dạy học hoạt động nhóm***

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV tổ chức HS hoạt động nhóm**  *? ý nghĩa của sông Hồng với việc phát triển nông nghiệp và với đời sống dân cư?*  *GV*  nói về đê sông Hồng....  *?Hiện trạng nguồn nước sông Hồng như thế nào?theo em em có phương hướng giải quyết như thế nào?*  *hoạt động cá nhân*  *?Tìm trên lược đồ H.20.1, tên các loại đất và sự phân bố?Loại đất nào có tỉ lệ lớn nhất? ý nghĩa của tài nguyên đất?*  *?tìm hiểu đặc điểm tài nguyên khí hậu, khoáng sản và tài nguyên biển?giá trị Kinh tế của mỗi loại tài nguyên trên?*  *?Nêu những khó khăn về tự nhiên của Đồng Bằng Sông Hồng?*  *HS báo cáo từng câu*  **-N¨ng lùc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...** | **II.Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  -Sông Hồng:cung cấp nước, thủy sản, phù sa bồi đắp nên đồng bằng, là đường giao thông thủy.... => Xây dựng đê: Tầm quan trọng của hệ thông đê:ngăn lũ lụt, bảo vệ tài sản, tính mạng cho nhân dân trong vùng=>Hạn chế:ngăn mất lượng phù sa và đồng ruộng ->hình thành các ô trũng)  =>nước bị ô nhiễm bởi chất thải từ sản xuất và đời sống=>phải bảo vệ sông....  -Đồng bằng rộng thứ hai cả nước  - Đất phù sa màu mỡ, thích hợp với thâm canh lúa nước  -Khí hậu nhiệt đới ẩm giáo mùa, có mùa đông lạnh=> tạo điều kiện tham canh tăng vụ, trồng cây ôn đới và cận nhiệt  -Tài nguyên khoáng sản: đá vôi trữ lượng lớn, các mỏ kim loại trữ lượng nhỏ  -Tài nguyên biển và du lịch khá phong phú  **-Khó khăn**: diện tích đất lầy thụt và đất mặn, đất phèn cần cải tạo. Đại bộ  phận đất canh tác ngoài đê đang bị bạc màu... |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục III***

***Phương pháp dạy học trực quan***

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động cá nhân-hỏi đáp**  ?Nêu số dân của vùng?  **Quan sát Hình 20.2 tr 73 SGK cho biết**  *? Đồng Bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao gấp bao nhiêu lần mức trung bình của cả nước, Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ và Tây Nguyên?*  *? Qua phân tích trên em có nhận xét gì về số dân của vùng Đồng Bằng Sông Hồng?*  ***\*Thảo luận nhóm:***  *? Phân tích những thuận lợi và khó khăn do mật độ dân số cao của Đồng Bằng Sông Hồng đối với sự phát triển kinh tế xã hội?*  *?Nhận xét về kết cấu hạ tầng của vùng?*  *?Nêu nhận xét về tình hình dân cư xã hội của vùng Đồng Bằng Sông Hồng so với cả nước?*  GV: nói về tình hình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn của vùng...  **- N¨ng lùc tự học, sö dông sè liÖu thèng kª; năng lực tư duy tổng hợp ptheo lãnh thổ...**  **-Phẩm chất:Tự lập, yêu quê hương đất nước....** | - Số dân 17,5 triêụ nguời (năm 2002)  => lấy Đồng Bằng Sông Hồng chia ra . .  + 10,3 lần Bắc Trung Bộ.  + 14,5 lần Tây Nam  + gần 5 lần cả nước.  - Mật độ trung bình cao 1.179 người/km2  => Là vùng đông dân cư nhất nước ta  +Thuận lợi: Nguồn lao động dồi dào có trình độ khoa học công nghệ cao, thị trường tiêu thụ lớn, người dân có trình độ thâm canh cao, giỏi nghề thủ công . ..  +Khó khăn: Bình quân đất nông nghiệp ở mức thấp nhất cả nước, có nhu cầu việc làm lớn, công trình công cộng và an ninh chính trị....  =>tạo sức ép cho phát triển Kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và việc bảo vệ môi trường  -Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.  - Vùng có một số đô thị hình thành lâu đời( Thăng Long)  =>Có dân trí cao, có số lượng cán bộ khoa học, công nhân lành nghề cao . Tập trung 64% các trường đại học, cao đẳng . . . .  - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm mạnh.  =>Việc đẩy mạnh Công nghiệphoá hiện đại hoá Nông nghiệp nông thôn có ý nghĩa quan trong trong sự phát triển bền vững của vùng |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

? Điều kiện tự nhiên của Đồng Bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội?

?Hệ thống đê điều ở Đồng Bằng Sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Từ những đặc điểm trên, theo em vùng Đồng bằng sông Hồng có những thế mạnh nào về kinh tế?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy tìm hiểu thêm tư liệu về các thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng? (HS vào Google đánh chữ “thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày 2/11/2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn : 7 /11/2019

Ngày dạy: TUẦN:13 - TIẾT:25

**BÀI:21**

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- Hiểu được tình hình phát triển kinh tế ở Đồng Bằng Sông Hồng: Trong cơ cấu GDP , nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao, nhưng công nghiệp và dịch vụ đang chuyển biến tích cực.

- Thấy được vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc đang tác động mạnh đến sản xuất và đời sống dân cư. Các thành phố Hà Nội, Hải phòng là hai trung tâm Kinh tế lớn và quan trọng nhất của Đồng Bằng Sông Hồng

2.Kĩ năng - HS biết kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số vần đề bức xúc của vùng

3. Thái độ: Giáo dục HS ý thức khai thác hợp lí các điều kiện để phát triển kinh tế

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: sö dông sè liÖu thèng kª, năng lực tư duy tổng hợp ptheo lãnh thổ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: - Lược đồ Kinh tế vùng Đồng Bằng Sông Hồng

2.HS: - Dụng cụ học tập

**III.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Điều kiện tự nhiên của Đồng Bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội?

Câu 2:Nêu đặc điểm dân cư Đồng Bằng Sông Hồng?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

GV cho cả lớp hát một bài tập thể, tạo không khí bắt đầu buổi học

**2.2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV*** | NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan***  ***Kĩ thuật mảnh ghép***  *Vòng chuyên gia: lớp chia thành 6 nhóm sao cho đều số người rồi mỗi nhóm điểm danh*  *-****Nhóm 1,2: tìm ý về tình hình phát triển của ngành công nghiệp của vùng ?( theo các câu hỏi gợi ý sau)***  *? Quan sát biểu đồ 21.1 SGK hãy nhận xét về sự chuyển biến tỉ trọng khu vực công nghiệp xây dựng ở Đồng Bằng Sông Hồng?*  *?Nêu giá trị sản xuất của ngành công nghiệp của vùng?*  *? Vùng Đồng Bằng Sông Hồng có những ngành công nghiệptrọng điểm nào?Phân bố ở đâu ?xác định trên H21.1?*  *HS lên xác định*  *? Vì sao ngành chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của vùng?*  *?Cho biết các sản phẩm của ngành Công nghiệp thuộc vùng Đồng Bằng Sông Hồng?*  *? Quan sát lược đồ Kinh tế vùng cho biết địa bàn phân bố các trung tâm Công nghiệp thuộc vùng?*  *-****Nhóm 3, 4: tìm ý về tình hình phát triển của ngành nông nghiệp của vùng ?( theo các câu hỏi gợi ý sau)***  *? Em hãy so sánh năng suất lúa của vùng Đồng Bằng Sông Hồng với vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước?*  *+Năng suất lúa qua các năm như thế nào?*  *+So với vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước?*  *?Qua đó nhận xét về trình độ thâm canh của vùng?*  *? Vì sao phát triển nông nghiệp ở Đồng Bằng Sông Hồng chủ yếu thâm canh, tăng thêm mùa vụ.?*  *?Vùng Đồng Bằng Sông Hồng đã biết khai thác khí hậu của vùng đem lại lợi ích Kinh tế như thế nào?*  *? Nêu lợi ích Kinh tế của việc đưa cây ngô đông thành vụ sản xuất chính ở Đồng bằng Sông Hồng.?*  *?Trong nông nghiệp ngoài trồng trọt ra thì chăn nuôi phát triển như thế nào?*  *-****Nhóm 5,6: tìm ý về tình hình phát triển của ngành dịch vụ của vùng ?( theo các câu hỏi gợi ý sau)***  *? Em có nhận xét gì về ngành dịch vụ của vùng?*  *? Dựa vào H 21.1 SGK và sự hiểu biết của bản thân hãy xác định vị trí và nêu ý nghĩa Kinh tế – xã hội của cảng Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài?*  *? Với kiến thức đã học em hãy cho biết vùng Đồng Bằng Sông Hồng có những điều kiện nào để phát triển ngành du lịch?*  ***Vòng 2 nhóm mảnh ghép***  *?Trình bày tình hình phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của vùng Đồng bằng sông Hồng?*  ***HS thảo luận-báo cao-tranh luận***  ***GV điều chỉnh*** | IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ  **1. Công nghiệp:**  - Hình thành vào loại sớm nhất Việt Nam phát trển mạnh trong thời kỳ đổi mới.  - Cơ cấu thay đổi:Công nghiệp–Xây dựng tăng gần 10%; Dịch vụ tăng nhẹ Nông-lâm-ngư nghiệp giảm mạnh hơn 10%  - Giá trị tăng mạnh từ 18,3 nghìn tỉ đồng(1995) lên 55,2 nghìn tỉ đồng (2002)  - Các ngành trọng điểm  + Chế biến lương thực thực phẩm  + Sản xuất hàng tiêu dùng  + Vật liệu xây dựng  + Cơ khí  =>vì: ngành Chế biến và cung cấp lượng lương thực của vùng . . .giải quyết việc làm . . .  - Sản phẩm: Máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng . . .  -Hà Nội, Hải phòng là trung tâm các ngành Công nghiệp  **2. Nông nghiệp**  - Cả diện tích và tổng sản lượng đứng sau Đồng Bằng Sông Cửu Long  -Năng suất lúa dẫn đầu cả nước 56,4 tạ/ha  => Trình độ thâm canh cao, tăng thêm mùa vụ  =>*-* Vì đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp (0,05ha/người) .  **=>Giáo dục HS ý thức bảo vệ tài nguyên đất, nước...**  - Thời tiết thay đổi thất thường . .  - Số lao đỗng nông nghiệp cao . . .  =>Phát triển các loại cây ưa lạnh thành vụ sản xuất chính, có cơ cấu cây trồng đa dạng, đạt hiệu quả kinh tế cao(ngô đông, khoai tây, rau . .)  =>Đem lại sản lượng lương thực lớn . . . khai thác đất triệt để quanh năm . . .  - Ngành chăn nuôi được chú ý phát triển( Lợn,bò sữa, gia cầm, thuỷ sản)  **3. Dịch vụ**  - Lớn nhất cả nước.  + Giao thông vận tải rất sôi động. Hà Nội, Hải phòng vừa là hai đầu mỗi giao thông, du lịch vừa là trung tâm giao dịch, tài chính . . .  +bưu chính viễn thông phát triểnmạnh  =>ý nghĩa:- Cảng Hải Phòng là trung tâm cửa ngõ của vùng và của vịnh Bắc Bộ . . . .  - Nội Bài là trung tâm hàng không đi khắp các vùng trong nướng và thế giới  - Ngành du lịch phát triển mạnh  + Sinh thái (Cúc phương,Tam Đảo. . )  +Di tích lịch sử: Thăng Long, Đền hùng  + Nhân văn:lễ hội . . . .  **=>N¨ng lùc chung: gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp,sö dông sè liÖu thèng kª ....** |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục V***

***Phương pháp dạy học trực quan***

**V.CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ**

**VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động cá nhân-hỏi đáp***  ***?*** *Xác định trên hình H 21.1 SGK vị trí của các trung tâm kinh tế của vùng?*  ***?*** *Xác định trên hình H 21.1 SGK vị trí của các tỉnh, thành phố thuộc vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.?*  *HS lên xác định*  *?Nêu ý nghĩa của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?* | - Hà Nội, Hải phòng  - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu Kinh tế của cả hai vùng  **Năng lực tư duy tổng hợp ptheo lãnh thổ...** |

**2.3. Hoạt động củng cố**

Câu 1: Trình bày đặc điểm phát triểncông nghiệpcủa vùng Đồng Bằng Sông Hồng?

Câu 2: Nêu tầm quan trọng của sản xuấtlương thực ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Em hãy vẽ sơ đồ tam giác tăng trưởng kinh tế với các ngành công nghiệp trọng điểm của ba trung tâm đó của vùng Đồng bằng Sông Hồng?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

+Em hãy tìm những tư liệu về sự phát triển kinh tế của vùng Đồng Bằng Sông Hồng?

(HS vào Google đánh chữ “sự phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 8/11/2019 Ngày dạy :

BÀI:22 TUẦN: 13 -TIẾT: 26

**THỰC HÀNH VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ MỖI QUAN HỆ**

**GIỮA DÂN SỐ. SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về mỗi quan hệ giữa dân số, sản lượng luơng thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Vùng Đồng Bằng Sông Hồng: Một vùng đất chật người đông mà giải pháp quan trọng là thâm canh tăng vụ tăng năng suất.

2.Kĩ năng :HS rèn kĩ năng - xử lí bảng số liệu và vẽ biểu đồ.

- phân tích mỗi quan hệ nhân quả.

3. Thái độ - Giáo dục HS ý thức khai thác tài nguyên một cách hợp lí để phát triển kinh tế.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: tự học, gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: vẽ biểu đồ, năng lực tính toán số liệu, ...

4.2 Phẩm chất**:** yêu quê hương, đất nước

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.GV: - Biểu đồ mối quan hệ giữa dân số, sản lượng luơng thực và bình quân lương thực theo đầu người ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng

2.HS:- Dụng cụ học tập

**III.**.**TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **GV cho HS làm dưới hình thức tự luận ra giấy trong 10 phút rồi thu câu hỏi sau:**

***?Phân tích những điều kiện tự nhiên tạo cho vùng Đồng Bằng Sông Hồng phát triển ngành nông nghiệp?***

-Sông ngòi: Là vùng hạ lưu sông Hồng cung cấp phù sa màu mỡ mở rộng diện tích. Cung cấp nước trong mùa khô tiêu nước trong mùa mưa . . . . .

- Đất: Đất phù sa màu mỡ chiếm diện tích lớn tạo cho vùng Sản xuất lương thực đặc biệt là cây lúa nước . .

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, có một mùa đông lạnh tạo cho vùng trồng nhiều loại cây nhiệt đới và cây ưa lạnh . . .

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV cho cả lớp chơi 1 trò chơi tập thể (trò Cá lớn cá bé) để tạo không khí

GV giới thiệu bài bằng cách nêu nhiệm vụ bài thực hành

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài tập 1**  ***Phương pháp luyện tập thực hành***  HS: Đọc và xác định yêu cầu của bài tập.  GV: Hướng dẫn HS vẽ Bản đồ ba đường trong cùng một hệ trục toạ độ . . . | **Bài tập 1:**  - Đọc và xử lý số liệu trên bảng 22.1 SGK tr 80  -Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng Bằng Sông Hồng (Từ 1995-2002)  **\*Cách vẽ ba biểu đồ đường:**  + Vẽ hệ trục toạ độ tương ứng, trục tung thiể hiện độ lớn của ba đối tượng lưu ý giới hạn số liệu lớn nhất là 150 và bé nhất là 0 ( Có thể lấy điển gốc 0 hoặc 100 đều được). Trục hoành thể hiện thời gian lưu ý về khoảng các các năm , thời điểm đầu tiên là năm 1995  + Vẽ từng đường trong ba đường, tương ứng với sự biến đổi dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người.  + Xác định các điểm mốc của từng đường và nối các điểm mốc bằng các đoạn thẳng để hình thành đường biểu diễn. |
| **Kĩ thuật động não**  **?**Từ biểu đồ hãy nhận xét về ba tiêu chí đã vẽ?  **- N¨ng lùc chuyªn biÖt: vẽ biểu đồ, năng lực tính toán số liệu, ...** | \* **Nhận xét**: Qua biểu đồ chúng ta thấy tình hình sản xuất trong 7 năm (Từ 1995-2002) có cải thiện đáng kể  - Tổng sản lượng phát triểnnhanh hơn sự gia tăng dân số.  - Bình quân lương thực trên đầu người tăng từ năm 1995 – 2000 tăng nhanh, tứ 2000 – 2002 có xu hướng giảm  - Dân số tăng theo các năm nhưng ở mức độ chậm. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài tập 2**  ***Phương pháp* đặt và giải quyết vấn đề...**  ***Kĩ thuật thảo luận nhóm***  ***Hình thức tổ chức: hai bàn một nhóm***  ?Dựa vào Biểu đồ đã vẽ và các bài học 20,21 hãy cho biết  **a.** Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong xản xuất lương thực ở Đồng Bằng Sông Hồng?  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: bằng những kiến thức đã học hãy hoàn thành bảng sau | **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Điều kiện tự nhiên | Điều kiện Kinh tế xã hội | | Thuận lợi | - Đất phù sa . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  -Khí hậu . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  - Thuỷ văn . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | - Số dân . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . - Chính sách nông nghiệp . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . -Cơ sở hạ tầng nông thôn . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | | Khó khăn | - Diện tích có xu hướng giảm. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . -Thời tiết thất thường. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | - Sự ô nhiễm môi trường. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . -Số dân quá đông. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . | |
| **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 3 phút câu 2b,c:**  Câu 2b:  ?Nêu vai trò của sản xuất vụ đông ở Đồng bằng sông Hồng? | b. Vai trò của vụ đông trong sản xuất ở Đồng Bằng Sông Hồng.  - Trong điều kiện thời tiết có mùa đông lạnh, hầu hết các tỉnh của vùng đều trồng trọt các loại cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế lớn như Ngô đông có năng suất cao ổn định diện tích ngày càng mở rộng chính trở thành vụ sản xuấtchính là nguồn lương thực, thực phẩn, nguồn thức ăn cho gia súc , giải quyết lương thực thực phẩn cho vùng và một phần xuất khẩu. |
| Câu 2c  ?Phân tích ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tới sự đảm bảo lương thực của vùng?  **HS báo cáo –tranh luận** | c. Ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tới sự đảm bảo lương thực của vùng.  - Do việc triển khai chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình có hiệu quả. Cho nên cùng với sản xuấtnông nghiệp bình quân lương thực đạt trên 400kg/người. Đồng Bằng Sông Hồng đã bắt đầu tìm thị trường để xuất khẩu lương thực.  **-N¨ng lùc chung: hợp tác, gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, giao tiÕp...**  **Phẩm chất: yêu quê hương, đất nước** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

- GV tóm tắt lại phương pháp vẽ biểu đồ

- Nhận xét đánh giá tiết thực hành

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Nêu phương hướng giải quyết vấn đề an ninh lương thực của vùng?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Về nhà xem lại cách thức vẽ các loại biểu đồ đã học.

Đã kiểm tra, ngày /11/2019

Ngày soạn :10/11/2019

Ngày dạy: Tuần 14- TIẾT: 27

BÀI:23 VÙNG BẮC TRUNG BỘ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Củng cố sự hiểu biết về đặc điểm vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ, những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư xã hội vùng Bắc Trung Bộ.

- Thấy được những khó khăn do thiên tai, hậu quả chiến tranh, các biện pháp cần khắc phục và triển vọng phát triển của vùng trong thời kỳ Công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng: - Biết đọc biểu đồ, lược đồ khai thác kiến thức

- Biết vận dụng tính tương phản trong không gian lãnh thổ .

3. Thái độ:

-Giáo dục HS ý thức đánh giá đúng thuận lợi và khó khăn của vùng lãnh thổ.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: tự học, gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: năng lực sử dụng bản đồ và tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.....

4.2 Phẩm chất**:** yêu các vùng miền của tổ quốc Việt Nam (yêu nước)

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1\*GV: - Lược đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ.

2\*HS: đồ dùng học tập...

**III.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **GV kiểm tra việc hoàn thành bài thực hành của HS**

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

GV cho cả lớp chơi một trò chơi tập thể khởi động (trò Cá lớn cá bé)

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  GV treo Lược đồ vùng Bắc Trung Bộ.  HS: Quan sát kết hợp H 23.1 tr 82 SGK  ***? HS lên xác định giới hạn lãnh thổ của vùng?tiếp giáp với lãnh thổ nào?***  ***Kĩ thuật động não***  ***? Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của vùng đối với sự phát triển Kinh tế –xã hội?*** | **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ**  \*Giới hạn:  - Dải đất hẹp ngang, kéo dài từ dãy Tam Điệp đến dãy Bạch Mã.  - Diện tích 51 513Km2  - Gồm Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, quãng Trị, Thừa Thiên-Huế  \*Tiếp giáp:  - Phía Bắc tiếp giáp Đồng bằng Sông Hồng và vùng Tây bắc thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ  - Phía Nam tiếp giáp vùng Nam Trung Bộ  - Phía Đông là biển Đông  - Phía Tây tiếp giáp Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào  ->Là chiếc cầu nối giữa Bắc bộ với các vùng phía Nam. Cửa ngõ của các nước tiểu vùng sông Mê Công ra Biển Đông và ngược lại. Ngã tư đường xuyên Đông Nam Á. Đường số 9 được chọn là 1 trong những con đường xuyên Asean |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề***

***Kĩ thuật mảnh ghép***

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vòng 1: vòng chuyên gia**  **Lớp chia đều lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu 1 đặc điểm tự nhiên của vùng: địa hình, khí hậu, sông ngòi, biển, khoáng sản, rừng**  **Vòng 2: nhóm mảnh ghép sẽ trình bầy đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng bằng cách báo cáo và trả lời các câu hỏi sau:**  ***?****Đặc điểm chung về địa hình và khí hậu của vùng Bắc Trung Bộ?*  *? Dải núi Trường Sơn Bắc có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu ở Bắc Trung Bộ?*  *? Bắc**Trung Bộ có sự khác biệt về khí hậu giữa phía bắc và phía nam dải Hoành Sơn như thế nào?*  *? Với kiến thức đã học ở lớp 8 và sự hiểu biết của bản thân hãy nêu các loại thiên tai thường xảy ra ở Bắc Trung Bộ?*  *? Để hạn chế bớt những khó khăn do thiên tai gây nên nhân dân trong vùng đã có những biện pháp gì?*  *? Dựa vào H 23.1 và H 23.2 tr 82 SGK so sánh tiềm năng khoáng sản, rừng phía Bắc và phía Nam dải Hoành Sơn?*  *? Với điều kiện tự nhiên như trên hãy cho biết Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển Kinh tế - xã hội.* | 1-Địa hình: Từ tây sang đông  + Dải núi Trường Sơn Bắc ở phía Tây -> gò đồi -> đồng bằng duyên hải -> Đầm phá ->hải đảo.  2. Khí hậu: có sự phân hóa từ bắc xuống nam, từ đông sang tây  =>Dải trường sơn bắc chi phối mạnh tính chất khí hậu của vùng  + Về mùa hạ: gió tây nam thổi về gặp sườn đón gió phía Tây -.> đổ mưa . . .-> gây nên hiệu ứng phơn  + Về mùa đông : Sườn đông dựng dứng . . .  => Dãy hoành Sơn đâm ngang ra biển theo hướng Tây bắc -Đông Nam ở vĩ độ 180 B ngăn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên phía bắc hoành Sơn có mùa đông lạnh, phía nam mùa đông rất ngắn và ít lạnh hơn  =>- Về mùa hè có gió nóng khô Tây Nam còn gọi là gió lào làm khô cháy cậy cối, thiệt hại mùa màng ảnh hưởng sản xuấtvà sứ khoẻ  -Về mùa thu thường có mưa to gió bão từ biển đông thổi vào gây thiệt hại cho nhân dân như sản xuất, nhà cửa, giao thông . . .  - Nạn cát bay cát lẫn vùng duyên Hải ven biển . . .  =>giải pháp: -Trồng trọt và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, đắp hồ chứa nước, trồng cây ven biển  -Xoá đói giảm nghèo vùng phía Tây. Áp dụng rộng rãi hệ canh tác nông lâm kết hợp . . .  -Tài nguyên:  + Rừng, khoáng sản tập trung phía bắc dải Hoành Sơn ( thiếc, crôm, Sắt, Đá vôi, Cao lanh-sét, gỗ quý lâm sản . . .)  + Du lịch tập trung phía nam(Phong Nha-Kẻ Bàng, Bạch Mã . .)  =>-Phát triển đa dạng nghề rừng, chăn nuôi, Khai thác chế biến khoáng sản, du lịch . . ..  - Thiếu lương thực, Kinh tế biển kém phát triển, đồng bằng nhỏ hẹp giữ màu và giữ nước kém . .  **-N¨ng lùc : tự học, gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, s¸ng t¹o; hîp t¸c; giao tiÕp, năng lực sử dụng bản đồ** |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp dạy học trực quan***

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động cá nhân-hỏi đáp***  *? Dân cư vùng Bắc Trung Bộ có đặc điểm gì?*  ? *Quan sát bảng 23.1SGK hãy cho biết những khác biệt trong cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía Đông và phía Tây của Bắc Trung Bộ?*  *?Nêu đặc điểm phân bố của dân cư ở vùng?*  *? Dựa vào bảng 23.2, hãy nhận xét về sự chênh lệch các chỉ tiêu của vùng so với cả nước?* | - Số dân 10,3 triêụ nguời (năm 2002)  - Thành phần 25 dân tộcsinh sống  =>Miền núi, gò đồi phía Tây chủ yếu là dân tộc ít người sinh sống hoạt động Kinh tế chủ yếu là ngề rừng, trồng cây Công nghiệplâu năm, làm nương rẫy, chăn nuôi đại gia súc .  - Người kinh là chủ yếu họ Sản xuất lương thực, trồng cây Công nghiệpngắn ngày, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, Công nghiệp, Thương mại, dịch vụ . .  =>Phân bố không đều tập trung ven biển, thưa vắng phía tây  - Mật độ 195 người/km2  => Tỉ lệ gia tăng tự nhiên 1,5% cao hơn cả nước.  -Đời sống cư dân còn nhiều khó khăn  - Người dân có truyền thống hiếu học, lao động cần cù chịu khó, giàu nghị lực . .  **-Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.....**  **-Phẩm chất: yêu các vùng miền của tổ quốc Việt Nam (yêu nước)** |

**2.3. Hoạt động luyện tập**

Câu 1: Điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế xã hội?

Câu 2: Sự phân bố dân cư vùng Bắc Trung Bộ có đặc điểm gì?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Hãy tìm các giải pháp khắc phục những khó khăn về tự nhiên lẫn kinh tế-xã hội của vùng Bắc trug Bộ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

–HS vào Google và đánh chữ : đặc điểm tự nhiên và đặc điểm dân cư xã hội của vùng Bắc Trung Bộ -> để hiểu sâu hơn bài học.

Ngày soạn: 15/11 /2019 Ngày dạy

BÀI: 24 TUẦN: 14 -TIẾT: 28

VÙNG BẮC TRUNG BỘ (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- Hiểu được Bắc Trung Bộ còn nhiều khó khăn nhưng đang đứng trước nhiều triển vọng lớn trong phát triển vùng

2.Kĩ năng : HS rèn kĩ năng- Đọc phân tích biểu đồ và lược đồ, sưu tầm số liệu

- Khai thác kênh hình và kênh chữ.

3. Thái độ - Giáo dục HS ý thức khai thác các tài nguyên thiên nhiên một cách có hiệu quả nhất, đăc biệt là nông lâm kết hợp

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ, khai thác tranh ảnh, biểu đồ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1\*GV: - Lược đồ Kinh tế Bắc Trung Bộ

- Bản đồ Du lịch Việt Nam

2\*HS: đồ dùng học tập...

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **thi xem ai trả lời nhanh**

Câu 1: Điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển Kinh tế xã hội?

Câu 2: Nêu đặc điểm dân cư vùng Bắc Trung Bộ?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV giới thiệu vào bài mới

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  *? Quan sát biểu đồ H 24.1 SGK tr 86 cho nhận xét về mức độ đảm bảo lương thực của vùng Kinh tế Bắc Trung Bộ?*  ***Kĩ thuật động não*** *? Với những kiến thức đã học cho biết những khó khăn lớn trong sản xuất nông nghiệp vùng Kinh tế Bắc Trung Bộ?giải pháp?*  *? Để khắc phục những khó khăn trên nhân dân trong vùng đã khai thác phát triển nông nghiệp dựa vào những thế mạnh nào?*  *? Quan sát H24.3 SGK /87 xác định các vùng nông lâm kết hợp?*  *(Nâng cao)?Nêu ý nghĩa của việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ ?*  GV: Các dự án trồng rừng kết hợp xây dựng các hồ chữa nước, phát triển thuỷ lợi . . Hồ kẻ gỗ, đập bãi thượng(Thanh Hóa), Bara(Đô Lương, Nam Đàn), nam thạch Hãn, đập Cẩm Lệ . . .  *? Dựa vào biểu đồ H 24,2SGK/86 nêu nhận xét về sự gia tăng giá trị sản xuất Công nghiệp của vùng?*  *? Đọc trên lược đồ H24.3 các vùng khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng?...*  *HS đọc rõ*  *?Cho biết những khó khăn trong sự phát triển ngành công nghiệp của vùng?*  **\*Thảo luận nhóm**  *? Dựa vào H 24,3 SGK tr 87 vùng Bắc Trung Bộ có tầm quan trọng như thế nào trong giao lưu kinh tế với các vùng khác trong nuớc và nước ngoài.*  *? Xác định vị trí của các tuyến quốc lộ số 7, số 8, số 9 và nêu tầm quan trọng của các tuyến đường này?*  *HS xác định..*  *? Hãy kể tên một số điểm du lịch nổi tếng của vùng?*  **GV:** Treo Bản đồ Du lịch Việt Nam  **HS:** Xác định các tua du lịch của vùng trên bản đồ | **IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN**  **KINH TẾ.**  **1. Nông nghiệp:**  - Gặp nhiều khó khăn năng suất lúa, bình quân lương thực có hạt đầu người thấp 333,7kg/người(2002)=> Đủ ăn không có phần dư dôi, xuất khẩu . .  =>Khó khăn:  +Tự nhiên: khí hậu khắc nghiệt lại diễn biết thất thường. Đất đai ít lại xấu cằn cõi , giữ màu giữ nước kém . . .  + Dân cư-xã hội: dân đông đúc, đời sống gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, vốn ít .  -Biện pháp  + Trồng trọt: Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất trên đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả vùng gò đồi núi  + Chăn nuôi gia súc,  + Nuôi trồng, đánh bắt thuỷ hải sản thuỷ hải sản  =>-Dân cư đông, cần cù chịu khó . . .  =>Các đồng bằng . . . làm nông nghiệp  -Các vùng gò, đồi, núi thấp...chăn nuôi  - Vùng biển . . . phát triển kinh tế biển  => Phát triển nông lâm kết hợp ở Các vùng núi thấp, gò đồi, thung lũng các con sông  => Chống lũ nhất là lũ quét, hạn chế nạn cát lẫn cát bay, tác hại gió phơn Tây Nam bảo vệ môi trường sinh thái ***. . .***  **2. Công nghiệp:**  - Đang ở thời kỳ xây dựng cơ bản  -Giá trị sản xuất công nghiệp từ năm 1995 -> 2004 tăng rõ rệt. => Chưa tương xứng với tiềm năng của vùng  + Khai thác khoáng sản và sản xuấtvật liệu xây dựng quan trọng hàng đầu  + Chế biến ( gỗ, lương thực thực phẩm, cơ khí, dệt may . ) vừa và nhỏ nằm rải rác  =>Khó khăn: Cơ sở hạ tầng còn thấp kém . . .  - Hậu quả chiến tranh kéo dài nhiều năm . .  - Thiếu nguồn vốn  **3. Dịch vụ**:  => có ý nghĩa Kinh tế quốc phòng  Là chiếc cầu nối:  + Các tỉnh phía nam với các tỉnh phía bắc,  +Thái Lan -Trung Lào- Biển Đông và ngược lại.  - Giao thông phát triển: ***các tuyến quốc lộ số 7, số 8, số 9=>*** Nối liền các cửa khẩu, biên giới lào-Việt với các cảng biển)  GV: Đường 9 được chọn là 1 trong những con đường xuyên ASEAN . . . .  ***=>***Du lịch: Có nhiều thế mạnh phát triển  + Sinh thái: các vườn quốc gia .  +Danh lam thắng cảnh: Phong Nha – kẻ Bàng, . . .  + văn hoá – lịch sử: Kim Liên Nam Đàn (Nghệ An), Ngã Ba Đồng Lộc, Cố Đô Huế . .  + Các bãi tắm: Đồ Sơn ( Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Thuận An Lăng Cô( Thừa Thiên- Huế)  **-N¨ng lùc : giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp, khai thác tranh ảnh, biểu đồ...**  **- Phẩm chất:Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó** |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục V***

***Phương pháp dạy học trực quan***

V: CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ

|  |  |
| --- | --- |
| **GV:** Treo - Lược đồ Kinh tế Bắc Trung Bộ  ***? Qua lược đồ xác định và nhận xét đặc điểm của các trung tâm Kinh tế ?*** | - Vinh, Thanh Hoá, Huế là các trung tâm Kinh tế quan trọng của vùng  **-Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ** |

**2.3.Hoạt động luyện tập, củng cố**

? Nêu những thành tựu và khó khăn trong phát triển Kinh tế nông, công nghiệpở Bắc Trung Bộ?

?Tại sao nói du lịch là thế mạnh của vùng Bắc Trung Bộ?

? Việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ có những ý nghĩa gì?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Nêu các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế của vùng?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS vào google đánh cụm từ “ tình hình phát triển kinh tế của Bắc Trung Bộ” để hiểu rõ hơn nội dung bài học

- Làm bài tập số SGK, sưu tầm các bức tranh nói về quê hương Bác Hồ tại nghệ An

-Chuẩn bị bài 25: Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ với các nội dung:

+Đặc điểm vị trí địa lí và giới hạn của vùng

+Đặc điểm về địa hình, khí hậu, sông ngòi, sinh vật, khoáng sản của vùng

+Đặc điểm dân cư xã hội của vùng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn : 21/11/2019

Ngày dạy : Tuần : 15 - Tiết: 29

**BÀI:25**

VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Khắc sâu sự hiểu biết qua các bài học về Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ là nhịp cầu nối giữa Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ, giữa Tây Nguyên với Biển Đông, là vùng có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của đất nước.

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng- So sánh sự tương phản lãnh thổ

- Giải thích một số vấn đề của vùng.

3. Thái độ: - Giáo dục HS ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, di tích văn hoá lịch sử, bảo vệ rừng

4. Năng lực phẩm chất

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực sử dụng bản đồ tranh ảnh địa lí, năng lực khai thác kiến thức từ bảng số liệu..

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1\*GV: - Lược đồ tự nhiên Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ

2\*HS: đồ dùng học tập...

**III**.**TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **thi xem ai trả lời nhanh**

? Nêu những thành tựu và khó khăn trong phát triển Kinh tế nông, công nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV cho HS hát một bài để tạo không khí vui vẻ

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục I***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  ***Kĩ thuật đặt câu hỏi***  GV treo Lược đồ vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.-HS: Quan sát kết hợp H 25.1 tr 91SGK  *? Nêu tên các tỉnh theo thứ tự từ Bắc vào Nam, diện tích của vùng?*  GV: Lưu ý về Thành phố Đà Nẵng trực thuộc trung ương  *?Xác định* *giới hạn của vùng?*  *? Xác định vị trí lãnh thổ của vùng?*  *? HS lên xác định hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa và các đảo Lí Sơn, Phú Quý?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Với vị trí địa lí của vùng như trên có tầm quan trọng Tây Nguyên trong sự phát triển Kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng?* | **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ**  \*Giới hạn:  - Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.  - Diện tích 44 254km2  - Lãnh thổ hẹp ngang kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.  - Có nhiều đảo và hai quần đảo ở phía đông  \*Vị trí:  - **Phía Đông**: Là biển Đông có hai quần đảo lớn và mốt số đảo nhỏ khác.  - **Phía Tây** Lào và Tây Nguyên  - **Phía Bắc:** Vùng Kinh tế Bắc Trung Bộ  - **Phía Nam:** Đông Nam Bộ  => Là chiếc cầu nối giữa Bắc Trung Bộ với Đông Nam Bộ, giữa Tây Nguyên với Biển Đông =>Có tầm quan trọng bảo vệ an ninh quốc phòng.  **Năng lực sử dụng bản đồ tranh ảnh địa lí** |

***Hoạt động 2 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục II***

***Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề***

***Kĩ thuật mảnh ghép, động não***

***Hình thức tổ chức: học cá nhân, học theo nhóm***

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV:** Treo bản đồ tự nhiên Việt Nam.  GV chia nhóm: 2 bàn một nhóm  **Vòng 1**: **Nhóm chuyên gia**  HS làm việc cá nhân: đọc sgk và tìm hiểu về đặc điểm địa hình, khí hậu, tài nguyên biển, khoáng sản, tài nguyên rừng của vùng=> mỗi nhóm tìm hiểu một đặc điểm  Bước 1: GV giao nhiệm vụ  Bước 2: HS nhận nhiệm vụ  Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ  **Vòng 2: Nhóm mảnh ghép**  HS thảo luận nhóm và báo cáo : **trình bày đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng?**  Bước 4: HS thảo luận nhóm và thống nhất ý kiến giữa các thành viên trong nhóm về các vấn đề được giao  Bước 5: đại diện nhóm báo cáo trước lớp-nhóm khác nhận xét  GV nhận xét và chuẩn kiến thức  **GV cho HS làm việc cá nhân**  ? *HS lên xác định trên H 251SGK*  + Các vịnh Dung Quất, Vân Long và Cam Ranh  + Các bãi tắm và du lịch nổi tiếng.  ***Kĩ thuật động não***  *? Nêu giá trị kinh tế và chính trị quốc phòng của các đảo và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa?*  *? Tại sao vấn đề bảo vệ rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ?*  ? *Chúng ta phải làm gì để khắc phục bớt những hiện tượng trên?*  ***Giáo dục HS ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường*** | **1. Địa hình:**  + Dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển  + Phía Tây có các núi, gò, đồi.  + Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh. các bãi cát, cồn cát, đụn cát trải dọc bờ biển cực nam  **2. Khí hậu:**  -Nhiệt đới gió mùa. Mang sắc thái Á xích đạo  - Nơi thường bị hạn hán, thiên tai, lũ lụt  **3. Tài nguyên biển**  =>Kinh tế biển: Du lịch biển  - Thuỷ hải sản:  -Giao thông biển: -Khoáng sản biển  =>- Có giá trị khai thác tổ chim yến, nơi trú ngụ của tàu bè, khai thác khoáng sản . . .  **4. Khoáng sản:** ít chủ yếu là cát thuỷ tinh, ti tan và vàng  **5.Rừng:** Còn lại rất ít, có nhiều đặc sản quý như quế, trầm hương, sâm quy .  **Năng lực giải quyết vấn đề, hîp t¸c; giao tiÕp**  =>Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa vô cùng lớn về kinh tế lẫn chính trị quốc phòng ( là hai ngư trường trọng điểm quan trọng của nước ta...)  =>vì : - Là hai tỉnh khô hạn nhất nước ta . .  - Hiện tượng sa mạc hoá đang có xu thế mở rộng  => cát, nước mặn, tác dụng của thuỷ triều và gió bão xâm lẫn  => Trồng cây gây rừng ven biển . . . |

***Hoạt động 3 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục III***

***Phương pháp dạy học trực quan***

***Kĩ thuật đặt câu hỏi***

***Hình thức tổ chức: học cá nhân***

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| Qua bảng 25.1 tr 92 SGK  ? Nêu đặc điểm về số dân và mật độ dân số cảu vùng?  ? *Em có nhận xét gì về sự tương phản trong cư trú, phân bố dân cư và hoạt động kinh tế giữa đồng bằng ven biển và vùng núi gò đồi phía Tây?*  ( có sự khác biệt và chênh lệch rất lớn . .)  ? Nêu nhận xét về đời sống dân cư của vùng?  ?Quan sát tranh, em thấy vùng có lợi thế phát triển ngành gì?  GV giới thiệu hai bức tranh . . . | - Số dân 8,4 triệu người  -Mật độ 183 ng/km2  - Sự phân bố dân cư và hoạt động kinh tế không đồng đều giữa đồng bằng ven biển và vùng núi gò đồi phía Tây ( Học ở phần bảng 25.1SGK /92)  -Tỉ lệ hộ nghèo cao hơn cả nước tập trung ở phía tây.  =>Đời sống nhân dân còn rất nhiều khó khăn  - Vùng có nhiều di tích văn hoá-lịch sử như phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn, tháp chàm . . . .=> Phát triển du lịch  **Năng lực khai thác kiến thức từ bảng số liệu..**  **Phẩm chất tự tin, tự chủ, vượt khó** |

**2.3.Hoạt động luyện tập củng cố**

Câu 1: Trong phát triển Kinh tế-xã hội Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì?

Câu 2: Sự phân bố dân cư vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có những đặc điểm gì? Tại sao lại phải đẩy mạnh công tác giảm nghèo ở vùng phía tây?

Câu 3: Tại sao du lịch lại thế mạnh của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Em hãy nêu các biện pháp để giải quyết các khó khăn của vùng ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy sưu tầm các tư liệu về di tích văn hoá-lịch sử như phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn, tháp chàm bằng cách đánh cụm từ “di tích văn hoá-lịch sử như phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn, tháp chàm” trên google.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 22 /11/2019 Ngày dạy:

BÀI:26 TUẦN: 15 -TIẾT: 30

VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức- Hiểu biết về Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có tiềm năng lớn về kinh tế biển. Thông qua việc nghiên cứu cơ cấu Kinh tế, học sinh nhận thức được sự chuyển biến mạnh mẽ trong kinh tế cũng như xã hội của vùng.

- Thấy được vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung đang tác động mạnh tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Duyên Hải Nam Trung Bộ.

2.Kĩ năng - Phân tích và giải thích một số vấn đề qua kênh chữ và kênh hình.

- Đọc xử lí số liệu và phân tích quan hệ không gian đất liền-biển, Duyên Hải-Tây Nguyên

3. Thái độ -Giáo dục HS Ý thức khai thác các tài nguyên thiên nhiên một cách có hiệu quả nhất, đăc biệt là kinh tế biển khai thác phải đi đôi với bảo vệ môi trường , nguồn sinh thái biển

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ, khai thác tranh ảnh, biểu đồ...

4.2 Phẩm chất**:** yêu quê hương đất nước

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:- Lược đồ Kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ.

- Bản đồ Du lịch Việt Nam

\*HS: đồ dùng học tập...

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **Kiểm tra 10 phút, GV cho HS làm ra giấy để lấy điểm miệng**

Câu 1: Trong phát triển Kinh tế-xã hội Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có những điều kiện thuận lợi và khó khăn nào?

Câu 2: Sự phân bố dân cư Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có những đặc điểm gì? Tại sao lại phải đẩy mạnh công tác giảm nghèo ở vùng phía tây?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tập thể “Cá lớn cá bé”

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV***  ***Phương pháp dạy học trực quan***  Quan sát bảng 26.1 SGK tr 95 hãy:  *? Nhận xét về số lượng đàn bò, thuỷ sản của Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?*  *?Em kết luận gì từ số liệu trên?*  ***Kĩ thuật động não***  *? Giải thích vì sao chăn nuôi bò, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản lại là thế mạnh của vùng****?***  *? Nêu những khó khăn trong sự phát triển nông nghiệp của vùng?*  ? Để khắc phục những khó khăn trên Đảng và nhà nước đã có những biện pháp gì?  *? Sống về nghề biển ngoài khai thác thuỷ sản thì nhân dân trong vùng còn có nghề gì nữa?*  *(Nâng cao) vì sao vùng biển Nam Trung Bộ lại nổi tiếng về nghề làm muối*?  *? Qua phân tích trên em có nhận xét gì về lương thực của vùng?*  *? Dựa vào bảng 26.2 SGK tr 97 và sự phân tích trên nhận xét về sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệpcủa vùng so với cả nước?*  **\*GV mở rộng:** Vùng có nhiều dự án quan trọng đang phát triển như khai thác vàng Bồng Miêu . . ., Khu Công nghiệp Dung Quất . . ., Khu Kinh tế mở Chu Lai . .  *? Vùng Kinh tế Nam Trung Bộ có những thế mạnh nào để phát triển ngành dịch vụ?*  ***Kĩ thuật động não****? Vì sao ngành du lịch lại là thế mạnh của**vùng?(có cả tiềm năng du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn)*  *? Xác định trên lược đồ H26.1 các cảng biển, các bãi tắm nổi tiếng của vùng?(SGK)* | **IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN**  **KINH TẾ.**  **1. Ngành nông nghiệp:**  => Số lượng đàn bò từ năm 1995-> 2000 tăng, từ 2000-> 2002 giảm  -Sản lượng thuỷ sản không ngừng tăng gần gấp đôi  - Sản lượng thuỷ sản cao chiếm 27,4% giá trị thuỷ sản cả nước.  => Chăn nuôi bò, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản lại là thế mạnh của vùng.  =>- Có các điều kiện tự nhiên thuận lợi  + Có các vùng gò đồi phía Tây rộng lớn kéo dài . .  + Có bờ biển dài, khúc khuỷu nhiều vũng vịnh đấm phá => nuôi trồng thuỷ sản, có biển rộng, sâu, nhiều bãi tôm bãi cá .  + Có khí hậu nhiệt đới, mang sắc thái Á xích đạo=> cho phép nuôi trồng, khai thác quanh năm . . . .  - Có nguồn lao động dồi dào, có tay nghề cao và có sự hỗ trợ cùa trường đại học thuỷ sàn Nha Trang  => Quỹ đất rất hạn chế: ít, xấu, bị nhiễu mặn . .- Thiên tai: Hạn hán, lũ lụt, nạn cát bay . . .  =>**-** Trồng rừng phòng hộ . . . - Xây dựng hồ trữ nước.. )  **Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường**  - Nghề làm muối, khá phát triển như Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Phan Thiết . . .  **=> vì:** Có nhiều đồng muối .  - Có khí hậu nắng nóng khô ráo quanh năm, lượng mưa ít . - Nồng độ muối trong nước biển khá cao  - Sản lượng lương thực bình quân dầu người thấp hơn cả nước 281,5kg/người (2002)  **2. Công nghiệp:**  - Chiếm tỉ trọng nhỏ 14,7 nghìn tỉ đồng, nhưng có tốc độ tăng trưởng khá cao hơn toàn quốc  -Cơ cấu bước đầu được hình thành và khá đa dạng:  + Công nghiệp cơ khí  + Công nghiệp chế biến thực phẩm.  + Công nghiệp sản xuấthàng tiêu dùng.  +Công nghiệp khai thác khoáng sản  **3. Dịch vụ**:  - Giao thông vận tải  + Trung tâm đầu mỗi giao thông sôi động cho Bắc-Nam và Tây nguyên  + Các cảng biển như Đà Nẵng, Nha Trang . .  - Du lịch là thế mạnh của vùng  + Du lịch biển  + Du lịch quần thể di tích văn hoá  **Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ, khai thác tranh ảnh, biểu đồ..** |

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS mục V

V: CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ

VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

|  |  |
| --- | --- |
| ***Kĩ thuật thảo luận nhóm***  ***Hình thức tổ chức: hai bàn một nhóm***  *? Vùng Kinh tế Nam Trung Bộ có các trung tâm Kinh tế nào?*  *? Xác định trên lược đồ H26.1 vị trí của các thành phố Đà Nẵng, Quy nhơn, Nha Trang ?*  *\*****Thảo luận nhóm:*** *giải thích vì sao các thành phố này được coi là cửa ngõ của Tây Nguyên?*  GV hướng dẫn HS ghi lại các nội dung quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung về số dân, diện tích, gồm tỉnh và vai trò? | -Các trung tâm Kinh tế của vùng: Đà Nẵng, Quy Nhơn,Nha Trang  => Vì các thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang là các cảng biển quan trọng , là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên  =>Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung có tầm quan trọng không chỉ đối với Duyên hải Nam Trung Bộ mà cả với Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên  **Năng lực sử dụng bản đồ,tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp** |

**2.3.Hoạt động luyện tập củng cố**

Câu 1: Duyên Hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng Kinh tế biển như thế nào?

Câu 2: Nêu tầm quan trọng của vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đối với sự phất triển kinh tế Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Em hãy tìm hiểu các tư liệu về sự phát triển kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy sưu tầm những hình ảnh thể hiện sự phát triển của các trung tâm Kinh tế của vùng: Đà Nẵng, Quy Nhơn,Nha Trang bằng cách vào google đánh cụm từ “Hình ảnh và tư liệu về sự phát triển của Đà Nẵng, Quy Nhơn,Nha Trang”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn : 29/11/2019

Ngày dạy : TUẦN: 16 - TIẾT:31

BÀI:27 THỰC HÀNH

KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ

VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần

1.Kiến thức -Củng cố sự hiểu biết về cơ cấu Kinh tế ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ (gọi chung là vùng duyên hải miền Trung), bao gồm hoạt động của các hải cảng, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản, nghề muối và chế biến thuỷ sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển.

2.Kĩ năng - HS hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ, phân tích số liệu thống kê, liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ

3. Thái độ: Giáo dục HS Có ý thức học tập khoa học chính xác

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ , năng lực tính toán số liệu

4.2 Phẩm chất**:** yêu thiên nhiên, yêu biển

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: - Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam

2. HS: - Thước kẻ, máy tính, bút chì . . .

**III..TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **sẽ kết hợp trong bài**

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV cho Cả lớp chơi trò chơi “Tiếp sức’’: lớp chia 3 đội thi tiếp sức trong 3 phút lên ghi nhanh tên các bãi biển, cảng biển của duyên hải miền Trung?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS bài 1**  **phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật mảnh ghép**  **Khởi động:** GV nêu yêu cầu của bài thực hành   * GV treo Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam   **Vòng 1:** GV cho HS quan sát lược đồ=> nêu nhiệm vụ của bài=> HS nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân  Quan sát kết hợp các hình 24.3 và 26.1 SGK điền vào chỗ trỗng các địa danh phù hợp để hoàn chỉnh sơ đồ sau.  **Vòng 2**: HS thảo luận thống nhất ý kiến theo nhóm-báo cáo trước lớp  HS nhận xét-Gv nhận xét, chốt   |  | | --- | | Các cảng biển chính:*Cửa lò, Dồng Hới, Chân Mây, Dà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn, Nha Trang* |  |  | | --- | | Các đảo và quần đảo là cơ sở khai thác : *Tổ chim yến, du lịch, nuôi trồng thỷ hải sản* |  |  | | --- | | Các bãi cá, bãi tôm **:** *hầu hết các tỉnh đều có . . .* |  |  | | --- | | Các cơ sở Kinh tế biển |  |  | | --- | | Các bãi biển nổi tiếng: *Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, lăng Cô, Non Nước, Sa Huỳnh, Nha Trang, Ninh Chữ, Múi Né . .* |  |  | | --- | | Các cơ sở sản xuấtmuối**:***Sa Huỳnh, Cà Ná* |   \* Gọi 1 HS lên hoàn chỉnh \* 1 HS lên chỉ trên bản đồ   |  |  | | --- | --- | | *Kĩ thuật động não*  ***? Em có nhận xét về tiềm năng phát triển Kinh tế biển ở hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ?*** | -các tỉnh duyên hải miền trung nói chung đều có tiềm  năng Kinh tế biển rất lớn nhưng còn khai thác ở mức thấp  + Nuôi trồng thuỷ sản: Nuôi cá nước lợ , tôm trong các  đầm phá, trên các cồn cát ven biển .  + Đánh bắt hải sản gần và xa bờ, Các tỉnh đều có các bãi  cá bãi tôm gần hoặc xa bờ,  + Chế biến thuỷ hải sản cổ truyền và hiện đại . . + Nghề làm muôi . .  + Du lịch biển đảo . . . + Kinh tế cảng biển . .  **-N¨ng lùc giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiÕp...** |   **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS bài 2**  **KĨ thuật động não**  **Bài tập 2: HS làm việc theo nhóm giải quyết các yêu cầu của bài tập 2**  Dựa vào bảng 27.1 SGK  ***? Tính tỉ trọng sản lượng thuỷ sản của Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ so với toàn vùng duyên hải Miền Trung.***  => Theo bảng 27.1 toàn miền có sản lượng là  + Nuôi trồng: 38,8 + 27,6 = 66,4( nghìn tấn) + Khai thác: 153,7 + 193,6 = 647,3( nghìn tấn)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Vùng | Tỉ lệ nuôi trồng | | Tỉ lệ khai thác | | | Bắc Trung Bộ | 38,8 x 1000  = 58,43%  66,4 | | 153,7 x 1000  = 23,74%  647,3 | | | Duyên Hải Nam Trung Bộ | 27,6 x 1000  = 41,57%  66,4 | | 493,6 x 1000  = 76,26%  647,3 | | | ***? So sánh sản lượng nuôi trồng và khai thác của hai vùng Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ?*** | | - Bắc Trung Bộ nuôi trồng thuỷ sản nhiều hơn duyên  hải Nam Trung Bộ  -Duyên hải Nam Trung Bộ khai thác thuỷ sản nhiều  hơn Bắc Trung Bộ | | | ***? Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng về thuỷ sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng?***  **- Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ , năng lực tính toán số liệu**  **- Phẩm chất: yêu thiên nhiên, yêu biển** | | * Bắc Trung Bộ nuôi trồng thuỷ sản nhiều hơn   duyên hải Nam Trung Bộ là vì.  + Có diện tích mặt nước rộng lớn.như các đần phá  Tam Giang, Cầu Hải . . .  + Kinh nghiệm nuôi trồng của người dân  -Duyên hải Nam Trung Bộ khai thác thuỷ sản nhiều  hơn Bắc Trung Bộ vì .  +Có khí hậu nóng quanh năm, tương đối ổn định=>  tạo điều kiện khai thác ổn định hơn  + Có hai ngư trường trọng điểm Ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ và hai quần đảo Trường sa Hoàng Sa.  +Người dân có kinh gnhiệm đánh bắt xa bờ nhiều  ngày. | | | |

**2.3.Hoạt động luyện tập củng cố**

?Nêu tiềm năng chủ yếu để phát triển Kinh tế ở Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ ?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Chỉ ra các giải pháp để giải quyết các khó khăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển của duyên hải miền Trung?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Sưu tầm những tư liệu về các hoạt động kinh tế biển của các tỉnh duyên hải miền Trung bằng cách vào google đánh chữ tìm kiếm là “tiềm năng và kết quả phát triển kinh tế biển của Duyên hải miền Trung”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 29/11/2019 Ngày dạy:

***BÀI:28 TUẦN: 16 -TIẾT:32***

**VÙNG TÂY NGUYÊN**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức: HS biết và hiểu:

-Tây Nguyên có vị trí địa lí quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đồng thời có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế-xã hội.

-Tây nguyên là vùng sản xuất hàng hoá nông sản xuất khẩu lớn của cả nước chỉ sau Đồng Bắng Sông Cửu Long

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng

-Sử dụng bản đồ để nhận xét giải thích một số vấn đề về tự nhiên và dân cư, xã hội của vùng.

- Phân tích bảng số liệu thống kê để khai thác các thông tin.

3. Thái độ:

-Giáo dục HS ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hoá, bảo vệ rừng

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ, sử dụng khai thác kiến thức từ bảng số liệu, lược đồ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1\*GV:- Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

- Lược đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên.

2\*HS: đồ dùng học tập...

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **GV kiểm tra nhanh việc hoàn thiện bài thực hành của HS**

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV cho HS hát một bài hát về Tây Nguyên

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS mục I**  **Phương pháp dạy học trực quan**  **\***GV treo Bản đồ tự nhiên Việt Nam HS quan sát kết hợp lược đồ H28.1SGK tr102  ***? Xác định giới hạn lãnh thổ Tây Nguyên?***  ***? Cho biết Tây nguyên tiếp giáp với***  ***những lãnh thổ nào?***  ***? Việc không giáp biển của Tây nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển Kinh tế?***  *Kĩ thuật động não*  ***?Vị trí địa lý của vị vùng Tây Nguyên như trên em hãy cho biết ý nghĩa của vùng đối với sự phát triển Kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng như thế nào?***. | I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ  \*Giới hạn:  -Bao gồm:  Lâm Đồng, Đăk Lăk, Đắc Nông, KomTum, Gia Lai  - Diện tích: 54 475km2  - Tiếp giáp:  + Phía bắc và phía đông tiếp giáp vùng Kinh tế Duyên Hải Nam Trung Bộ.  + Phía Nam tiếp giáp vùng kinh tế Đông Nam Bộ.  + Phía Tây tiếp giáp Cam- Pu-Chia.  + Phía Tây Bắc tiếp giáp Cộng Hòa nhân dân Lào(hạ Lào)  => Là vùng duy nhất không giáp biển.  => Không chịu ảnh hưởng của biển như bão, thuỷ triều sóng thần . . . .  - Không có các ngành kinh tế biển . . . .  -> Có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.  =>Vùng có lợi thế về độ cao địa hình, có nhiều điều kiện trong giao lưu kinh tế văn hoá trong và ngoài nước  **Năng lực khai thác kiến thức từ bản đồ** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS mục II**

**Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề...**

**Kĩ thuật khăn phủ bàn**

**Hình thức hai bàn một nhóm**

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vòng 1:HS làm việc cá nhân**  Bước 1 : GV giao nhiệm vụ  Bước 2:HS nhận nhiệm vụ: đọc sgk tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của Tây Nguyên theo các câu hỏi bên dưới  Bước 3:HS làm việc cá nhân  **Vòng 2:**  HS thảo luận nhóm-thống nhất ý kiến  Bước 4 và 5: HS thảo luận nhóm và thống nhất ý kiến vào trung tâm khăn phủ bàn-báo cáo  *?Đặc điểm về địa hình của Tây Nguyên?kể tên các cao nguyên của vùng theo thứ tự từ Bắc vào Nam?*  *?Đặc điểm khí hậu Tây Nguyên?*  *? Dựa vào H 28.1 tìm và đọc tên các sông của vùng (Nơi bắt nguồn, chảy qua vùng địa hình nào, đổ về đâu, giá trị Kinh tế của chúng)?*  *? Vì sao Tây nguyên lại là vùng giàu tiềm năng thuỷ điện đứng thứ 2 sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?*  *\* Quan sát lược đồ H28.1SGK/102*  *? Nhận xét về sự phân bố các vùng đất ba dan và các mỏ bô xít?*  *? Nêu hiện trạng tài nguyên rừng của Tây Nguyên? Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ và phát triển rừng ở Tây Nguyên?*  *? Việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Tây Nguyên gặp những khó khăn gì?*  *? Theo em thì Tây Nguyên cần có những hướng khắc phục nào?* | - **Địa hình:** chủ yếu là cao nguyên xếp tầng với các độ cao khác nhau.Có 6 cao nguyên.  **- khí hậu:** Nhiệt đới cận xích đạo có sự ảnh hưởng của kiểu khí hậu núi cao.  - **Sông ngòi** Chảy theo 3 hướng chính  + Các sông đổ về duyên hải Nam Trung Bộ( Sông Ba, thu bồn . . .)  + Các sông đổ về Đông Nam Bộ( Sông Đồng Nai, La Ngà . . .)  + Các sông đổ về Đông Bắc Cam pu Chia => Mê Công ( Xê Xan, Xrê pôk)  ***=>địa hình cao nguyên xếp tầng=>tiềm năng về thủy điện***  - **Đấ**t đỏ ba dan chiếm 66% diện tích đất ba dan cả nước  - **Khoáng sản**: ít, tiêu biểu như bô xít  **- Sinh vật**: Rừng tự nhiên còn gần 3 triệu ha (chiếm 29% rừng tự nhiên cả nước)  =>phát triển cây công nghiệp, thủy điện....  -Khó khăn: thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô....   * + phát triển Nông lâm kết lợp   -**N¨ng lùc giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp, Năng lực tư duy tổng hợp lãnh thổ,** |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn HS mục III**

**Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HS thảo luận nhóm các câu hỏi sau:***  *? Dân cư Tây Nguyên có những đặc điểm nào nổi bật?*  *? Giải thích vì sao sự phân bố dân cư ở Tây Nguyên lại không đồng đều?*  *? So sánh mật độ dân cư của Tây Nguyên với các vùng đã học và cả nước?*  *? Vùng Tây Nguyên có những thành phần dân tộc nào?*  *? Căn cứ vào bảng 28.2/ 104SGK hãy nhận xét về tình hình dân cư xã hội ở Tây Nguyên?*  *? Vì sao Tây Nguyên là vùng giàu tiềm năng song lại là vùng vùng khó khăn của đất nước?(Kinh tế chưa phát triển)* | - Số dân 4,4 triệu người( 2002)  - Sự phân bố dân cư không đồng đều  + Tập trung đông đúc ở các các đô thị, ven các trục đường giao thông.  + Thưa vắng các vùng sau vùng xa, vùng rừng núi giao thông kó khăn.  -Mật độ dân cư khoảng 81 người/km2  - Thành phần dân tộc khá đa dạng  + Các dân tộc gốc Tây Nguyên  + Các dân tộc từ các nơi khác di cư tới  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao 2,1%  => Tây Nguyên vẫn là vùng khó khăn của đất nước  - Hiện nay điều kiện sống của người dân Tây Nguyên được cải thiện đáng kể nhờ những thành tựu của công cuộc đổi mới.  **Năng lực sử dụng khai thác kiến thức từ bảng số liệu, lược đồ...** |

**2.3.Hoạt động luyện tập củng cố**

Câu1: Trong xây dựng Kinh tế xã hội , Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì?

Câu 2: Nêu đặc điểm dân cư Tây Nguyên?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Cho biết phương hướng sử dụng đất bazan ở Tây Nguyên?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Hãy tìm các tư liệu về nguồn đất đỏ ba-dan ở Tây nguyên bằng cách vào google tìm theo chủ đề “ đất đỏ ban-dan ở Tây Nguyên”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 3 /12/ 2019

Ngày dạy: TUẦN: 17- TIẾT: 33

**BÀI:29**

**VÙNG TÂY NGUYÊN (Tiếp)**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Hiểu nhờ những công cuộc đổi mới mà Tây Nguyên phát triển khá toàn diện về kinh tế và xã hội. Cơ cấu công nghiệpphát triển theo hướng công nghiệp hoá . Nông, lâm nghiệp có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá. Tỉ trọng công nghiệpvà dịch vụ tăng dần.

- Nhật biết được vai trò trung tâm Kinh tế vùng của một số thành phố

2.Kĩ năng:HS rèn kĩ năng:

- Kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số vấn đế bức xúc của Tây Nguyên.

- Đọc biểu đồ, lược đồ để khai thác thông tin

3. Thái độ:

- Giáo dục HS ý thức học tập khoa học.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: Năng lực giải sử dụng khai thác kiến thức từ bản đồ, năng lực tư duy theo lãnh thổ, năng lực tính toán số liệu...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:-Bản đồ Kinh tế chung Việt Nam

- Lược đồ Kinh tế vùng Tây Nguyên.

\*HS: - Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ:

Câu1: Trong xây dựng kinh tế xã hội , Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn nào?

Câu 2: Nêu đặc điểm dân cư Tây Nguyên?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**trò chơi: thi ai trả lời nhanh hơn**

***GV cho HS dự đoán (trên cơ sở điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đã học) các thế mạnh kinh tế của Tây Nguyên***

***HS thi-Gv nhận xét và vào bài***

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS mục IV**  **Phương pháp dạy học trực quan**  **?**Qua bảng 29.1 SGK/106 hãy:  ? *Nhận xét về tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước ?* | **IV.TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **1. Nông nghiệp:**  -Phần lớn diện tích và sản lượng cà phê của cả nước đều tập trung ở Tây Nguyên**.** Sản lượng và diện tích không ngừng tăng trong 7 năm qua 1995-2002, nhờ đó mà nước ta trở thành một trong những nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới |
| **Kĩ thuật động não**  ? *Giải thích vì sao cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên?* | + Diện tích đất đỏ ba zan . . . .  + Khí hậu cao nguyên có hai mùa rõ rệt . . . .  + Do chính sách Kinh tế mở cửa của . . . . . |
| *? Vấn đề cần thiết đặt ra cho nghề trồng cây cà phê ở Tây Nguyên là gì?* | -Nâng cao chất lượng cây giống . . .- Tăng cường công nghệ chế biến . . .- Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến đầu tư thâm canh . . - Hạn chế phá rừng - Tìm đầu ra cho sản phẩm . . . |
| *? Ngoài trồng cây công nghiệpdài ngày ra vùng Tây Nguyên còn chú trọng trồng những loại cây nào nữa?* | + Cây lương thực( lúa, hoa màu) thực phẩm( rau ôn đới).  + Cây công nghiệpngắn ngày.  + Các loài hoa(Đà Lạt)  - Chăn nuôi: Gia súc lớn được đẩy mạnh. |
| Dựa vào bảng 29.1 SGK tr108  *? Tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp từ năm 1995-2002 ?*  *? Nhận xét về tình hình phát triển nông nghiệp ở Tây Nguyên?* | HS tính và thống nhất  =>Tổng giá trị nông nghiệp còn thấp. Tốc độ gia tăng của các tỉnh và cả vùng khá lớn. Sản lượng chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng. |
| *? Tại sao xản xuất nông nghiệp ở hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng có giá trị cao nhất trong vùng?* **Kĩ thuật động não** | + Thế mạnh về sản xuấtnông nghiệp của Đắk Lắk: Có đất đỏ ba zan . . . . .  + Thế mạnh về sản xuấtnông nghiệp của Lâm Đồng có khí hậu núi cao mát mẻ-> trồng các loại rau và hoa . . .=> cả hai T phát triển mạnh về du lịch . . . |
| ? *Với kiến thức đã học và thực tiền cho biết tình trạng rừng hiện nay ở ở Tây Nguyên như thế nào?* | - Lâm nghiệp phát triển mạnh độ che phủ rừng chiếm 54% (2003) đã và đang phấn đấu nâng lên 65% (2010) |
| ? *Rừng ở Tây Nguyên tầm quan trọng như thế nào? Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ rừng?* | - Cung cấp độ ẩm, nguồn nước . . . chống xói mòn rửa trôi, lũ quét . . .  - Điều hoà khí hậu, bảo tồn và du lịch sinh thái. .  - Cung cấp lâm sản . . .  - Trong chiến tranh rừng che bộ đội dân làng, rừng vây quân thù . . . |
| **Kĩ thuật động não***? Vì sao sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên lại bấp bênh?* | - Hạn hán kéo dài . . .  - Giá cả thị trường nông sản biến động . . . |
| Dựa vào bảng 29.2 /109  *? Nhận xét tình hình phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên?* | **2. Công nghiệp**  - Chiếm tỉ lệ thấp trong cơ cấu GDP .Nhưng đang chuyển biến tích cực nhờ:  + Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng.  + Mở rộng thị trường tiêu thụ |
| ? *Giải thích vì sao ngành công nghiệpchế biến nông lâm sản ở Tây Nguyên lại phát triển nhanh.?* | - Vùng trồng cây công nghiệpvà có diện tích rừng lớn  =>Công nghiệp chế biến nông lâm sản phát triển nhanh |
| *? Nêu ý nghĩa của việc phát triển thuỷ điện ở Tây Nguyên.*  *?Xác định trên H 29.2 vị trí của nhà máy thuỷ điện Y-a-Ly trên sông Xê Xan.?* | - Khai thác thuỷ năng cung cấp điển cho Sản xuấtvà sinh hoạt .. - Thúc đẩy việc bảo vệ và phát triển rừng . . .  - Giữ độ ẩm điều hoà khí hậu . . . .  =>Ngành thuỷ điện có khả năng phát triển mạnh |
| *? Sự phát triển của ngành nông nghiệp ở Tây Nguyên đã có ảnh hưởng gì tới ngành dịch vụ?* | **3. Dịch vụ**:  =>phát triển dịch vụ xuất khẩu...  + Xuất khẩu: Nông sản lớn thứ hai cả nước. |
| *(Nâng cao)? Tại sao nói Tây Nguyên có thế mạnh về du lịch?*  *? Em hãy kể một vài hoạt động du lịch ở Lâm Đồng Mà em biết?* | -Thành phố hoa Đà Lạt- Các lễ hội - Du lịch sinh thái (du lịch phát triển dựa trên lợi thế về khí hậu mát mẻ, cảnh quan đẹp...)  => như :Đà Lạt... |
| *? Cho biết phương hướng phát triển Kinh tế của Đảng và nhà nước ta trong việc đầu tư và phát triển ở Tây Nguyên như thế nào?* | - Phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng . . .  - Xây dựng nhà máy thỷ điện . . .  - Khai thác bô xít . . .  **Năng lực giải sử dụng khai thác kiến thức từ bản đồ, năng lực tư duy theo lãnh thổ, năng lực tính toán số liệu...** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS mục V**

**Phương pháp dạy học trực quan**

**Kĩ thuật đặt câu hỏi**

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ

|  |  |
| --- | --- |
| ? *Dựa vào H29.2 và 14.1*  *+ Xác định vị trí các thành phố Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà lạt ?*  *+Xác định chức năng của mỗi thành phố?* | - Các thành phố: Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà lạt  - Mỗi thành phố có chức năng riêng  + Đà Lạt: là trung tâm du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và đào tạo nơi nghỉ dưỡng  + Plây Ku :Phát Phát triển công nghiệpchế biến nông  lâm Sản, trung tâm thương mại và dịch vụ triển công  nghiệp chế biến nông lâm  Sản, trung tâm thương mại và dịch vụ  + Buôn Ma Thuột: Trung tâm công nghiệp, đào tạovà nghiên cứu khoa học cả vùng  **Năng lực giải sử dụng khai thác kiến thức từ bản đồ**  **Phẩm chất tự tin, tự lập, tự chủ** |

**2.3.Hoạt động luyện tập củng cố**

Câu 1: Tây nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển xản xuất nông lâm nghiệp.

Câu 2: Việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên có tầm quan trọng đặc biết như thế nào?

? Giải thích vì sao cây cà phê lại được trồng nhiều ở vùng đất Tây nguyên.

**2.4. Hoạt động vận dụng**

? Giải thích vì sao cây cà phê lại được trồng nhiều ở vùng đất Tây nguyên?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy tìm những tư liệu về tình hình phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên bằng cách vào google tìm theo cụm từ “tình hình phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 3 / 12/2019

Ngày dạy: TUẦN: 17- TIẾT:34 (bài 32)

ÔN TẬP HỌC KÌ I

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

- Khái quát hoá và hệ thống hoá lại các vấn đề về dân cư xã hội của Việt Nam, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư, xã hội của các vùng.

-Hiểu sâu hơn sự khác biệt giữa các vùng, đánh giá trình độ phát triển kinh tế các vùng và tầm quan trọng của các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế – xã hội.

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng ôn tập tổng hợp

3. Thái độ

- Giáo dục HS ý thức học tập tốt

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực

-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp...

- N¨ng lùc chuyªn biÖt: vẽ và nhận xét biểu đồ...

4.2 Phẩm chất**:**Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1GV: - Bản đồ tự nhiên và bản đồ Kinh tế Việt Nam

2.HS: đồ dùng học tập...

III.TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ: **xen kẽ trong quá trình ôn tập**

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

\* GV cho cả lớp chơi trò “thượng đế cần” để tạo không khí vui vẻ bắt đầu tiết ôn tập

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

**2.3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS ôn tập lí thuyết**  Phương pháp luyện tập thực hành  Kĩ thuật trình bày một phút, động não  Hình thức: học cá nhân, học nhóm  **Nhóm 1:**  **?** Nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư -xã hội và Tình hình phát tiển Kinh tế của  vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ?  **Nhóm 2:**  **?** Nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội và tình hình phát triển Kinh tế của Vùng Đồng Bằng sông Hồng?  **Nhóm 3:**  **?** Nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội và tình hình phát triển Kinh tế của Vùng Bắc Trung Bộ?  **Nhóm 4:**  **?** Nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội và tình hình phát triển kinh tế của Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?  **Nhóm 5:**  **?** Nêu đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội và tình hình phát triển Kinh tế của Vùng Tây Nguyên?    Các nhóm báo cáo kết quả bằng kĩ thuật trình bày một phút-GV nhận xét và chốt chuẩn  **-N¨ng lùc chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ,hîp t¸c; giao tiÕp...**  GV yêu cầu HS sơ đồ hóa những kiến thức đó để dễ nhớ | **1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  **a.Đặc điểm tự nhiên**  \* Địa hình- Núi cao ở tây Bắc, Đồi ở Đông bắc .Các cánh đồng giữa núi, duyên hải Quảng Ninh. Có các đảo và quần đảo  \* Khí hậu- Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, thời tiết thất thường  **\*** Sông ngòi khá nhiều, dài và dốc  \* Khoáng sản:-Phong phú, nhiều chủng loại, phân bố khá tập trung, song trữ lượng nhỏ  \* Rừng: Có diện tích lớn nhưng khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt  **\***Tài nguyên biển**:** Vùng có vùng vịnh Hạ Long -> phát triển kinh tế biển  **b.** **Đặc điểm đân cư xã hội**  - Số dân 11,5 triêụ nguời (năm 2002)  - Chủ yếu là dân tộcthiểu số, ngưòi kinh cư trú hầu hết các địa phương  - Dân cư sinh sống xen kẽ  - giữa tây Bắc và Đông Bắc có sự chênh lệch về chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội  **c. Tình hình phát tiển Kinh tế**  **\*Công nghiệp:**  - Công nghiệp năng lượng phát triển mạnh  + Thuỷ điện ( Hoà Bình, Thác Bà . . )+ Nhiệt điện ( Uông bí, . . )  - Công nghiệp nhẹ - Thủ công mĩ nghệ  **\* Nông nghiệp**  .Trồng trọt : Cây lương thực+Cây công nghiệp  +Cây ăn quả  .Chăn nuôi: Gia súc, gia cầm, thuỷ sản  **\* Dịch vụ**  - Vùng có mỗi giao lưu buôn bán với  +Vùng đồng bằng Sông Hồng lâu đời + Trung Quốc, Lào  - Hoạt động du lịch phát triển mạnh  + Du lịch biển+ Du lịch núi + Du lịch lịch sử, danh lam thắng cảnh . .  **2.Vùng Đồng Bằng sông Hồng**  **a.Đặc điểm tự nhiên**  - Đất:+Phù sa châu thổ+Fe-ra-lít + Lầy thụt + Chua mặn ở ven biển +Xám trên phù sa cổ  - Khí hậu +Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh  - Khoáng sản ít - Tài nguyên biển - Du lịch  **b.** **Đặc điểm đân cư xã hội**  Số dân 17,5 triêụ nguời (năm 2002)  - Mật độ trung bình cao 1179 người /km2  - Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.  - Vùng có một số đô thị hình thành lâu đời( Thăng Long)  c.Tình hình phát triển Kinh tế  **\*. Công nghiệp:**  - Hình thành vào loại sớm nhất Việt Nam phát trển mạnh trong thời kỳ đổi mới.  - Giá trị tăng mạnh từ 18,3 nghìn tỉ đồng(1995) lên 55,2 nghìn tỉ đồng (2002)  - Các ngành trọng điểm  + Chế biến lương thực thực phẩm  + Sản xuấthàng tiêu dùng  + Vật liệu xây dựng + Cơ khí  - Sản phẩm: Máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng . . .  **\* Nông nghiệp**  - Cả diện tích và tổng sản lượng đứng sau Đồng bằng Sông CửuLong  - Năng suất lúa dẫn đầu cả nước 56,4tạ/ha  - trình độ thâm canh cao  - Phát triển các loại cây ưa lạnh thành vụ sản xuấtchính.  - Ngành chăn nuôi được chú ý phát triển( Lợn, bò sữa, gia cầm, thuỷ sản)  **\* Dịch vụ**  - Giao thông vận tải rất sôi động. Hà Nội, Hải phòng vừa là hai đầu mỗi giao thông, du lịch vừa là trung tâm giao dịch, tài chính  - Ngành du lịch phát triển mạnh  **3. Vùng Bắc Trung Bộ**  **a.Đặc điểm tự nhiên**  - Địa hình: Từ tây sang đông + Dải núi Trường Sơn Bắc ở phía Tây -> gò đồi -> đồng bàng duyên hải -> hải đảo.  - Khí hậu: Phức tạp, thiên tai thường xảy ra như Bão, lụt, lũ quét, hạn hán, cát lẫn, cát bay , gió Lào . . .  **b.** **Đặc điểm đân cư xã hội**  - Số dân 10,3 triêụ nguời (năm 2002) - Thành phần 25 dân tộcsinh sống  - Phân bố không đều - Mật độ 195 người/km2  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên 1,5% cao hơn cả nước.  - đời sống cư dân còn nhiều khó khăn  - Người dân có truyền thống hiếu học, lao động cần cù chịu khó, giàu nghị lực . .  **C.Tình hình phát triển Kinh tế.**  **\*. Nông nghiệp:** - gặp nhiều khó khăn năng suất lúa, bình quân lương thực đầu người thấp 333,7kg/người(2002)  + Trồng trọt: đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất trên đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.  + Chăn nuôi gia súc, thuỷ hải sản  + Phát triển nông lâm kết hợp  **\*. Công nghiệp:** - Đang ở thời kỳ xây dựng cơ bản  + Khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng quan trong hàng đầu  + Chế biến ( gỗ, lương thực thực phẩm, cơ khí, dệt may . ) vừa và nhỏ nằm rải rác  **\*. Dịch vụ**: - Giao thông phát triển  Là chiếc cầu nối + Các tỉnh phía nam với các tỉnh phía bắc Trung Lào - Thái Lan -Trung Lào- Biển Đông và ngược lại.  **4. Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ**  **a. Đặc điểm tự nhiên**  - Dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển  - Phía Tây có các núi, gò, đồi.  - Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh. các bãi cát, cồn cát, đụn cát trải dọc bờ biển cực nam  - Khoáng sản rất ít chủ yếu là cát thuỷ tinh, titan và vàng  -Rừng còn lại rất ít  **b.** **Đặc điểm dân cư xã hội**  - Số dân 8,4 triệu người  - Sự phân bố dân cư và hoạt động kinh tế không đồng đều  - Vùng có nhiều di tích văn hoá-lịch sử  **c. Tình hình phát triển kinh tế.**  **\* Nông nghiệp:**  - Chăn nuôi bò, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản lại là thế mạnh của vùng.  - Sản lượng lương thực bình quân dầu người thấp 281,5kg/người  Sản lượng thuỷ sản cao chiếm 27,4% giá trị thuỷ sản cả cước.  Nghề làm muối, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ bải sản khá phát triển như Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Phan Thiết . . .  **\*Công nghiệp:**  - Chiếm tỉ lệ nhỏ chỉ đạt 14,7 nghìn tỉ đồng, như có tốc độ tăng trưởng khá cao  -Cơ cấu bước đầu dược hình thành và khá đa dạng  + Công nghiệpcơ khí + Công nghiệpchế biến thực phẩm.  + Công nghiệp sản xuấthàng tiêu dùng.+Công nghiệpkhai thác khoáng sản  **\* Dịch vụ**:  - Giao thông vận tải - Du lịch là thế mạnh của vùng  **5. Vùng Tây Nguyên**  **a.Đặc điểm tự nhiên**  - Địa hình chủ yếu là cao nguyên xếp tầng với các độ cao khác nhau.  - Sông ngòi Chảy theo 3 hướng chính  - Đất đỏ ba dan chiếm 66% diện tích đất ba dan cả nước  - khí hậu: Nhiệt đới cận xích đạo có sự ảnh hưởng của kiểu khí hậu núi cao. - Sinh vật: Rừng tự nhiên còn gần 3 triệu ha  - Khoáng sản: ít như bô xít  **b.** **Đặc điểm đân cư xã hội**  - Số dân 4,4 triệu người( 2002) - Sự phân bố dân cư không đồng đều  + Tập trung đông đúc ở các các đô thị, ven các trục đường giao thông.  + Thưa vắng các vùng sau vùng xa, vùng rừng núi giao thông kó khăn.  -Mật độ dân cư khoảng 81 người/km2  - Thành phần dân tộckhá đa dạng  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao 2,1%  **c: Tình hình phát triển Kinh tế.**  **\* Nông nghiệp:**  - Trồng trọt:  - Chăn nuôi: Gia súc lớn được đẩy mạnh.  => Tổng giá trị nông nghiệp còn thấp. Tốc độ gia tăng của các tỉnh và cả vùng khá lớn. Sản lượng chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Đắc Lắc và Lâm Đồng.  - Lâm nghiệp phát triển mạnh  **\* Công nghiệp:**  - Chiếm tỉ lệ thấp trong cơ cấu GDP Nhưng đang chuyển biến tích cực  - Còn nhiều hạn chế nhưng tốc độ tăng trưởng rất cao.  - Các ngành  + Công nghiệpchế biến nông lâm sản phát triến nhanh.  + Ngành thuỷ điện có khả năng phát triển.  **\* Dịch vụ**:  - Có bước tiến đáng kể nhờ đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm sản và du lịch |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS thực hành**  Phương pháp luyện tập thực hành  Kĩ thuật động não  Hình thức: học cá nhân  GV yêu cầu HS vẽ lại các loại biểu đồ đó bằng cách dùng chính số liệu trong sgk ở các bài của kì I như bài 3, bài 16, bài 26 địa lí 9  HS hướng dẫn HS cách làm bài thi trắc nghiệm | **Câu 4/ BÀI TẬP:**  Vẽ biểu đồ (ôn lại các bước vẽ các loại biểu đồ đã học)  **-**Hình cột:( Đơn, nhóm, chồng)**->** Hình tròn-> Miền  -> Đường.  **=>** bằng cách HS ghi lại kiến thức chính nhất của mỗi bài và nắm chắc nó thì sẽ làm được tất cả các câu trắc nghiệm  **Năng lực vẽ và nhận xét biểu đồ địa lí**  **Phẩm chất** Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?** Qua tiết ôn tập, em rút được kinh nghiệm gì trong ôn tập để chuẩn bị cho bài học kì được tốt

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

\* HS ôn tập theo hướng dẫn

-Em hãy tìm hiểu những thông tin thời sự về sự phát triển hiện tại của 5 vùng kinh tế đã học của nước ta?

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn : /1 /20 TUẦN:18

Ngày dạy: /1 /20 TIẾT:35

**KIỂM TRA KỌC KỲ I**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhằm đánh giá lại quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học kiến thức địa lí ở học kì I, để từ đó tìm ra các biện pháp phù hợp với đặc thù bộ môn và đối tượng HS

**2. Kĩ năng**

- HS Rèn luyện kỹ năng phân tích lược đồ, vẽ biểu đồ, tính toán số liệu, nhận xét và giải thích các số liệu địa lí .

**3. Thái độ:**giáo dục HS ý thức học tập nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra.

**4, Năng lực - Phẩm chất**:

***4.1, Năng lực***:

- *Năng lực chung*: tự học, tự quản lí; giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo; năng lực hợp tác, giao tiếp;...

- *Năng lực chuyên biệt*: năng lực tính toán số liệu, phát triển ngôn ngữ, năng lực vẽ nhận xét biểu đồ....

***4.2, Phẩm chất***: Tự lập, tự tin, tự chủ; có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng; trung thực....

**II. CHUẨN BỊ**

**1, GIÁO VIÊN**

**1.1: Xác định hình thức của đề:**

- §Ò bµi cho phï hîp víi ®èi t­îng häc sinh ®¹i trµ vµ cã phÇn n©ng cao cho häc sinh kh¸ giái. Cã phÇn liªn hÖ víi thùc tÕ ®êi sèng, liªn hÖ b¶n th©n…

- C©u hái cÇn theo tr×nh tù: NhËn biÕt, th«ng hiÓu, vËn dông, gióp häc sinh võa vËn dông kiÕn thøc c¬ b¶n võa ph¸t huy kh¶ n¨ng s¸ng t¹o cña m×nh.

- Hình thức bài kiểm tra: 50% trắc nghiệm; 50% tự luận

**1.2: Thiết kế bảng mô tả chung và trọng số và ma trận đề:**











Ngày soạn :

Ngày dạy : TUẦN: 19 - TIẾT:36

**THỰC HÀNH**

**SO SÁNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM**

**Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Phân tích và so sánh được tình hình sản xuất cây công nghiệplâu năm ở Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ với Tây Nguyên về đặc điểm những thuận lợi và khó khăn, các giải pháp phát triển bền vững.

2.Kĩ năng : rèn kĩ năng sử dụng bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê.

- Viết và trình bày một văn bản về địa lí.

3. Thái độ :Giáo dục HS ý thức khai thác tài nguyên một cách hợp lí để phát triển kinh tế.

4,Năng lực, phẩm chất:

4.1 Năng lực

-Năng lực chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, hợp tác...

-Năng lực riêng: nhận xét số liệu, viết báo cáo...

-Phẩm chất: Tự lập, có tinh thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1\*GV:. ...- Bản đồ địa lí tự nhiên và bản đồ Kinh tế Việt Nam

2\*HS: đồ dùng học tập.

- Dụng cụ học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành....

- Kĩ thuật : động não, đặt câu hỏi...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong bài

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : thi đội nào nhanh hơn**

-GV treo bản đồ 2 vùng : Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ

? Chỉ ra những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp của 2 vùng ?

HS thi-Gv chốt và vào bài thực hành

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS bài 1**  **Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề**  \*HS đọc bảng 30.1  \***Thảo luận nhóm**  Nhóm 1:?Cây Công nghiệp lâu năm nào trồng ở cả 2 vùng?  Nhóm 2:?Cây Công nghiệp lâu năm nào chỉ được trồng ở Tây Nguyên, không được trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?Vì sao?  Nhóm 3:?Cây Công nghiệplâu năm nào chỉ được trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ,không được trồng ở Tây Nguyên?Vì sao?  **HS các nhóm báo cáo-tranh luận và thống nhất ý kiến giữa các nhóm** | **Bài tập 1:**  1- là chè và cà phê  2-Là cây cao su, điều, hồ tiêu->vì: về sinh thái 3 loại cây trên thích hợp với nhiệt độ 25-300C , cần nhiều ánh sáng, phát triển tốt trên đất badan=>Tây Nguyên là vùng có các yếu tố đất và khí hậu và địa hình cao nguyên, rất thích hợp với 3 loại cây Công nghiệptrên, cho phép phát triển trên quy mô lớn do mặt bằng tương đối rộng  -Quế , Hồi,Sơn là các loại cây công nghiệp thích hợp với khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi cao, nhiệt độ dưới 200C |
| **\*Hoạt động nhóm**  ?So sánh sự chênh lệch về diện tích, sản lượng các cây chè, cà phê ở 2 vùng?  **Kĩ thuật động não**  **?**Vì sao có sự khác biệt đó? | -Về diện tích:+cà phê: Tây Nguyên lớn hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ +chè: Trung du và miền núi Bắc Bộ lớn hơn Tây Nguyên  -Về sản lượng:+cà phê: Tây Nguyên lớn hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ +chè: Trung du và miền núi Bắc Bộ lớn hơn Tây Nguyên  \*Vì:+cà phê không chịu sương muôi, cần lượng mưa 1500-2000mm, độ ẩm không khí 78-80%, không chịu được gió mạnh. Đặcbiệt thích hợp với đất đỏ badan, có tầng canh tác dày trên 70cm, tơi xốp, thoát nước-> Tây Nguyên có đủ các điều kiện trên, có khả năng phát triển cây cà phê theo vùng chuyên canh lớn=>nổi tiếng với cà phê Buôn Ma Thuột;Việt Nam (2003) đứng thứ 2 thế giới về sản xuấtvà xuất khẩu cà phê sau Bra-xin  +Chè:thích hợp với nhiệt độ ôn hoà(15-200 C) chịu được lạnh nhỏ hơn 100C, mưa 1500-2000mm. Độ cao thích hợp 500-1000m.Khoảng 90% diện tích chè Việt Nam phân bố từ Nghệ An trở ra:chè phát triển tốt, cho phẩm chất cao ở các tỉnh phía Bắc vĩ tuyến 180, nổi tiếng là chè Tân Cương(Thái Nguyên), chè Suối Giàng(Yên Bái), chè San(Hà Giang)-> Được công nhận thương hiệu chè Việt, xuất khẩu sang nhiều nước EU, Tây á, Nhật Bản, Hàn Quốc…  **-Năng lực chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, nhận xét số liệu, hợp tác** |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS bài 2** | **Bài tập 2:** |
| **Phương pháp luyện tập thực hành**  \*Viết báo cáo ngắn gọn về cây chè hoặc cây cà phê với các nội dung:giới thiệu khái quát về đặc điểm sinh thái, tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm ?(thời gian khoảng 10-15 phút)  \*GV:kết luận:- Tây Nguyên & Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng và sự đa dạng sinh học | -Cả 2 vùng đều có điều phát triển cây Công nghiệplâu năm có giá trị Kinh tế cao. Điều đó chứng minh rằng: sự thống nhất trong đa dạng thiên nhiên của đất nước và tiềm năng phát triển kinh tế hai vùng rất lớn  **Năng lực viết báo cáo**  **Phẩm chất: tự tin, có tinh thần vượt khó** |

- Nhận xét đánh giá tiết thực hành

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Vận dụng kiến thức thử viết báo cáo chi tiết về sự phát triển cảu sản xuất cà phê của Việt Nam hiện nay?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Em hãy tìm các tư liệu về sự phát triển của sản xuất cà phê của Việt Nam hiện nay bằng cách vào google để đánh chữ “sự phát triển của sản xuất cà phê của Việt Nam hiện nay”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:3/1/2019 Ngày dạy :

TUẦN: 20 -TIẾT: 37

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

***I.MỤC TI*** ***ÊU* : Giúp HS**

1.Kiến thức:

- Hiểu được Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế rất năng động. Đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên trên đất liền, trên biển, cũng như những đặc điểm dân cư và xã hội.

2.Kĩ năng : HS rèn kĩ năng

- Khai thác được bảng số liệu, lược đồ để khai thác kiến thức

- Kết hợp kênh chữ và kênh hình để giải thích: một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội của vùng; trình độ đô thị hoá và một số chỉ tiêu phát triển kinh tế -xã hội cao nhất trong cả nước.

3.Thái độ – Giáo dục HS có ý thức học tập tốt

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy,giao tiếp, hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: giáo dục HS ý thức tự lập, tự tin, tự chủ

5.Giáo dục bảo vệ môi trường: mục II

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: -Lược đồ tự nhiên, tranh ảnh về tự nhiên của Đông Nam Bộ

2. HS: - đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học trực quan....

-Kĩ thuật:Thảo luận nhóm, .kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra sách vở của HS

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi: ai nhanh hơn**

?Em hãy kể tên 7 vùng lãnh thổ của nước ta? Em đã được tìm hiểu về những vùng nào trong học kì I?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục I**  **Phương pháp dạy học trực quan**  GV yêu cầu HS quan sát h.31.1,Xác định ranh giới vùng Đông Nam Bộ?(Đông, Bắc , Tây,Nam của Đông Nam Bộ tiếp giáp với các vùng nào?)  ?Với vị trí đó có ý nghĩa gì?(nằm ở vĩ độ thấp, ít bão và gió phơn; vị trí chuyển tiếp giữa vùng kinh tế giàu tiềm năng lớn về nông nghiệp lớn nhất nước ta.Giữa các vùng có tài nguyên rừng giàu có, trữ lượng khoáng sản, thuỷ năng phong phú, biển Đông-tiềm năng kinh tế biển lớn; trung tâm khu vực Đông Nam Á)  **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**  **Phương pháp hoạt động dự án, dạy học trực quan**  \*HS báo cáo kết quả công việc được giao  ?Quan sát bảng 31.1 và hình 31.1, hãy nêu đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế trên đất liền của Đông Nam Bộ  (SGK đã nêu rất rõ)  (Nâng cao)  ?Vì sao Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển?  ?Quan sát h31.1 hãy xác định các sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, Sông Bé?  ->HS trình bày kết quả-thảo luận nhóm-GV chốt  **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục III**  **Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**  **\*Cả lớp**  ? Nêu đặc điểm dân cư của vùng này?  ?Nhận xét về tình hình đô thị hoá của vùng và những tác động của tốc độ đô thị hoá và phát triển công nghiệp tới môi trường?  ?Quan sát bảng 31.2, hãy nhận xét tình hình dân cư, xã hội ở vùng so với cả nước?  ?Các chỉ tiêu cao hơn cả nước có ý nghĩa gì?  ?Các chỉ tiêu thấp hơn cả nước có ý nghĩa gì? | **I.Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**  -Là cầu nối giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng Sông Cửu Long, giữa đất liền với biển Đông giàu tiềm năng.  => Là đầu giao lưu kinh tế-xã hội của các tỉnh phía Nam với cả nước và quốc tế qua mạng với các loại hình giao thông  **II.Điều kiện tự nhiên và Tài nguyên thiên nhiên**  -Vùng đất liền: địa hình thoải, tiềm năng lớn về đất; có 2 loại chủ yếu là đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo...  ->rất thích hợp với cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao  => rừng còn ít, bảo vệ nguồn thuỷ sinh)  -Vùng biển, thềm lục địa có nguồn dầu khí lớn đang được khai thác ; nguồn thuỷ sản phong phú; giao thông vận tải biển và du lịch biển phát triển  **Năng lực sử dụng bản đồ địa lí, hợp tác, giao tiếp**  **III.Đặc điểm dân cư-xã hội**  -Dân cư đông, lao động dồi dào, lành nghề và năng động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường  => tốc độ đô thị hóa nhanh 55,5% tỉ lệ dân thành thị, công nghiệp phát triển nhanh->nguy cơ ô nhiễm môi trường nặng nề-Ô nhiễm môi trường do khai thác và vận chuyển dầu)  =>mật độ dân số cao, thu nhập cao......  =>tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thu hút mạnh lao động, chất lượng cuộc sống được cải thiện, nâng cao..)  => giải quyết tốt việc làm của người lao động.Nền kinh tế phát triển, năng lực sản xuất của vùng nâng cao..)  **Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy,giao tiếp...** |

***2.3.Hoạt động luyện tập***

GV hướng dẫn HS trả lời các bài tập cuối bài trong SGK

***2.4. Hoạt động vận dụng***

GV yêu cầu HS dùng kiến thức trong bài học lí giải câu hỏi sau:

?Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

***2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng***

-HS tìm các từ liệu về vùng Đông Nam Bộ bằng cách vào google và tra từ khóa “vùng Đông Nam Bộ”

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 13/1/2019 Ngày dạy :

TUẦN: 21-TIẾT: 38

BÀI:32

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học cần giúp cho HS hiểu:

1.Kiến thức:

- Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất so với các vùng khác trong cả nước. Công nghiệpvà dịch vụ chiếm tỉ lệ cao trong GDP. Sản xuất nông nghiệp tuy chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai tròquan trọng. Bên cạnh những thuận lợi các ngành này cũng có những khó khăn, hạn chế nhất định.

- Một số khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp tiên tiến như khu công nghệ cao, khu chế xuất

2.Kĩ năng:HS rèn kĩ năng

-Phân tích so sánh các số liệu dữ liệu

- Kết hợp tốt kênh hình và kênh chữ để phân tích nhận xét một số vấn đề

3. Thái độ: -Giáo dục HS ý thức khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên gắn liền với bảo vệ môi trường

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp....

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán số liệu; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

5.Giáo dục bảo vệ môi trường:

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.- Lược đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học bằng trò chơi, phương pháp dạy học trực quan...

-Kĩ thuật:động não, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ :

Gv kiểm tra việc chuẩn bị bài của HS

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi**

-GV treo bản đồ vùng Đông Nam Bộ, yêu cầu HS trong 3 phút thi xem ai giới thiệu hay nhất về Đông Nam Bộ?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dug cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV**  **Phương pháp dạy học trực quan**  **Hoạt động cá nhân-hỏi đáp**  IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂNKINH TẾ. | |
| *? Nêu và giải thích đặc điểm của ngành công nghiệp vùng trước và sau ngày miền nam hoàn toàn giải phóng cho đến nay?* | 1. Công nghiệp:  - Trước 30/4/1975 phụ thuộc vào nước ngoài  + Sản suất hàng tiêu dùng  + Chế biến lương thực thực thựcphẩm |
| *? Qua bảng 32.1 /trang32.1 hãy nhận xét tỉ trọng công nghiệp-xây dựng trong cơ cấu kinh tếcủa vùng và cả nước ?* | - Ngày nay, công nghiệp- xây dựng tăng trưởng nhanh, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP, cơ cấu sản xuất cân đối  + Công nghiệp nặng, công nghiệpnhẹ  + Chế biến lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng  + Một số ngành công nghiệp hiện đại, cơ khí điện tử công nghệ cao . .  \* Công nghiệp- xây dựng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tếcủa vùng và cả nước. |
| *? Dựa vào H 32.1 kể tên các ngành công nghiệp và các trung tâm công nghiệp?* | - Các trung tâm  + Thành phố Hồ Chí Minh  + Thành phố Biên Hoà, Bà rịa -Vũng Tàu |
| *? Giải thích vì sao sản xuất công nghiệp lại tập trungchủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh?* | + Vị trí địa lí . . . . . . .+ Lực lượng lao động dồi dào, đặc biệt là lao động có kỹ thuật cao, lành nghề  + Cơ sở hạ tầng tốt, thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài. + Chính sách phát triểnkinh tế. . . |
| *? Phân tích những khó khăn cản trở sự phát triển kinh tế của vùng?* | -Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất  -Chất lượng môi trường ngày một suy giảm .  - Công nghệ chậm đổi mới  **Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, giao tiếp** |
|  | 2. Nông nghiệp: |
| *? Dựa vào bảng 32.2 / trang119 nhận xét tình hình phân bố cây công nghiệplâu năm ở Đông Nam Bộ?*  - Phân bố rộng rãi, đa dạng, chiếm diện tích khá lớn so với cả nước | =>Là vùng trọng điểm sản xuất cây công nghiệp xuất khẩu của cả nước  + Cây công nghiệp lâu năm cao su, cà phê, hồ tiêu, điều..  + Cây công nghiệp hàng năm lạc, đậu tương, thuốc lá, thuốc lá . . . |
| *? Nguyên nhân nào thúc đẩy vùng trồng cây công nghiệp xuất khẩu lớn nhất cả nước?* | + Đất xám phù sa cổ phủ một lớp ba giam . . .  + Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm  + Người dân có tay nghề và kinh nghiệm cao từ thời pháp thuộc cho đến nay . . .  + Cơ sở chế biến gần và thị trường tiêu thụ rộng lớn. . |
| *? Giải thích vì sao cây cao su lại tập trung chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ?(kĩ thuật động não)* | Sau khi bị chiếm làm thuộc địa, Thực dân Pháp lập đồn điền trồng cao su tại vùng, vùng có đất xám và đất đỏ, khí hậu nóng ẩn mưa nhiều, ít gió bão . . . thích hợp |
| *? Ngoài ra vùng còn trồng những loại cây nào nữa?* | + Cây ăn quả xoái, mít, chôm chôm |
| *? Như vậy về cây trồng Đông Nam Bộ có hai thế mạnh đó là cây công nghiệp và cây ăn quả, theo em thì vấn đề nào cần thực hiện ngay đối với các loại cây trồng này?* | - Hai loại cây trồng này đã được trồng từ lâu đời nên năng suất và chất lượng sản phẩm còn thấp. Vấn đề đối mới công nghệ và giống cây trồng đang trở thành nhiệm vụ quan trọng của vùng, bên cạnh đó thuỷ lợi cũng không kém phần quan trọng |
| *? quan sát H 32.2 trang 118 xác định vị trí hồ Đầu Tiếng, hồ thuỷ điện Trị An? Nêu vai tròcủa hai hồ chứa nước này đối với sự phát triển nông nghiệp của vùng?* | *-Hồ dầu Tiếng:*Là công trình thuỷ lợi lớn nhất, chiếm 270km2 chúa 1,5 tỉ m3 nước . Cung cấp nước tưới cho tỉnh Tây Ninh, huyện Củ Chi, cung cấp thuỷ sản, điều hoà khí hâu . . .  -Hồ Trị An : Điều tiết nước cho nhà máy thuỷ điện Trị An, cung cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp và đô thị Đồng Nai . . . |
| *?Sự phát triển của ngành chăn nuôi?* | -Chăn nuôi:  + Nuôi trồng thuỷ hải sản.  + Nuôi gia súc gia cầm |
| *?Theo em thì sự khai thác dầu khí ở Biển Đông và nghề đánh bắt nuôi trồng thuỷ hải sản có quan hệ với nhau như thế nào?*  ***GV giáo dục tích hợp bảo vệ môi trường, bảo vệ chủ quyền trên biển cho HS*** | Khai thác dầu khí phải giữ an toàn tuyệt đối về việc làm ô nhiễm môi trường nước biển nếu không sẽ gây tác hai nghiêm trọng cho ngành thuỷ sản . . .  =>Sự cần thiết phải đẩy mạnh thâm canh, nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường  **Năng lực tính toán số liệu; sử dụng bản đồ, tư duy** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

**GV yêu cầu HS làm vào vở**

?Tình hình sản xuấtcông nghịêp ở Đông Nam Bộ thay đổi như thế nào từ khi đất nước thống nhất đến nay?

? Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của nước ta?

**2.4. Hoạt động vận dụng**  Làm bài tập số 3 SÁCH GIÁO KHOA

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

HS tìm các tư liệu về sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ bằng cách vào google và tra cứu cụm tự “sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn:20 /1/2019 Ngày dạy :

TUẦN: 22 -TIẾT:38

BÀI:33

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần

1.Kiến thức:

- Hiểu dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển mạnh và đa dạng. Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và kinh tế-xã hội, góp phần thúc đẩy sản xuất và giải quyết việc làm

- Biết thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố Biên Hoà, Vùng Tàu cũng như vùng kinh tế trọng điểm phía nam có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ.

2.Kĩ năng: - Khai thác thông tin trong bảng và lược đồ

3. Thái độ: - Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên gắn liền với bào vệ môi trường

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, phát triển ngôn ngữ....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu đất nước, tự chủ....

5.Giáo dục bảo vệ môi trường:

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.- Lược đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: dạy học bằng trò chơi, phương pháp dạy học trực quan, ...

-Kĩ thuật: động não, đặt câu hỏi..

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : Kết hợp trong phần khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : thi Ai nhanh hơn**

Câu 1:Tình hình sản xuất công nghịêp ở Đông Nam Bộ thay đổi như thế nào từ khi đất nước thống nhất đến nay?

Câu 2: Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của nước ta?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV**  **Phương pháp dạy học trực quan**  Kĩ thuật: hoạt động cá nhân-hỏi đáp | IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ. (tiếp)  3. Dịch vụ: |
| ? *Em hãy cho biết tầm quan trọng của ngành dịch vụ nói chung và của Đông Nam Bộ nói riêng?* | -Là những ngành phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của con người và nhu cầu hoạt động của các ngành khác . .  =>Rất quan trọng bao gồm các hoạt động thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông . . . |
| ? *Dựa vào bảng 33.1 trang 121 hãy nhận xét về tỉ trọng một số chỉ tiêu dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước?* | Từ năm 1995-2000 phần lớn các chỉ tiêu vượt quá khoảng 1/3 so với cả nước (ngoại trừ hàng hoá vận chuyển) gần bằng hoặc cao hơn năm trước.  -Từ 2000-2002 các chỉ tiêu hạ xuống  => - Tỉ trọng các loại dịch vụ có sự biến động |
| ? *Nhờ vào những lợi thế nào mà hoạt động dịch vụ của vùng phát triển nhất so với cả nước?* | + Vị trí địa lí thuận lợi . . . . .  + Giá trị sản xuấtcông nghiệp của vùng chiếm trên 50% giá trị công nghiệp cả nước.  +Có thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước |
| ? *Dựa vào H14.1 /trang 52 cho biết từ thành phố Hồ Chí Minh có thể đi đến các thành phố khác trong nước bằng những loại hình giao thông nào?* | - Ô tô, đường sắt, đường thuỷ, hàng không…..  =>- Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mỗi giao thông quan trọng hàng đầu của vùng và cả nước |
| ? *Quan sát biểu đồ 33.1/trang 122 và kiến thức đã học*  *+ Nhận xét về tổng số vốn đầu tư trựctiếp của nước ngoài vào Đông Nam Bộ?*  *+ Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh sự đầu tư của nước ngoài?*  ***kĩ thuật động não*** | =>Có vị trí địa lí kinh tế thuận lợi . . .  - Vùng rất nhạy bén năng động trong cơ chế Kinh tế thị trường, có trình độ cao về phát triển kinh tế  - Số dân đông lao động có kỹ thuật tay nghề cao  -Có tiềm năng Kinh tế lớn hơn các vùng khác . .  => Đông Nam Bộ là địa bàn có sức hút mạnh sự đầu tư của nước ngoài. |
| ? *Nêu những thuận lợi của về hoạt động xuất khẩu của của thành phố Hồ Chí Minh?* | + Vị trí địa lí thuận lợi(cảng Sài Gòn)+ Công nghiệp dịch vụ phát triển+ Nguồn hàng xuất khẩu lớn , nhiều bạn hàng truyền thống + Cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện. ..+Có nhiều ngành Kinh tế phát triển  +Thu hút nhiều đầu tư nước ngoài |
| ? *Vùng xuất, nhập khẩu những mặt hàng nào?* | => Vùng luôn dần đầu hoạt động xuất-nhập khẩu  + Xuất khẩu: Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ . . .  + Nhập khẩu: máy móc thiết bị, nguyên liệu, hành tiêu dùng cao cấp |
| *? Đông Nam Bộ có những điều kiện thận lợi nào để phát triển ngành du lịch?* | =>Có nhiều di tích văn hoá, lịch sử, danh lam thắng cảnh, sinh thái, núi biển*+*Có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện và vị trí trung tâm)  =>Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất của cả nước |
| ?*Tại sao từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Đà Lạt, Nha Trang, vũng Tàu, Miền Tây quanh năm hoạt động nhộn nhịp?*  (**Kĩ năng động não )** | + Là trung tâm du lịch của các tỉnh phía nam như*:* Tắm biển vùng nhiệt đới ( vũng tàu, nha trang . .) Du lịch sinh thái( biển, núi, vườn . . .). Du lịch nghỉ mát khí hậu ôn đới Đà Lạt  + Có số dân đông, có thu nhập cao . . . . . .  + Cơ sở hạ tầng du lịch rất phát triển. . . .  **Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, phát triển ngôn ngữ, Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ...** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu mục V**

**Phương pháp trực quan**

V,CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ

VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

|  |  |
| --- | --- |
| GV: Treo Bản đồ Kinh tế Việt Nam  *?Xác định các trung tâm kinh tế của vùng?*  ? *Xác định các tỉnh thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam?*  ? *Dựa vào bảng 33.2 trang123 nhận xét về vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đối với cả nước?* | - Ba trung tâm kinh tế của vùng  +Thành phố Hồ Chí Minh  + Thành phố Biên Hoà  +Bà Rịa-Vũng Tàu  -Vùng kinh tế trọng điểm phía nam  + Bao gồm:Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An  + Vai trò: Thúc đẩy hinh tế của vùng phát triển mạnh đồng thời cuốn hút các tỉnh phía nam và cả nước  **Năng lực sử dụng bản đồ ....** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

GV yêu cầu HS vẽ biểu đồ thể hiện số liệu bảng 33.2 /123?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

GV yêu cầu HS dùng các kiến thức đã học để giải thích:

?Đông Nam Bộ có những điều kiện thận lợi nào để phát triển ngành dịch vụ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm hiểu về các loại hình giao thông của vùng Đông Nam Bộ

Các điểm du lịch nổi tiếng của vùng Đông Nam Bộ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 25 / 1 /2019 Ngày dạy : /2/2019

TUẦN:23 -TIẾT: 39

BÀI:34

THỰC HÀNH:PHÂN TÍCH MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

TRỌNG ĐIỂM Ở ĐÔNG NAM BỘ

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức - Củng cố những kiến thức đã học về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng làm phong phú hơn khái niệm về vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

- Hoàn thiện phương pháp kết hợp kênh hình kênh chữ và liên hệ với thực tiễn

2.Kĩ năng:

- Xử lí phân tích số liệu thống kế về một số ngành công nghiệp trọng điểm.

- Lựa chọn loại biểu đồ thích hợp, tổng hợp kiến thức theo câu hỏi hướng dẫn

- Vẽ biểu đồ

3. Thái độ: có ý thức học tập khoa học chính xác

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy....

- Năng lực chuyên biệt: vẽ và nhận xét biểu đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu đất nước, tự tin trong cuộc sống...

5.Giáo dục bảo vệ môi trường:

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. \*GV:- Bản đồ địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế Việt Nam

- Hai biểu đồ hình cột ( Đứng và thanh ngang)

2\*HS:- Đồ dùng học tập (Thước kẻ, máy tính, bút màu, bút chì . . . . . . )

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành...

-Kĩ thuật:Thảo luận nhóm, động não..

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : không

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : thi ai nhanh hơn**

? Đông Nam Bộ có những điều kiện thận lợi nào để phát triển ngành công nghiệp?

? Phân tích những điều kiện thận lợi của vùng Đông Nam Bộ để phát triển ngành trồng cây công nghiệp?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| Khởi động: GV nói rõ yêu cầu nội dung của bài thực hành . . . . .  - Đọc và phân tích bảng số liệu  - Chọn biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước  - Vẽ biểu đồ | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài 1**  **Phương pháp luyện tập thực hành**  Bài tập 1:  \* Yêu cầu HS đọc tên bảng, Đọc các số liệu cho biết ngành nào có tỉ trọng lớn. Ngành nào có tỉ trọng nhỏ?  Dầu thô 100%, Xi măng 17,6%  ? Theo các em với những số liệu như trên chúng ta vẽ được những loại biểu đồ nào?(Hình tròn, hình cột đơn đứng, thanh ngang)  ? Trong các loại biểu đồ trên thì biểu đồ nào thì thích hợp nhất. Vì sao?  Hình cột đơn đứng vì nó thể hiện được tỉ trọng 7 sản phẩm tiêu biểu của các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước.  Tiến hành vẽ- Gọi 1-2 HS khá lên bảng vẽ  - Các cá nhân học sinh khá vẽ vào vở.  Các bước:  - Vẽ hệ trục toạ độ có tâm O  + Trục tung(đứng) chia thành 10 đoạn  (mỗi đoạn tương ứng với 10% ) đầu mút ghi %  + Trục hoành( ngang)chia đều 8 đoạn. Đánh dấu điểm cuối đoạn 1 làm đáy để vẽ cột năng lượng, tương tự như vậy vẽ tiếp các cột của các ngành còn lại  + Trên đầu mỗi cột ghi trị số %  GV: Lưu ý HS đề tên biểu đồ  \* Biểu đồ: Tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước  \* Nhìn vào bản đồ chúng ta thấy các ngành Công nghiệp trọng điểm vùng Đông Nam Bộ thể hiện thế mạnh sản xuất công nghiệp của vùng và chiếm gần 60% giá trị Sản lượng Công nghiệp cả nước  \* Các ngành nhiên liệu, cơ khí-điện tử, hoá chất có tỉ trọng ưu thế rất cao so với cả nước  **Năng lực vẽ và nhận xét biểu đổ** | |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài tập 2**

**Phương pháp thảo luận nhóm-trình bày một phút**

Bài tập 2:

|  |  |
| --- | --- |
| Chia nhóm: ( Chia 8 nhóm hai nhóm 1 câu hỏi)Qua biểu đồ và kiến thức đã học hãy cho biết  Nhóm 1-2  ? Những ngành công nghiệp trọng điểm nào sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có của vùng? Vì sao?  Nhóm 3-4  ? Những ngành công nghiệp trọng điểm nào sử dụng nhiều lao động?  Nhóm 5-6  ? Những ngành công nghiệp trọng điểm nào đòi hỏi kĩ thuật cao? Vì sao?  Nhóm 7-8  ? Vai trò của vùng Đông Nam Bộ trong sự phát triển công nghiệp cả nước?  GV:=>Qua phân tích trên chúng ta thấy Đông Nam Bộ là một vùng nhập nhiều nguyên liệu nhưng lại là vùng có ngành công nghiệp phát triển nhất. | \*- >Ngành khai thác nguyên liệu, điện, chế biến thực phẩm  Vì vùng có các mỏ dầu, khí đốt tại thềm lục địa Bà-Rịa-Vũng –Tàu, có trạm thuỷ điện Trị An và nhiệt điện Phú Mĩ  Có bãi cá bãi tôm, có vành đai chăn nuôi bò –heo-gà ven thành phố  \*->Ngành dệt may và chế biến lương thực thực phẩm  \*->Ngành Cơ khí – điện tử- Lắp ráp xe máy, luyện kim –chế tạo máy móc, Dầu khí hoá chất-phân bón  Vì phải có độ chính xác cao độ  \*->Vai trò  + Chiếm tỉ trọng công nghiệplớn nhất trong cả nước (60% sản lượng công nghiệp toàn quốc)  +Sử dụng nguồn lao động tương đối lớn.  +Tạo nên tam giác tăng trưởng kinh tế của vùng thúc đẩy các ngành khác phát triển  **Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy....** |

**2.3. Hoạt động luyện tập củng cố**

- GV: Nhận xét đánh giá tiết thực hành

-GV yêu cầu HS làm hoàn thiện ra giấy để chấm lấy điểm 15 phút

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Em rút ra được bài học hoặc kinh nghiệm gì sau khi làm bài thực hành này?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các tư liệu về vùng kinh tế Đông Nam Bộ.

Đã kiểm tra, ngày /2/2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: /2 /2019 Ngày dạy : /2/2019

TUẦN: 24 -TIẾT:40

BÀI:35

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I-MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Hiểu được vùng Đồng bằngSông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất nước ta . Có vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên đất, nước, khí hậu phong phú, đa dạng. Người dân cần cù năng động thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hoá, kinh tế thị trường.Đó là điều kiện quan trọng để xây dựng Đồng bằng Sông Cửu Long thành vùng kinh tế động lực.

2.Kĩ năng:

-Đọc bảng số liệu, lược đồ để khai thác kiến thức

-Vận dụng thành thạo phương pháp, kết hợp kênh hình với kênh chữ để giải thích một số vấn đề bức xúc ở Đồng bằngSông Cửu Long.

3. Thái độ: Giáo dục HS ý thức:

- Sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí đạt hiệu quả cao nhất.

- Bảo vệ rừng chống ô nhiễm môi trường

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: hợp tác, tính toán số liệu, giải quyết vấn đề, tư duy...

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu thiên nhiên, yêu tổ quốc....

5.Giáo dục bảo vệ môi trường:

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học bằng trò chơi, phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề....

-Kĩ thuật: Mảnh ghép , kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ

GV kiểm tra việc học sinh làm thực hành

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

Phương pháp trò chơi

GV cho cả lớp chơi trò “ Thượng đế cần” để tạo không khí tập thể bắt đầu tiết học

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục I,II**  **Phương pháp dạy học trực quan....**  **Kĩ thuật làm việc cá nhân-hỏi đáp**  GV treo Lược đồ vùng Đồng bằng sông Cửu Long  *? Xác định giới hạn lãnh thổ trên Lược đồ?*  *?So sánh diện tích của vùng với vùng Đồng bằngSông Hồng?*  *? Chỉ và đọc tên các tỉnh thuộc vùng đồng bằngsông Cửu Long?* | I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ  1. Giới hạn  - Diện tích 39 734Km2  -Phần đất liền và các đảo thuộc biển Đông và vịnh Thái Lan.  (Đồng bằng Sông Hồng 14 806km2)  - Gồm thành phố Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang , Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau |
| *? Vùng đồng bằngsông Cửu Long tiếp giáp với những lãnh thổ nào?*  *? Với vị trí địa lí như trên có ý nghĩa gì trong sự phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng?* | 2. Vị trí  - Phía Bắc tiếp giáp Cam Pu Chia  - Phía Tây Nam tiếp giáp vịnh Thái Lan  - Phía Đông Nam là biển Đông  - Phía Đông Bắc tiếp giáp vùng Đông Nam Bộ.  =>Vùng có vị trí rất thuận lợi cho sự phát triển kinh tế trên đất liền – biển và giao lưu với các nước trong khu vực và trên toàn thế giới |
| Quan sát hình 35.1  **Vòng 1: nhóm chuyên gia**  Lớp chia 6 nhóm tìm hiểu từng nhân tố tự nhiên của vùng  **Vòng 2: nhóm mảnh ghép**  Lớp ghép thành 6 nhóm mới tổng kết điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ  Các nhóm cử đại diện nhóm báo cáo- nhóm khác nhận xét bổ sung  GV chốt  **-Năng lực chung: hợp tác, giải quyết vấn đề, Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....** | **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**  Phương pháp dạy học trực quan  Kĩ thuật mảnh ghép  **II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**  *1.Địa hình* :  -tương đối bằng phẳng.Diện tích:gần 40 000 Km2  (độ cao trung bình 3-5 m so với mặt nước biển; độ dốc 1cm/km..)  *2-Khí hậu* cận xích đạo nóng ẩm quanh năm, nguồn nước phong phú  vùng ít có gió bão hoặc nhiễu động thời tiết.Song gần đây có những tai biến thiên nhiên)  *-Sinh vật* trên cạn, dưới nước rất phong phú, đa dạng  *3-Đất*:có 3 loại chính, đều có giá trị kinh tếlớn  +đất phù sa ngọt:1,2 triệu ha (ven sông Tiền,sông Hậu màu mỡ thích hợp trồng lúa nước, ăn quả…)  +đất mặn, đất phèn:2,5 triệu ha (-Đất phèn ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên,Cà Mau.-đất mặn dọc vành đai biển Đông, vịnh Thái Lan->được cải tạo nuôi trồng thuỷ sản, phát triển rừng ngập mặn…)  *4-Sông ngòi:* Sông Mê Kông=>nguồn nước tự nhiên dồi dào;nguồn cá và thuỷ sản phong phú;bồi đắp phù sa hàng năm, mở rộng đất Mũi Cà Mau;trọng yếu đường giao thông quan trọng trong và ngoài nước)  *5*.Khoáng sản: rất ít ( than bùn, dầu mỏ khí đốt, đá vôi)  6. Vùng biển và hải đảo:  -Thềm lục địa nông rộng. Nước ấm quanh năm, nhiều ngư trường thuỷ hải sản lớn  -Có nhiều đảo và quần đảo |
| ?*Nêu những khó khăn chính về mặt tự nhiên ở Đồng bằng Sông Cửu Long?Giải pháp khắc phục?* | \*Khó khăn: Thiên nhiên gây không ít khó khăn cho đời sống và sản xuất của vùng(+đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn;Mùa khô kéo dài, nước biển xâm nhập sâu, gây thiếu nước ngọt+Mùa lũ gây ngập úng diện rộng  =>Khắc phục: +cải tạo đất phèn, đất mặn+ thoát lũ, cấp nước ngọt cho mùa khô+Chung sống với lũ và khai thác lợi thế do lũ mang lại+chuyển hình thức canh tác sang nuôi trồng thuỷ sản, nuôi cá bè, nuôi tôm…) |
| *?ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn?* | 2 loại đất đó có diện tích rất lớn, có thể sử dụng sản xuất nông nghiệp cần phải cải tạo-> áp dụng biện pháp thau chua, rửa mặn, giữ nước ngọt;đầu tư lượng phân bón lớn(phân lân)để cải tạo đất, chọn giống cây thích hợp… |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục III**

Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề

Kĩ thuật: động não

**III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ - XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| ? Dựa vào bảng 35.1 , hãy nhận xét tình hình dân cư xã hội ở Đồng bằngsông Cửu Long so với cả nước?  **Năng lực tính toán, nhận xét số liệu**  **Kĩ thuật động não**  ? Giải thích vì sao phải đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao mặt bằng dân trí và phát triển đô thị ở đồng bằng sông Cửu Long? | - Số dân đông 16,7 triêụ nguời (2002)  -Mật độ trungbình cao 407 người /km2  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên 1,4%  - Tỉ lệ dân thành thị cao 17,1%  -Tỉ lệ người biết chữ thấp 88,1%  -Người dân cần cù, năng động có kinh nghiệm sản xuất hàng hoá  -Thành phân dân tộc đơn giản người khơ me, chăm, hoa, kinh . . ..  =>Là vùng đông dân có nhiều dân tộc sinh sống (Người kinh, khơ me, chăm, hoa)  =>Do tỉ lệ người biết chữ thấp 88,1% so với cả nước |

**2.3. Hoạt động luyện tập : GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**

*?*Nêu thế mạnh về một số tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tê-xã hội ở Đồng bằng Sông Cửu Long?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

GV hướng dẫn HS làm các bài tập cuối bài.

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các tư liệu về vùng kinh tế Đồng bằng Sông Cửu Long bằng cách vào google đánh từ khóa “ vùng đồng bằng Sông Cửu Long” để tra tư liệu

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 14 / 2 /2019 Ngày dạy : 23/2/2019

TUẦN:25 -TIẾT: 41

BÀI:36

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức: -Hiểu Vùng Đồng bằngsông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương hực thực phẩm đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu cả nước.

- Hiểu rõ công nghiệp và dịch vụ bắt đầu phát triển, một số thành phố đã phát huy vai trò trung tâm kinh tế

2.Kĩ năng: - Phân tích so sánh các số liệu dữ liệu

- Kết hợp tốt kênh hình và kênh chữ để phân tích nhận xét một số vấn đề

3. Thái độ:

- Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên gắn liền với bào vệ môi trường

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, hợp tác....

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ , nhận xét bảng số liệu....

4.2- Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, yêu cuộc sống.

5.Giáo dục bảo vệ môi trường: mục IV/1

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:- \*-Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.

- Lược đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, đặt và giải quyết vấn đề...

**-**Kĩ thuật: khăn phủ bàn, động não....

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp trong khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi**

-GV treo bản đồ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, yêu cầu HS trong 3 phút thi xem ai giới thiệu hay nhất, đúng nhất, nhiều nhất về khu vực này?

Cả lớp đánh giá

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục IV**  **Phương pháp dạy học trực quan,**  GV treo Lược đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long  GV dùng **kĩ thuật khăn phủ bàn** yêu cầu lớp chia 6 nhóm thảo luận về sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long bằng cách lần lượt trả lời 3 câu hỏi sau: | **IV: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂNKINH TẾ.**  **1. Nông nghiệp** |
| **Dựa vào bảng 36.1**  **? *Tính tỉ lệ% diện tích và sản lượnglúa của Đồng bằngsông Cửu Long so với cả nước?*** | - Đồng bằngsông Cửu Long là vùng sản xuất nhiều lúa gạo nhất nước ta.  +Diện tích gieo trồng 3 834,8 nghìn ha, chiếm 51,1% diện tích trồng lúa cả nước  +Sản lượng17,7 triệu tấn.  +Bình quân lương thực đầu người cao 1066,3Kg/người |
| ***? Xác định trên lược đồ tên các tỉnh trồng nhiều lúa nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long?*** | +lúa trồng nhiều ở các tỉnh ven sông Cửu Long, đất phù sa ngọt |
| **? *Nêu ý nghĩa của việc sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long?***  Các nhóm báo cáo-nhận xét bổ sung- Gv nhận xét-chốt | -Là vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo lớn nhất nước ta  -Cơ cấu ngành cây lương thực chiếm ưu thế  -Chúng ta giải quyết được vấn đề an ninh lương thực và xuất khẩu  **Năng lực tư duy, hợp tác....** |
| ? *Ngoài trồng cây lương thực ra vùng Đồng bằngSông Cửu Long còn chú trọng trồng những loại cây nào nữa?* | -Ngoài ra vùng còn trồng nhiều loại cây ăn quả nhiệt đới và các loại rau đậu. |
| ? *Song song với ngành trồng trọt, vùng còn ngành nào nữa?Vì sao ?* | -Ngành chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh (vịt đàn)  -Ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản rất phát triển, chiếm 50% tổng sản lượngcả nước |
| ? *Tại sao Ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản rất phát triển mạnh?*  ***Kĩ thuật động não*** | -Có bờ biển nông, rộng, nước ấm quanh năm . -Có rừng ngập mặn ven biển lớn cung cấp thức ăn, nguồn tôm giống tự nhiên  -Có sông Mê Công cung cấp nguồn thuỷ sản và thức ăn cho tôm cá -Người dân cần cù năng động sáng tạo, nhanh thích ứng với khoa học kỹ thuật và thị trường tiêu thụ |
| ? *Rừng của vùng Đồng bằngsông Cửu Long có tầm quan trọng như thế nào trong sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường?* | -Cung cấp lâm sản, khai thác và bảo tồn các loài động thực vật, cung cấp than bùn thức ăn cho tôm cá . ..  - Bảo vệ môi trường sinh thái và mở rộng diện tích  =>Rừng giữ vị trí rất quan trọng, đặc biệt là rừng ngập mặn |
| ? *Qua bảng 36.2/ trang131 cho biết:*  *+Trong các ngành trên ngành nào chiếm tỉ trọng lớn hơn?*  *+Giải thích vì sao ngành chế biến lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao hơn cả?* | 2. Công nghiệp:  -Chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP toàn vùng(chỉ 20% 2002)  +Ngành chế biến lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao(\* Sản luợng lương thực (lúa gạo) chiếm vị tríhàng đầu . . . .\* Sản luợng thuỷ sản .Vịt đàn . . .\* Một số cây trồng khác) |
| ? *Dựa vào H 36.2 trang 123 xác định các thành phố thị xã có cơ sở công nghiệp chế lương thực* *thực phẩm ?* | +Hầu hết các trung tâm công nghiệp tập trung ở các thành phố thị xã đặc biệt là thành phố Cần Thơ. |
| ? *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có những ngành dịch vụ nào ?* | 3.Dịch vụ:  -Bao gồm ngoại thương, vận tải thuỷ và du lịch  (Về ngoại thương vùng chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng nông sản như gạo , tôm, cá đông lạnh, hoa quả) |
| *? Vận tải thuỷ có ý nghĩa như thế nào trong sản xuất và đới sống nhân dân trong vùng?* | - Là phương tiện đi lại chuyên chở, là công cụ Sản xuất |
| *? Trình bày nét độc đáo của du lịch sinh thái ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?* | - Tham quan miệt vườn.- Du lịch sông nước.  - Du lịch tham quan các vườn chim.  - Tham quan các danh lam thăng cảnh.  **Năng lực giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục V**

**Phương pháp dạy học trực quan**

**Kĩ thuật : động não, hỏi đáp**

V: CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ.

|  |  |
| --- | --- |
| *? Xác định trên bản đồ các trungtâm Kinh tế của vùng?*  ? Thành phố Cần thơ có những điều kiện thuận lợi gì để trở thành trungtâm kinh tế lớn nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.? | -Thành phố Cần thơ, Mĩ Tho, Long Xuyên, Cà Mau  Thuận lợi:  -Về vị trí địa lí . . .- các cơ sở Sản xuấtcông nghiệp. . . .  - cảng Cần Thơ . . .  **Năng lực sử dụng bản đồ** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

GV hướng dẫn HS làm các bài tập cuối bài học

**2.4. Hoạt động vận dụng**

GV yêu cầu HS dùng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi:

?Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có những điều kiện thận lợi nào để phát triển ngành thuỷ sản?

?Vùng Đồng bằngSông Cửu Long có những điều kiện thận lợi nào để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các tư liệu về các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bằng cách vào google đánh từ khóa “các trung tâm kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long”

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 22/2 / 2019 Ngày dạy :

TUẦN: 26 -TIẾT:42

BÀI:37 : THỰC HÀNH

VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂNCỦA NGÀNH THUỶ, HẢI SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

-Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực, vùng còn thế mạnh về thuỷ sản.

-Biết phân tích về tình hình phát triển ngành thuỷ hải sản ở Đồng bằng sông Cửu

Long

2.Kĩ năng:- Xử lí, phân tích số liệu thống kế và vẽ biểu đồ, so sánh số liệu để khai thác kiến thức

3. Thái độ: giáo dục HS ý thức học tập tích cực.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán số liệu, phát triển ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt: vẽ biểu đồ ....

4.2- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV: Bản đồ tự nhiên kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề , luyện tập thực hành...

-Kĩ thuật: Động não, Thảo luận nhóm, .kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ :

? Vùng đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thận lợi nào để phát triển ngành thuỷ sản ?

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi**

-GV treo bản đồ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, yêu cầu HS trong 3 phút thi xem ai giới thiệu hay nhất, đúng nhất, nhiều nhất về vùng này?

Cả lớp đánh giá

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

**2.3.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động 1 : Hướng dẫn HS làm bài 1**  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: động não**  Dựa vào bảng 37.1/trang 124  ? Đọc tên bảng  ? Đọc các số liệu em có nhận xét gì về sản lượng thuỷ sản của hai đồng bằng? | **Bài tập 1:**  Đồng bằng sông Cửu Long vựơt xa đồng bằng sông Hồng về sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ hải sản.(chiếm trên 50% của cả nước) | | ? Theo các em với những số liệu như trên chúng ta nên chọn loại biểu đồ nào là thích hợp nhất. Vì sao? | =>Biểu đồ hình cột nhóm vì nó biểu thị và so sánh được đầy đủ các sản phẩm thuỷ sản của hai vùng và cả nước. |   GV: - Gọi 1-2 HS khá lên bảng vẽ - Các cá nhân học sinh khá vẽ vào vở.  Các bước:  - Lập bảng “ Sản lượng thuỷ sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng so với cả nước”  - Tính tỉ lệ % về các sản lượngcủa hai vùng  Ví dụ 493,8 x 100 :1 189,6 = 41,5%   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sản lượng | Đồng bằngsông Cửu Long | đồng bằngsông Hồng | Cả nước | | Cá biển khai thác | 41,5 | 4,6 | 100% | | Cá nuôi | 58,4 | 22,8 | 100% | | Tôm nuôi | 76,7 | 3,9 | 100% |   - Vẽ hệ trục toạ độ có tâm O  +Trục tung(đứng) chia thành 10 đoạn (mỗi đoạn tương ứng với 10%) đầu mút ghi %)  + Trục hoành (ngang) chia đều các đoạn biểu thị các sản phẩm  + Vẽ các cột tương ứng theo số liệu đã xử lí  + Trên đầu mỗi cột ghi trị số  **-Năng lực Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán số liệu...**  \*HS vẽ thực hành **=>Năng lực chuyên biệt: vẽ biểu đồ ....**  **Hoạt động 2 : Hướng dẫn HS làm bài 2**  **Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút**  **Bài tập 2: Phân 4 nhóm**  Căn cứ vào biểu đồ đã vẽ và bài học 35,36 cho biết  Nhóm1: làm ý a /trang 134  Nhóm 2: làm ý b /trang 134  Nhóm 3- 4: là ý c /trang 134  \*Các nhóm báo cáo kết quả -GV: chuẩn xác Kinh tế ghi bảng  a. Các thế mạnh để phát triển ngành thuỷ sản ở vùng đồng bằngsông Cửu Long  -Về điều kiện tự nhiên  +Có diện tích vùng nước trên cạn (đồng ruộng, kênh rạch, hệ thống sông Cửu Long…) và trên biển rộng lớn, bờ biển dài nông rộng có bãi tôm bãi cá. . . .  +Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm . . . .  + Có diện tích rừng ngập mặn rộng lớn . . . .  + Có nguồn cá tôm dồi dào( nước mặn, nước lợ, nước ngọt)  - Nguồn lao động:  + Có kinh nghiệm và tay nghề đánh bắt thuỷ hải sản đông đảo .  + Người dân thích ứng linh hoạt với nền Kinh tế thị trường năng động và nhạy cảm với cái mới trong sản xuất và kinh doanh  + Có một bộ phận làm nghề nuôi trồng và khai thác thuỷ hải sản  - Vùng có nhiều cơ sở chế biến thuỷ hải sản, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu  - Sản phẩn thuỷ hải sản của vùng có thị trường tiêu thụ rộng lớn: Trong nước, trong khu vực , nhật Bản, bắc Mĩ, EU  b. Thế mạnh của nghề nuôi tôm xuất khẩu  Về điều kiện tự nhiên  Nguồn lao động:  Cơ sở chế biến => Cơ bản tương tự như trình bày tại mục a  Thị trường tiêu thụ  Cần nhấn mạnh: Có diện tích vùng nước rộng lớn đặc biệt là trên bán đảo Cà Mau. Do nuôi tôm dem lại nguồn thu nhập lớn nên người dân sắn sàng đầu tư, tiếp thu khoa học kĩ thuật công nghệ mới  C, Khó khăn :  Việc đầu tư cho đánh bắt xa bờ . . .  - Hệ thống Công nghiệp chế biến chất lượng cao chưa được đầu ntư nhiều  - Chủ động nguồn giống an toàn, năng suất cao, chất lượng tốt, chủ động thị trường, chủ động tránh né các hàng rào cản của các nước nhập khẩu các sản phẩm ( hàng rào thuế quan)  **- Năng lực phát triển ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác....**  **-Phẩm chất tự tin, tự lập, tự chủ....** | |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

- GV: Nhận xét đánh giá tiết thực hành

?Qua tiết thực hành, em rút ra được kinh nghiệm gì?

**-**GV yêu cầu HS làm lại bài thực hành và nộp cho GV.

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Ôn tập toàn bộ kiến thức về Đồng bằngSông Cửu Long và Đông Nam Bộ

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 25/2 /2019 Ngày dạy :

TUẦN: 27 -TIẾT:43

ÔN TẬP

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

-Khái quát hoá lại những kiến thức trọng tâm cơ bản nhất về các đặc điểm tự nhiên kinh tế-xã hội của hai vùng kinh tế Đồng bằng Sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

2.Kỹ năng: HS rèn kĩ năng: -Đọc bản đồ, xác định vị trí địa lí

-Phân tích giá trị kinh tế

3.Thái độ: Giáo dục HS ý thức học tập nghiêm túc.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo...

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ, vẽ biểu đồ ....

4.2- Phẩm chất:Tự lập, tự tin, tự chủ và có tình thần vượt khó

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV:- Lược đồ vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp nêu và giải quyết vấn đề,dạy học theo dự án, luyện tập thực hành...

-Kĩ thuật: Động não, Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : Không

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức : ghi lại trong 3 phút tất cả những đặc điêm địa lí của vùng Đông Nam Bộ?**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1 : Hướng dẫn HS ôn lí thuyết**  **Phương pháp: dạy học theo dự án**  **Kĩ thuật: động não, làm việc theo cặp (2 HS 1 bàn là 1 cặp)**  **I.Lí thuyết**  GV hướng dẫn HS làm đề cương sơ lược cho nội dung ôn lí thuyết từ bài 31 đến bài 37 để ôn tập theo bảng sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Đông Nam Bộ | | Đồng bằngsông Cửu Long | | | Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ | -Gồm các tỉnh:  -Diện tích:  -Dân số:  -đặc điểm vị tríđịa lí của vùng | | -Gồm các tỉnh:  -Diện tích:  -Dân số:  -đặc điểm vị tríđịa lí của vùng | | | Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | -Vùng biển:  -Vùng đất liền:  -Khó khăn: | | -Địa hình:  -Khí hậu:  -Đất đai:  -Sông ngòi: | | | Đặc điểm dân cư, xã hội | -Đặc điểm dân cư, lao động: dân đông, có lực lượng lao động dồi dào, nhất là lao động lành nghề=> thị trường tiêu thụ rộng lớn  -Chỉ tiêu phát triểndân cư, xã hội: khá cao | | -Đặc điểm dân cư, lao động:  -Chỉ tiêu phát triểndân cư, xã hội: | | | Tình hình phát triển kinh tế-xã hội | -Nông nghiệp:  -Công nghiệp:  -Dịch vụ: | | -Nông nghiệp:  -Công nghiệp:  -Dịch vụ: | | | Các trung tâm kinh tế vùng | Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Vũng Tàu | | -Thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau | | | Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | | -Gồm:Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An  -Diện tích:28 000 km2  -Dân số: 12,3 triệu người(năm 2002)  -Vai trangò: thu hút nhiều đầu tư trong và ngoài nước để phát triểnkinh tếvới tốc độ nhanh, đặc biệt là công nghiệp=>thúc đầy sự phát triển của miền Nam nói riêng, của cả nước nói chung  **-Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....** | |   **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS thực hành**  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: động não, làm việc cá nhân**  **2.3.Hoạt động luyện tập**  **II.Thực hành**  ?Yêu cầu HS nêu các bước làm 1 bài vẽ biểu đồ và nhận xét ,giải thích?(5 bước)  GV hướng dẫn HS làm các bài tập luyện kĩ năng ở cuối các bài từ bài 31 đến bài 37?(SÁCH GIÁO KHOA)về các vấn đề thuộc địa lí tự nhiên,dân cư & địa lí kinh tếcủa 2 vùng: Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long  -Bài 3/Sách giáo khoa/116 -Bài 3/Sách giáo khoa/120  -Bài 3.Sách giáo khoa/123 -Bài 3/Sách giáo khoa/133  **-Năng lực vẽ biểu đồ ....**  **- Phẩm chất:Tự lập, tự tin, tự chủ và có tình thần vượt khó** | |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

-Em hãy sơ đồ hóa những nội dung cần nắm về Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Đông Nam Bộ?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các thông tin thời sự về hai vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 5 / 3 / 2019 Ngày dạy :

TUẦN:28 -TIẾT: 44

KIỂM TRA MỘT TIẾT

**I. MỤC TIÊU KIỂM TRA**

**1. Kiến thức**:

-Nhằm đánh giá lại quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học kiến thức địa lí, để từ đó tìm ra các biện pháp phù hợp với đặc thù bộ môn và đối tượng học sinh

- HS củng cố và khắc sâu những đặc điểm cơ bản về 2 vùng: Đông Nam Bộ, Đồng bằngsông Cửu Long

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện cho hs kỹ năng phân tích, vẽ và nhận xét biểu đồ

**3. Thái độ tình cảm**:

-Giáo dục HS ý thức làm bài nghiêm túc

**4. Phẩm chất năng lực** :

***4.1, Năng lực***:

- *Năng lực chung*: tự học, tự quản lí; giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo.....

- *Năng lực chuyên biệt*: sử dụng ngôn ngữ...

***4.2, Phẩm chất***: - Giáo dục học sinh phẩm chất trung thực, tự lập, tự tin, chủ động trong học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

**1, GIÁO VIÊN**

**1.1, Xác định hình thức của đề:**

50% tự luận, 50% trắc nghiệm (20 câu).

**1.2, Thiết kế ma trận**

**\*Bảng mô tả và trọng số**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| MỨC ĐỘ  CHỦĐỀ | NHẬN BIẾT | THÔNG HIỂU | VẬN DỤNG | TỔNG |
| Vùng Đông Nam Bộ | -Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Biết được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Hiểu được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Lí giải được các đặc điểm về tự nhiên của vùng  -Lí giải được các đặc điểm về dân cư xã hội của vùng  -Lí giải được các đặc điểm về phát triển kinh tế của vùng |  |
| Số điểm  Tỉ lệ % | 2đ  20% | 1đ  10% |  | 3đ  30% |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | -Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, các tỉnh của vùng,các điều kiện tự nhiên của vùng  -Biết được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các tỉnh của vùng, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Hiểu được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Lí giải được các đặc điểm về tự nhiên của vùng  -Lí giải được các đặc điểm về dân cư xã hội của khu vực.  -Lí giải được các đặc điểm về phát triển kinh tế của vùng |  |
| Số điểm  Tỉ lệ % |  | 0,25đ  2,5% |  | 0,25đ  2,5% |
| Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long | -Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Biết được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Hiểu được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng | -Vẽ và nhân xét biểu đồ địa lí từ các số liệu về vùng  -Lí giải được các đặc điểm về tự nhiên, về dân cư xã hội,về phát triển kinh tế của vùng |  |
| Số điểm  Tỉ lệ % | 2đ  20% | 0,75đ  7,5% | 4 đ  40% | 6,75đ  67,5% |
| Tổng số điểm  Tỉ lệ % | 4 đ  40% | 2đ  20% | 4đ  40% | 10đ  =100% |

**\*Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| MỨC  ĐỘ  CHỦ  ĐỀ | NHẬN BIẾT | | THÔNG HIỂU | | VẬN DỤNG | | TỔNG |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Vùng Đông Nam Bộ | -Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Biết được các đặc điểm dân cư xã hội và phát triển kinh tế của vùng | -Nhớ được tên các tỉnh trong vùng | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Hiểu được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 4câu  1đ  10% | 1câu  1đ  10% | 4câu  1đ  10% |  |  |  | 9 câu  3đ  30% |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam |  |  | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các tỉnh của vùng |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1 câu  0,25  2,5% |  |  |  | 1 câu  0,25  2,5% |
| Vùng Đồng bằngSông Cửu Long | -Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Biết được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng |  | -Hiểu được các đặc điểm về vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên của vùng  -Hiểu được các đặc điểm dân cư xã hội và đặc điểm phát triển kinh tế của vùng |  |  | -Vẽ và nhân xét và giải thích biểu đồ địa lí từ các số liệu về vùng |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 8câu  2đ  20% |  | 3câu  0,75đ  7,5% |  |  | 1  40% | 12 câu  6,75% |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ % | 13 câu  4đ  = 40 % | | 8 câu  2đ  = 20 % | | 1 câu  4đ  = 40% | | 22 câu  10đ  =100% |

**-Năng lực chung:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực tư duy...

**- Năng lực chuyên biệt:** Năng lực tư duy tổng hợp....

**1.3, Biên soạn đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Trắc nghiệm (5 điểm)**  **Hãy khoanh tròn vào các đáp án đúng hoặc điền khuyết (0,25điểm/câu)**  **Câu 1:** Đông Nam Bộ tiếp giáp với 2 vùng nào của miền Trung nước ta:  A. Bắc Trung Bộ B. Duyên hải Nam TrungBộ  C. Tây Nguyên D. Đồng bằng sông Cửu Long  **Câu 2:** Các hồ nước nhân tạo quan trọng cho thuỷ lợi và thuỷ điện trong vùng Đông Nam Bộ là:  A.Hồ Ba Bể B.Hồ Dầu Tiếng.  C.Hồ Thác Bà D. Hồ Trị An.  **Câu 3:** Các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ nằm trong khu vực của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm:………………………………………………… ……………………………………………....................................................  **Câu 4:** Nhờ vào yếu tố thiên nhiên nào mà vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành nông nghiệp phát triển?  A.Khí hậu có hai mùa.  B.Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm,  C.Diện tích rộng  D. Địa hình thấp và bằng phẳng trên một diện tích tương đối rộng  **Câu 5:** Ở Đồng bằng sông Cửu Long, lúa được trồng chủ yếu ở tỉnh:...........................................................................................................................**Câu 6:** Các trở ngại làm chậm đà phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:  A.Hệ thống giao thông vận tải gặp nhiều khó khăn về mùa lũ  B.Chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hoá dịch vụ còn hạn chế  C.Các hoạt động giao lưu kinh tế, thương mại phần lớn diễn ra trên sông nước  D.Hai câu( A+B) sai  **Câu 7:** Ba trung tâm kinh tế của vùng Đông Nam Bộ là:.......................................  ..................................................................................................................................  **Câu 8:** Đông Nam Bộ có sức thu hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước là do:  A. Đông Nam Bộ có nhiều cơ hội việc làm có thu nhập cao.  B. Điều kiện sống văn minh và hiện đại hơn.  C. Khí hậu ấm áp, nhiều thắng cảnh tự nhiên nổi tiếng.  D. Đông Nam Bộ có nhiều vùng đất chưa khai thác.  **Câu 9:**  Tỉ lệ dân số hoạt động trong nông nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh đang giảm mạnh là do:  A. Nội thành mở rộng ra vùng ngoại ô.  B. Dân cư nông nghiệp chuyển sang hoạt động công nghiệp và dịch vụ.  C. Một bộ phận dân nông thôn chuyển đi lập nghiệp ở nơi khác.  D. Vùng ngoại ô bị ô nhiễm nặng, nông dân bỏ đi nơi khác.  **Câu 10:**  Các trung tâm kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long là các thành phố:  A. Cần Thơ, Mĩ Tho B. Bạc Liêu, Sóc Trăng.  C. Long Xuyên, Cà Mau. D. Cần Thơ, Cà Mau.  **Câu 11:** Cây cao su là cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở:  A. Tây Nguyên . B. Đông Nam Bộ.  C. Cao nguyên. D. Miền núi phía Bắc  **Câu 12:** Khó khăn lớn về tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long là:  A. Mùa khô thiếu nước nghiêm trọng. B. Diện tích đất ngập mặn , đất phèn lớn.  C. Mạng lưới sông ngòi kênh rạch dày đặc. D. Nguồn khoáng sản không nhiều.  **Câu 13:** Các nguyên nhân làm cho Đông Nam Bộ sản xuất được nhiều cao su nhất nước là:  A. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.  B.Người dân có truyền thống trồng cao su.  C.Có các cơ sở chế biến và xuất khẩu cao su.  D. Cả ba ý a, b, c đều sai.  **Câu 14:**  Những thế mạnh để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành thuỷ sản là:  **A.** Hệ thống sông Mê Công và kênh rạch chằng chịt. có vùng biển rộng, ấm, nhiều bãi tôm, bãi cá nhất cả nước.  **B.** Nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản.  **C.** Công nghiệp chế biến lươg thực, thực phẩm.Thị trường tiêu thụ rộng lớn( EU, Nhật Bản, Bắc Mĩ)  **D.** Kết cấu cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhất cả nước.  **Câu 15:**  Trong sản xuất lúa, Đồng bằng sông Cửu Long không là:  A.Vựa lúa lớn nhất cả nước. B. Vựa lúa lớn thứ hai cả nước  C. Vựa lúa lớn thứ ba cả nước D. Vựa lúa lớn thứ tư cả nước  **Câu 16:**  Đâu không phải là tên hệ thống sông lớn nhất ở Đông Nam Bộ :  A. Hệ thống sông Hồng B. Hệ thống sông Cửu Long  C. Hệ thống sông Thái Bình D. Hệ thống sông Đồng Nai.  **Câu 17:**  Thành phố Cần thơ không phải là thành phố lớn nhất của vùng:  A. Đông Nam Bộ B. Duyên hải Nam TrungBộ  C. Tây Nguyên D. Đồng bằng sông Cửu Long  **Câu 18:**  Vùng Đồng bằng sông Cửu Long không tiếp giáp với vịnh nào trong các vịnh sau:  A. Vịnh Bắc Bộ B. Vịnh Thái Lan  C. Vịnh Cam Ranh D. Vịnh Ben-gan.  **Câu 19:**  Đâu không phải là vùng có ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản rất phát triển, chiếm 50% tổng sản lượng cả nước:  A. Đông Nam Bộ B. Đồng bằng sông Cửu Long.  C. Tây Nguyên D. Đồng bằng sông sông Hồng  **Câu 20:**  Đâu không phải là đáp án của câu hỏi :Sông Mê Kông đổ ra biển ở mấy cửa?  A.7 cửa B.8 cửa C.9 cửa D. 10 cửa  **II.Tự luận (5 điểm)**  Câu 21 (1đ): Hãy kể tên các tỉnh , thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ?  Câu 22 : (4đ)  Dựa vào bảng số liệu sau đây, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằngsông Cửu Long và cả nước.Từ biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét và giải thích hợp lí  Bảng số liệu:Sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước(Đơn vị : nghìn tấn)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm  Lãnh thổ | 1995 | 2000 | 2002 | | Đồng bằngSông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 | | Cả Nước | 1584,4 | 2259,5 | 2647,4 | |

**1.4, Xây dựng đáp án và biểu điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \*Phần trắc nghiệm(5đ) 0,25 điểm/câu   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | B, C | 11 | A,B | | 2 | B,D | 12 | A,BD | | 3 | Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu | 13 | A,B,C | | 4 | B, C,D | 14 | A,B,C | | 5 | Sóc Trăng, Đồng Tháp, Long An, An Giang, Kiên Giang, Tiền Giang | 15 | B,C,D | | 6 | A,B | 16 | A,B,C | | 7 | +Thành phố Hồ Chí Minh  + Thành phố Biên Hoà  +Thành phố Vũng Tàu | 17 | A,B,C | | 8 | A, B | 18 | A,C,D | | 9 | A,B,D | 19 | A,C, D | | 10 | A,C | 20 | A,B,D |   \*Phần tự luận  Câu 21(1 đ) Đông Nam Bộ gồm các tỉnh:Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu  Câu 22:(4đ)  -Vẽ biểu đồ cột(1,5đ): đúng, chính xác, mĩ quan->Ghi đầy đủ :tên biểu đồ, đơn vị cho các trục, chú thích  -Nhận xét & giải thích(2,5đ)  +Tính % sản lượngthuỷ sản của Đồng bằngsông Cửu Long so với cả nước qua các năm(lấy cả nước là 100%)  +Sản lượngthuỷ sản luôn chiếm >50% sản lượngthuỷ sản của cả nước qua các năm=> do ở Đồng bằng Sông Cửu Long có nhiều tiềm năng phát triển thuỷ sản như:Có hệ thống kênh rạch chằng chịt, vùng nước mặn, nước lợ cửa sông và ven biển rộng lớn; có khí hậu nóng ẩm quanh năm, với ngư trường lớn, có rừng ven biển cung cấp nguồn thuỷ sản tự nhiên rất phong phú; phụ phẩm của ngành trồng trọt cũng là nguồn thức ăn tốt để nuôi trồng thuỷ sản; thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước rộng lớn... |

**2, HỌC SINH**: Đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1, Ổn định tổ chức:**

**2, Kiểm tra:** GV phát đề cho HS, theo dõi HS làm bài.

**3, Thu bài và nhận xét giờ làm bài.**

**4, Hướng dẫn HS chuẩn bị bài mới.**

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 12/3 /2019 Ngày dạy :

TUẦN:29 -TIẾT 46

BÀI:38 PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ

VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN , MÔI TRƯỜNG BIỂN- ĐẢO

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

-Thâý được nước ta có vùng biển rộng lớn trong vùng biển có nhiều đảo và quần đảo.

-Nắm được đặc điểm của các ngành kinh tế biển: Đánh bắt, nuôi trồng hải sản, du lịch biển.

2.Kĩ năng: rèn kĩ năng đọc và phân tích các sơ đồ bản đồ lược đồ.

3. Thái độ - Giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: giải quyết vấn đề, tư duy, phát triển ngôn ngữ....

- Năng lực chuyên biệt: năng lực sử dụng bản đồ...

4.2- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ...

5.Giáo dục bảo vệ môi trường: mục |I và mục III

Giáo dục HS ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo-tình yêu quê hương đất nước

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:-Bản đồ vùng biển Việt Nam. Sơ đồ lát cắt ngang vùng biển Việt Nam.

- Bản đồ du lịch Việt Nam.

\*HS-Dụng cụ học tập, chuẩn bị bài

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, dạy học đặt và giải quyết vấn đề, dạy học bằng trò chơi...

-Kĩ thuật: Động não, thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra vở của HS

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi tiếp sức: cả lớp chia 3 đội thi xem đội nào nhanh hơn: ghi lại tên các đảo, các vịnh biển của nước ta?**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục I**  **Phương pháp dạy học trực quan**  **Kĩ thuật : động não,hỏi đáp**  GV treo Bản đồ chỉ trên vùng biển Việt Nam  HS quan sát | I.BIỂN VÀ ĐẢO VIỆT NAM:  1.Vùng biển nước ta: |
| *?Em có nhận xét gì về đường bờ biển và vùng biển nước ta?* | -Đường bờ biển dài 3 260km  -Rộng khoảng 1 triệu Km2  -Là một bộ phận của Biển Đông  (Đường bờ biển dài nhiều vũng, vịnh, đầm phá, bán đảo, bãi biển . . ) |
| GV treo sơ đồ lát cắt ngang vùng biển  *? Khi nói đến vùng biển của một nước thì chúng ta phải nói đến các thành phần nào của biển ? Nêu giới hạn từng bộ phận của vùng biển nước ta?*  HS lên chỉ trên sơ đồ  GV: Chỉ trên bản đồvùng  biển Việt Nam  GV hướng giáo dục HS về môi trường: bảo vệ môi trường là một trong những nội dung quan trọng trong bảo về chủ quyền biển quê hương... | -Vùng nội thuỷ từ bờ biển đến đường cơ sở  -Vùng lãnh hải từ đường cơ sở ra 12 hải lí  -Vùng tiếp giáp cách đường cơ sở ra 24 hải lí  -Vùng đặc quyền kinh tếtừ đường cơ sở ra 200 hải lí  -Vùng thềm lục địa  (- Đường cơ sơ là đường nối liền các điểm nhô ra nhất của bờ biển và các điểm ngoài cùng của các đảo ven bờ . . .  - Vùng lãnh hải . . . được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của đất nước  - Vùng tiếp giáp nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh, kiểm soát thuế quan, y tế, môi trường, di cư nhập cư . . .  - Vùng đặc quyền kinh tế . . .200 hải lí nước ta có chủ quyền hoàn toàn về Kinh tế nhưng vẫn để cho các nước khác được đặt các ống dẫn dầu, dây cáp, tàu thuyền, máy bay nước ngoài . . .  -Thềm lục địa gồm đáy biển và phần đất dưới dáy biển . . . .có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò khai thác bảo vệ quản lí các tài nguyên thiên nhiên) |

|  |  |
| --- | --- |
| ? *Quan sát H 38.1/trang 136 em có nhận xét gì về các đảo và quần đảo nước ta?*  ? Hãy tìm và đọc tên trên H 38.2 /trang 136 các đảo và quần đảo lớn vùng biển nước ta?  *? Qua phân tích trên chúng ta thấy vùng biển và hải đảo nước ta có những giá trị nào?* | 2. Các đảo và quần đảo  -Biển nước ta có trên 3 000 hòn đảo lớn nhỏ.  +Đảo ven bờ khoảng 2 800 đảo . . . .  +Đảo xa bờ( Trường Sa, Hoàng Sa, Bạch Long Vĩ . . .  =>Vùng biển và hải đảo nước ta là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, quốc phòng, môi trường sống đồng thời là cửa ngõ của cả nước để giao lưu hội nhập vào nền kinh tế thế giới.  **=>Giáo dục HS ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo-tình yêu quê hương đất nước**  **- Năng lực khai thác, sử dụng bản đồ...** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**

Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề

Kĩ thuật: động não,thảo luận nhóm, trình bày một phút

II.PHÁT TRIỂNTỔNG HỢP KINH TẾ BIỂN

|  |  |
| --- | --- |
| *? Với kiến thức đã học ở lớp 8 cho biết nguồn tài nguyên biển- đảo nước ta có giá trị như thế nào trong sự phát triển kinh tế?* | =>Nước ta có nguồn tài nguyên biển- đảo phong phú giúp phát triển nhiều ngành kinh tế như -khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ hải sản+Khai thác khoáng sản+Phát triểndu lịch biển-đảo+ Giao thông vận tải đường biển  =>-Nguồn tài nguyên biển-đảo phong phú, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp nhiều ngành kinh tế biển |
| *\*Thảo luận nhóm*  *+Nhóm 1 & 2: tìm hiểu về ngành Thủy sản*  *+Nhóm 3 & 4: tìm hiểu về ngành du lịch biển*  *=> Theo các nội dung sau:*  *+Tiềm năng phát triểncủa ngành*  *+ Một số nét phát triển*  *+ Những hạn chế*  *+ Phương hướng phát triển*  GV: Chốt chuẩn kiến thức sau khi thảo luận | 1-Nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản  *-đã phát triển tổng hợp cả khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.*  \* về tự nhiên:  -Vùng biển nước ta có hơn 2000 loài cá., với nhiều loài có giá trị kinh tế cao...  -Khí hậu: nhiệt đới  -Đường bờ biển dài...  \* Dân cư – xã hội:  +Dân cư và đội ngũ thuỷ thủ đông  +Chính sách của nhà nước : quan tâm, tạo điều kiện cho phát triển thủy sản  +Ngành Công nghiệpchế biến và kĩ thuật nuôi trồng đánh bắt  + Thị trường tiêu thụ lớn  \*Tình hình phát triển: khai thác 1,9 triệu tấn/ năm; nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh  2. Du lịch biển  \*Điều kiện phát triển: dọc bờ biển nước ta có trên 120 bãi biển , phong cảnh đẹp, thuận lợi cho việc xây dựng các khu du lịch và nghỉ dưỡng...  \*Tình hình phát triển: du lịch nước ta ngày càng phát triển...hình thành nên các trung tâm du lịch lớn: Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Thanh Hóa, Nghệ An, Huế...  **-Năng lực : giải quyết vấn đề, tư duy, phát triển ngôn ngữ....**  **-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ** |
| GV: -Phát triển Kinh tổng hợp là sự phát triển nhiều ngành, giữa các ngành có mỗi quan hệ chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau để cùng phát triển, sự phát triển của 1 ngành không được kìm hãm hoặc gây thiệt hại cho các ngành khác  - Phát triển bền vững là phát triển lâu dài, Phát triển hiện tại không làm tổn hại đến thế hệ mai sau, Phát triển phải gắn bó với việc bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên. | | |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

\*Làm việc cả lớp

?Tại sao phải ưu tiên khai thác hải sản xa bờ?

(Vì -khai thác gần bờ đã vượt quá mức cho phép. Sản lượng đánh bắt gấp 2 lần khả năng cho phép=> kiệt quệ suy thoái

-Sản lượngđánh bắt xa bờ chỉ bằng 1/5 khả năng cho phép=> chưa khai thác hết tiềm năng to lớn)

?Ngoài hoạt động tắm biển, chúng ta có khả năng phát triểncác hoạt động du lịch biển nào khác?( Khu sinh thái biển nhiệt đới, du lịch thể thao trên biển, lặn biển(Nha Trang...)

?Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển sẽ tác động như thế nào tới ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản?

(-Tăng giá trị sản phẩm, chế biến khối lượng lớn

-Tăng nguồn hàng xuất khẩu, ổn định và kích thích sản xuất

-Tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập người lao động...)

**2.4. Hoạt động vận dụng**

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức vừa học để làm các bài tập cuối bài.

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-HS** tìm các tư liệu về kinh tế biển Việt Nam bằng cách vào google đánh tìm kiếm “kinh tế biển Việt Nam”

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Ngày soạn: 20 /3 /2019 Ngày dạy :

TUẦN:30 -TIẾT: 47

BÀI:39

PHÁT TRIỂNTỔNG HỢP KINH TẾ

VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN- ĐẢO (Tiếp)

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức:

- Biết được sự cần thiết phải phát triểncác ngành kinh tế biển một cách tổng hợp .Khai thác khoáng sản và phát triển tổng hợp giao thông biển

-Hiểu được sự giảm sút của tài nguyên biển, vùng ven bờ nước ta và các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

2.Kĩ năng: rèn kĩ năng đọc và phân tích các sơ đồ bản đồ lược đồ.

3. Thái độ:giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường biển

4.Năng lực, phẩm chất:

-Năng lực chung: giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, giao tiếp...

- Năng lực chuyên biệt: năng lực sử dụng bản đồ...

4.2- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ...

5.Giáo dục bảo vệ môi trường: mục |I và mục III

Giáo dục HS ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo-tình yêu quê hương đất nước

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV\*GV:-Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.

-Bản đồ giao thông vận tải và du lịch

2. HS:- đọc trước bài theo câu hỏi. Dụng cụ học tập . . . .

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học trực quan, dạy học bằng trò chơi...

-Kĩ thuật:Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ :

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi: thi ai nhanh hơn?**

Câu 1:Tại sao cần phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?

Câu2: Công nghiệp chế biến thuỷ sản phát triển sẽ tác động đến ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản như thế nào?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục 3,4**  Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan .  *\*Thảo luận nhóm*  *+Nhóm 1 & 2: tìm hiểu về ngành khai thác và chế biến khoáng sản biển*  *+Nhóm 3 & 4: tìm hiểu về ngành giao thồn vận tải biển*  GV treo Bản đồ vùng biển Việt Nam  HS quan sát  HS báo cáo phần thảo luận theo các câu hỏi giao trước | 3.Khai thác và chế biến khoáng sản biển |
| ? Vùng biển nước ta có những tiềm năng khoáng sản nào?  ? Bằng sự hiểu biết của bản thân và kiến thức đã học giải thích tại sao nghề làm muối lại phát triển mạnh ở vùng ven biển Nam TrungBộ?  ? Tìm trên lược đồ H 39.2 các điểm làm muối nổi tiếng?  ? Với kiến thức đã học trình bày tiềm năng và sự phát triển của hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta? | -Tiềm năng tương đối nhiều  +Thềm lục địa và đáy biển: dầu mỏ, khí đốt,phốt phát,kim loại và phi kim loại    +Bờ biển có nhiều cát chữa Oxít Ti tan, muối rất phát triển nhất là ven biển Nam TrungBộ  => khai thác dầu khí phát triển mạnh ở thềm lục địa phía Nam, nhất là ở Đông Nam Bộ |
| ? Bên cạnh đó biển nước ta có nhưng hạn chế nào trong khai thác và chế biến khoáng sản biển?  ? Phương hướng để khai thác khoáng sản biển như thế nào? | -Hạn chế: vốn ít, trình độ khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế  -Phương hướng  Xây dựng các nhà máy lọc dầu và các cơ sở hoá dầu. |
|  | 4.Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển: |
| ? Nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triểngiao thông vận tải biển? | - Thuận lợi  +Nằm gần nhiều đường biển quốc tế quan trọng  +Bờ biển có nhiều vũng vịnh, các cửa sông lớn .  - khó khăn: thường bị mưa bão, sóng lớn . .. |
| ? Tìm trên H 39.2 một số cảng biển và đường giao thông biển nước ta? | -Hiện nay nước ta có hơn 90 cảng biển lớn nhỏ như  + Cửa ông, Hải Phòng, cửa Lò, đà nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng tàu,  +Sài Gòn, Cần Thơ |
| ? Phương hướng Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển được thể hiện như thế nào?  ? Theo em thì việc phát triển giao thông vận tải biển có ý nghĩa to lớn như thế nào đối với ngành ngoại thương nước ta? | -Phương hướng  +Hiện đại hoá nâng công suất các cảng biển . .  +Tăng cường đội tàu biển quốc gia  => tăng cường hoạt động vận tải biển vào giao lưu kinh tế  +Du lịch hàng hải  -**Năng lực: giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng bản đồ...** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục III**

Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề

Kĩ thuật: động não

III. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO

|  |  |
| --- | --- |
| ? Nguyên nhân nào đã làm giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển –đảo ở nước ta?  ? Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển –đảo sẽ dẫn đến những hậu quả gì?  ? Nêu những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo?  GV giáo dục HS | 1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển –đảo.  - Nguyên nhân:  +Do việc khai thác dầu khí, giao thông vận tải biển. .  +Nguồn nước ở các sông bị ô nhiễm quá mạnh . .  +Chất thải của khác du lịch, các đô thị ven biển . .  -Hậu quả: Làm suy giảm nguồn tài nguyên sinh vật biển, ảnh hưởng tới môi trường.  2.các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.  (Học phần cuối bài trang 134)  **Giáo dục HS ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo-tình yêu quê hương đất nước** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

Câu 1: Phát triển tổng hợp Kinh tế biển có ý nghĩa to lớn như thế nào đối với nền kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng?

Câu 2:Chúng ta cần những phương pháp gì để phát triển giao thông vận tải biển?

Câu 3: Trình bày những nhương pháp chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo

**2.4. Hoạt động vận dụng**

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức vừa học để làm các bài tập cuối bài.

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-HS** tìm các tư liệu về kinh tế biển Việt Nam bằng cách vào google đánh tìm kiếm “kinh tế biển Việt Nam”

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

*Ngày soạn : 29/3/2019 Ngày dạy:*

**TUẦN: 31- TIẾT:48**

BÀI:40

**THỰC HÀNH**

**ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐẢO VEN BỜ**

**VÀ TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ.**

I-MỤC TIÊU : Sau bài học, HS cần:

1.Kiến thức

-Xác định mỗi quan hệ giữa các đối tượng địa lí.

-Đánh giá các tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu ngành công nghiệp dầu khí.

2.Kĩ năng: HS rèn kĩ năng phân tích tổng hợp kiến thức.

3. Thái độ : giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường biển - đảo

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy.....

- Năng lực chuyên biệt: Nhận xét biểu đồ....

4.2- Phẩm chất: yêu đất nước, trung thực, tự tin...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:-Bản đồ vùng biển Việt Nam

-Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.

-Bản đồgiao thông vận tải và du lịch Việt Nam.

\*HS:Dụng cụ học tập, chuẩn bị bài thực hành.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, luyện tập thực hành...

-Kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp với khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi**

- Câu 1: Phát triển tổng hợp Kinh tế biển có ý nghĩa to lớn như thế nào đối với nền kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng?

-Câu 2: Chúng ta cần những phương pháp gì để phát triển giao thông vận tải biển?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

**2. 3.Hoạt động luyện tập**

GV nói rõ yêu cầu của bài thực hành

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài 1**  **Phương pháp luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: động não**  B1:HS Nêu tên các đảo gần bờ và các hoạt động kinh tế thích hợp?  ? Dựa vào bản đồ tự nhiên Việt Nam và lược đồ H 39.2,cho biết các điều kiện tổng hợp để phát triển các ngành kinh tế ở biển- đảo?  **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài 2**  **Phương pháp: dạy học trực quan**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm**  Phân nhóm:  ? Hãy nhận xét tình hình khai thác xuất khẩu dầu thô, nhập khẩu xăng dầu và chế biến dầu khí ở nước ta.  + Phân tích diễn biến của từng đối tượng qua các năm?  + Phân tích mỗi quan hệ giữa các đối tượng?  Các nhóm báo cáo kết quả.  Các cá nhân bổ sung  GV Chuẩn kiến thức và ghi bảng  \* GV: nhấn mạnh việc khai thác và vận chuyển dầu khí cần chú ý tới vấn đề môi trường | Bài tập 1:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Các đảo | Nông Lâm nghiệp | Ngư nghiệp | Du lịch | Dịch vụ biển | | Cát bà | X | X | X | x | | Lí Sơn | X | X |  |  | | Côn đảo | X | X | X | x | | Phú Quốc | X | X | X | x | | Phú Quý | X |  |  |  | | Cô Tô |  | X |  |  | | Cái bầu |  | X | X | x | | Thổ chu |  |  |  | x |   **-Năng lực: năng lực tư duy, nhận xét biểu đồ....**  **Bài tập 2:**  -Nước ta có trữ lượng dầu khí lớn và dầu mỏ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong những năm qua. Sản lượng dầu mỏ không những ngừng tăng.  -Hầu như toàn bộ lượng dầu khai thác dược đều xuất khẩu dưới dạng thô  -> điều đó cho thấy ngành công nghiệp chế biến dầu khí nước ta chưa phát triển là 2 điểm yếu của ngành công nghiệp.  -Nước ta phải nhập một lượng xăng dầu đã chế biến ngày càng lớn và giá cả luôn biến động.  **- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề,**  **- Phẩm chất: yêu đất nước, trung thực, tự tin...** |

**2.4. Hoạt động vận dụng**

-GV: Nhận xét tiết thực hành.

?Em đã rút ra được điều gì sau khi học bài thực hành?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-Em hãy tìm hiểu những thông tin về sự phát triển của công nghiệp dầu khí của nước ta hiện nay?

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Soạn: 5/4/2019 Dạy:

Tuần 32-tiết 49

**ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HƯNG YÊN**

**(Vị trí,điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên)**

I**.Mục tiêu** :Giúp HS

*1.Kiến thức:* Nắm được đặc điểm ý nghĩa của vị trí đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh nhà.

-Nắm được đặc điểm cơ bản của điều kiện tự nhiên và tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

*2.Kĩ năng :-*Biết khai thác lược đồ, bản đồ tự nhiên để xác định đ­ược trên bản đồ vị trí,phạm vi tỉnh H­ưng Yên

*3.Thái độ*

-HS Có thái độ đúng đắn đối với việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phư­ơng.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu quê hương (địa phương, tỉnh nơi em sinh ra và lớn lên),yêu thiên nhiên...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:-Bản đồ hành chính H­ưng Yên

-Một số tranh ảnh về địa lý tự nhiên của tỉnh(Nếu có)

\*HS:- Đồ dùng học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học trực quan, dạy học bằng trò chơi...

-Kĩ thuật: động não, Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kiểm tra bài thực hành

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : gv cho cả lớp chơi trò “thượng đế cần” để tạp không khí vui vẻ bắt đầu tiết học**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1:Hướng dẫn HS mục I**  **Phương pháp dạy học trực quan**  **Kĩ thuật: hỏi đáp, động não**  \*GV treo bản đồ hành chính tỉnh Hưng Yên | I.Vị trí địa lý .phạm lãnh thổ và sự phân chia hành chính.  1Vị trí và lãnh thổ |
| ?HS xác định:  +HƯNG YÊN tiếp giáp các tỉnh, thành phố nào? | => với Hà Nội, Hà Nam, Hải Dương, Thái Bình |
| +HƯNG YÊN nằm ở vị trí nào so với đồng bằng Sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?  ?Vị trí trên có ý nghĩa gì về mặt tự nhiên, kinh tế-xã hội ? | - nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng.  -Nằm giữa vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;nằm cạnh tam giác phát triển Hà Nội -Hải Phòng-Hạ Long(Quảng Ninh).  \*ý nghĩa:  -Tự nhiên mang những nét chung của t­ư nhiên đồng bằng sông Hồng  - Kinh tế-xã hội  +HƯNG YÊN có lợi thế thu hút vốn đầu t­ư ; tiêu thụ hàng hoá; giải quyết viêc làm…  +Gặp nhiều khó khăn khi cạnh tranh với các tỉnh,thành phố phát triển hơn trong khu vực |
| \*Sự phân chia hành chính: GV cung cấp tư liệu cho HS | 2. Sự phân chia hành chính  -HƯNG YÊN thành lập năm 1831(cách đây|2006:175 năm)  -1968 HƯNG YÊN hợp nhất với Hải  D­ương thành tỉnh Hải H­ưng.  -1-1-1997tỉnh Hưng Yên đ­ược táilập  -Hiện nay,HƯNG YÊN có 9 huyện 1 thị xã.  **- Năng lực : Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....** |
| **Hoạt động 2:Hướng dẫn HS mục II**  **Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút...**  **II Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**.  HS làm việc theo nhóm với các nội dung sau: Đặc điểm của các nhân tố tự nhiên:  +Nhóm 1 & 2: địa hình  +Nhóm3 & 4: Khí hậu  +Nhóm 5& 6: Thuỷ văn  +Nhóm 7& 8: Thổ nhưỡng, sinh vật và khoáng sản  \*Đại diện các nhóm lên báo cáo=> HS khác nhận xét, bổ sung | |
| 1. Địa hình  -Địa hình đồng bằng ,cao trung bình 4m,t­ương đối bằng phẳng ,do phù sa sông Hồng bồi đắp.  -Độ nghiêng theo hư­ớng Tây Bắc-Đông Nam :*Cao ở phía tây và bắc,thấp dần về phía đông và nam.*  -Độ cao phân hoá không đều. *Xen giữa vùng cao có chỗ trũng ngập nư­ớc,ở vùng trũng cũng có nơi cao.*  *Sự phân hoá độ cao tuy nhỏ như­ng ảnh sâu sắc đến sự c­ư trú, sự phân hoá thổ nhưỡng và hoạt động sản xuất*  *-Hệ thống đê ven sông Hồng, sông Luộc* | |
| \*GV : kết luận: Nhìn chung, khí hậu có thuận lợi cho trồng trọt và chăn nuôi nhiều loại cây- con có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt.Tuy nhiên,khí hậu tỉnh ta cũng có những mặt hạn chế, nhất là các tai biến thiên nhiên, gây trở ngại cho sản xuất và đời sống | 2.Khí hậu: nhiệt đới gió mùa , ẩm ; có mùa đông lạnh  +Nhiệt độ trung bình: 23,40C  +Lượng mưa trung bình năm: 1800-2200 mm  +Số giờ nắng Trung bình năm: 1730 giờ  Mùa hạ(tháng V-X) gió Đông Nam,nóng, mưa nhiều, thường có bão  Mùa đông(Tháng XI-IV) gió Đông Bắc, lạnh, mưa phùn vào cuối mùa  =>thuận lợi cho nhiều loại cây trồng, vật nuôi nhưng cũng có nhiều tai biến thiên nhiên |
| \*Sông Hồng: dài 67 km, chảy qua phía tây  +Sông Luộc: dài 26 km, chảy qua phía Nam  +Sông Kẻ Sặt: dài 20 km, chảy qua phía Đông  =>Sông Hồng, sông Luộc là sông lớn, có giá trị giao thông vận tải và cung cấp nhiều nước, phù sa cho cây trồng. Sông có lũ lớn về mùa hạ.Từ xưa, nhân dân đã đào đắp hàng trăm km đê để bảo vệ tính mạng và tài sản của mình | 3.Thuỷ văn  -HƯNG YÊN có 2 con sông lớn chảy qua và nhiều sông nhỏ, nhiều nước và phù sa, có lũ lớn vào mùa mưa  -HƯNG YÊN còn có các kênh đào, mương máng lớn nhất là hệ thống đại thuỷ nông Bắc-Hưng –Hải  -HƯNG YÊN có nguồn nước ngầm phong phú |
| \*Đất HƯNG YÊN thuộc loại đất phù sa châu thổ, có 3 loại đất chính:  +Đất phù sa trẻ: chủ yếu thuộc các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ.Đất cát tầng dày, tơi xốp, có thể trồng màu, xen canh gối vụ trừ mùa Mưa  +Đất phù sa không được bồi: Chiếm tỉ lệ 32%(Diện tích đất canh tác của tỉnh), Tập trung nhiều nhất ở Yên Mĩ, Khoái Châu, Văn Giang, Kim Động, Văn Lâm, Tiên Lữ, ân Thi, Mỹ Hào  +Đất chua, bí, tầng đất dày: đất này bao gồm phần diện tích còn lại của các huyện Ân Thi, Phù Cừ, Yên Mĩ, Văn Lâm | 4.Thổ nhưỡng  -Đất trồng tỉnh ta thuộc loại đất phù sa châu thổ, có thể chia thành 3 loại đất chính:  +Đất phù sa trẻ, hàng năm vẫn được sông bồi đắp, phân bố ở ngoài đê  +Đất phù sa không được bồi , màu nâu tươi, trung tính, ít chua.đất có độ phì cao, đạm, lân, tương đối nhiều mùn  =>đất có độ phì cao, giàu đạm, lân, tương đối nhiều mùn, thích hợp với công việc trồng lúa, các loại hoa màu, cây công nghiệp  +Đất chua, ngập nước quanh năm  => Khi sử dụng loại đất này cần khử chua, chống glây hoá và cải tạo thành phần cơ giới |
| \*GV:Gần đây, người ta đã phát hiện ở tầng đất sâu của Đồng bằng sông Hồng có mỏ than nâu với trữ lượng rất lớn.HƯNG YÊNnằm ở giữa vùng mỏ than đó, có nhiều khả năng khai thác than để phát triển công nghiệp trong tương lai không xa | 5.Tài nguyên sinh vật và khoáng sản  -Không có rừng, thực, động vật tự nhiên hầu như không còn do đất đai ở đây đã được khai phá từ lâu đời  -Tài nguyên khoáng sản của HƯNG YÊN rất hạn chế=> một trong những khó khăn trong quá trình công nghiệp hoá của tỉnh  **-Năng lực : Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác...**  **- Phẩm chất: yêu quê hương (địa phương, tỉnh nơi em sinh ra và lớn lên),yêu thiên nhiên...** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

?Hãy chỉ trên bản đồ vị trí, phạm vi tỉnh HƯNG YÊNvà cho biết vị trí của tỉnh ta có ý nghĩa gì đối với sự phát triển kinh tế- xã hội?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tỉnh ta có những thuận lợi và khó khăn đối với việc phát triển kinh tế *?*

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các tư liệu về địa lí tự nhiên của tỉnh Hưng Yên bằng cách vào google tìm kiếm “địa lí tỉnh Hưng Yên”.

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Soạn: 12/4/2019 Dạy:

Tuần 33-tiết 50

**ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HƯNG YÊN (TIẾP)**

**( Dân cư, lao động và kinh tế Hưng Yên)**

**I.Mục tiêu** :Giúp HS

*1.Kiến thức :* +Nắm được đặc điểm cơ bản về gia tăng dân số, kết cấu dân số, phân bố dân cư và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế- xã hội tỉnh HƯNG YÊN

+Nắm được những thành tựu phát triển giáo dục, y tế của tỉnh HƯNG YÊN từ khi tái lập đến nay

+Nắm được một cách khái quát đặc điểm kinh tế tỉnh HƯNG YÊN

*2.Kĩ năng :*Có kĩ năng xử lí, phân tích thông tin về kinh tế- xã hội để rút ra nhận xét cần thiết

*3.Thái độ: giáo dục HS có ý thức học tập tốt*

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu con người, yêu quê hương...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:+Bản đồ tỉnh HƯNG YÊN

\*HS:- Đồ dùng học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học trực quan...

-Kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : kết hợp với khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi: thi ai nhanh hơn**

?Hãy chỉ trên bản đồ vị trí, phạm vi tỉnh HƯNG YÊN và cho biết vị trí của tỉnh ta có ý nnghĩa gì đối với sự phát triển kinh tế- xã hội?

?Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tỉnh ta có những thuận lợi và khó khăn đối với việc phát triển kinh tế *?*

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động I:H**  **ướng dẫn HS mục I**  **Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút**  \*Lớp chia thành 8 nhóm thảo luận :2 nhóm một vấn đề  +Gia tăng dân số  +Nguồn lao động  +Phân bố dân cư và lao động  +Tình hình phát triển giáo dục và y tế  \*Lớp thảo luận=> GV chốt và bổ sung | I.Dân cư và lao động |
| -GV:  +Tốc độ gia tăng tự nhiên đang giảm xuống: 2,09%(1990) 1,61%(1995); 1,14%(1999) | 1.Gia tăng dân số  -Số dân: 1068750 người(Năm 1999) => xếp thứ 27 /64 tỉnh, thành phố của cả nước  -Tốc độ gia tăng tự nhiên đang giảm xuống  =>Cần tiếp tục đảy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, không sinh con thứ 3 |
| +Nguồn lao động khá dồi dào: Năm1995: 62 vạn người  Tỉ lệ Lao động đã qua đào tạo còn rất thấp: 16%(1995) | 2.Nguồn lao động  -Nguồn lao động khá dồi dào  -Tỉ lệ lao động qua đào tạo còn rất thấp  -Cơ cấu sử dụng lao động chưa phát triển |
| -Phân bố dân cư khá đồng đều giữa các huyện:Thị xã HƯNG YÊNcó 2055 người/Km2; Khoái Châu có 1363 người/ Km2; Phù Cừ có 925 người/ Km2  -Tỉ lệ cư dân thành thị rất thấp => phản ánh trình độ công nghiệp hoá tỉnh ta vào loại thấp nhất cả nước | 3.Phân bố dân cư và lao động  -HƯNG YÊN có mật độ dân số cao: 1214 người/Km2 => đứng thứ 4 trong cả nước, sau Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình)  -Phân bố dân cư khá đồng đều giữa các huyện  -Tỉ lệ dân cư thành thị rất thấp(Năm 1999: 9%-cả nước: 23,5%)%) |
| -Ngành y tế cũng được phát triển mạnh, mạng lưới bệnh viện, trạm xá phủ khắp các huyện, thị cùng đội ngũ bác sĩ, y tá đông đảo bảo đảm việc chăm sóc sức khoẻ và chữa bệnh cho nhân dân | 4.Thành tựu phát triển giáo dục y tế  -Sự nghiệp giáo dục và đào tạo rất được chú trọng  -Ngành y tế cũng được phát triển mạnh  **-Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác, Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....** |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**  Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề  Kĩ thuật: hỏi đáp, động não...  ? Tìm hiểu đặc điểm chung của kinh tế Hưng Yên? | **II.Kinh tế Hưng Yên**  1.Đặc điểm chung  -Xuất phát điểm về kinh tê-xã hội còn thấp, tốc độ phát triển kinh tế chưa cao, cơ sở vạt chất kĩ thuật còn nghèo nàn, kết cấu hạ tầng còn thấp kém  -Từ khi tái lập tỉnh, HƯNG YÊNđang nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển  -Về cơ bản , vẫn còn là tỉnh nông nghiệp  -HƯNG YÊN đang phấn đấu trở thành tỉnh công-nông nghiệp phát triển  **Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

?Nêu đặc điểm tình hình tăng dân số của HƯNG YÊN?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

?Đặc điểm dân cư xã hội của HƯNG YÊNcó những thuận lợi, khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm các tư liệu bằng cách vào google tìm kiếm “ địa lí dân cư và kinh tế của tỉnh Hưng Yên” để mở rộng hiểu biết của mình

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Nguyễn Thị Minh Loan

Soạn: 19/4 /2019 Dạy:

Tuần 34-tiết 51

**ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HƯNG YÊN(TIẾP)**

( Các ngành kinh tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường, phương

hướng phát triển kinh tế)

I**.Mục tiêu** :Giúp HS Nắm được

*1.Kiến thức :* +Tình hình phát triển và phân bố các ngành kinh tế của tỉnh HƯNG YÊN từ khi tái lập tỉnh đến nay

+Nhận biết những dấu hiệu suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường ở địa phương.Đề xuất được những biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường

+Nắm được phương hướng phát triển kinh tế của tỉnh trong thời gian tới

*2.Kĩ năng :-Biết khai thác được bảng số liệu, lược đồ, bản đồ kinh tế*

-Có kĩ năng thu thập , xử lí thông tin về kinh tế và môi trường

*3.Thái độ – Giáo dục HS có ý thức học tập tốt*

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ....

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: yêu tài nguyên môi trường quê hương...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

\*GV:Bản đồ kinh tế HƯNG YÊN; Một số tranh ảnh về các hoạt động kinh tế

\*HS:- Đồ dùng học tập

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề , phương pháp dạy học trực quan...

-Kĩ thuật:Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : Kết hợp với khởi động

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : thi ai nhanh hơn**

?Nêu đặc điểm tình hình tăng dân số của HƯNG YÊN?

?Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của HƯNG YÊNcó những thuận lợi, khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế?

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục I**  **Phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút**  I.Các ngành kinh tế  \*Thảo luận nhóm : mỗi nhóm nghiên cứu một ngành: công nghiệp; nông nghiệp; dịch vụ | |

|  |  |
| --- | --- |
| *?Sự phát triển của ngành đó trước khi tái lập tỉnh?*  *?Sự phát triển của ngành* *đó sau khi tái lập tỉnh?*  (\*công nghiệp -Xây dựng:  +Năm1996 :chiếm 15% trong GDP  +Sau khi tái lập: tốc độ tăng bình quân 26,7%/ năm  tỉ trọng công nghiệp /GDP: 38%(2005)  -Xí nghiệp chế biến đồ hộp: sản lượng >700 tấn(1997)  - Xí nghiệp đay(bao tải): sản lượng: > 1,1 triệu bao tải(1998)  -Các Xí nghiệp may xuất khẩu ở Thị xã HƯNG YÊN và Phố Nối: đạt > 3,2 triệu sản phẩm  -Trong tương lai gần (trước 2020) công nghiệp sẽ trở thành ngành kinh tế chủ đạo của tỉnh với tỉ trọng 47%/GDP | 1.Công nghiệp- xây dựng  -Trước khi tái lập, công nghiệp rất nhỏ bé  -Sau khi tái lập, công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, tỉ trọng công nghiệp trong GDP ngày càng lớn  -Cơ cấu công nghiệp:  +Hầu hết các cơ sở công nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh  +Các ngành công nghiệp chủ yếu: chế biến nông sản, hàng tiêu dùng:Xí nghiệp chế biến đồ hộp xuất khẩu(nhãn, vải…); đay-bao ở thị xã HƯNG YÊN;; Xí nghiệp chế biến thịt đông lạnh mới xây ở Kim Động  \*các xí nghiệp may xuất khẩu với công nghệ hiện đại,tập trung ở thị xã HƯNG YÊN, Phố Nối  \*Các cơ sở sản xuất bia, bánh kẹo, mì ăn liền, tập trung ở khu vực Thị xã HƯNG YÊN, Phố Nối  \*Các ngành công nghiệp mới: các cơ sỏ lắp ráp và sản xuất các mặt hàng cao cấp như: ôtô, xe may, luyện thép, điện tử, điện lạnh…tại Phố Nối, Như Quỳnh.  \*Các ngành tiểu thủ công nghiệp: xay xát gạo, đóng gạch ngói, gốm sứ, thêu ren  -Đến năm 2020, công nghiệp sẽ trở thành ngành Kinh tế chủ đạo của tỉnh |

|  |  |
| --- | --- |
| \* Nông nghiệp -Ngư nghiệp: Sau khi tái lập: tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân 5,2%, Trồng trọt tăng 5, 19%; chăn nuôi tăng 9, 38%=> bình quân lương thực luôn giữ ổn định ở mức 480kg/người/ năm  -Ngành trồng trọt:  +Lúa: là cây Lương thực chiếm địa vị trọng yếu cả về diện tích và sản lượng. Năm1999: diện tích trồng lúa 9 vạn ha; năng suất 55 tạ/ ha; Sản lượng đạt 49,3 vạn tấn=> các vùng trọng điểm Sản xuất lúa năng suất cao ở các huyện: Khoái Châu, Văn Giang, Kim Động, …  +Cây Ngô được trồng ở các nơi có đất phù sa, cao ráo thuộc Kim Động, Tiên Lữ, Yên Mĩ…  +Cây Công nghiệp, cây ăn quả, rau, cây dược liệu, hoa, cây cảnh được trồng ở nhiều nơi, mạng lại thu nhập đáng kể.nhãn là cây ăn quả nổi tiếng có giá trị xuất khẩu  -Ngành chăn nuôi- thuỷ sản:  +Năm1999 có 28,9 nghìn con bò; 37,2 vạn con lợn; 4,2 triệu con gia cầm=> chương trình nạc hoá đàn lợn, sin hoá đàn bò, nuôi bò sữa đang phát huy hiệu quả  +Thuỷ sản: Năm1997 có 3160 ha với Sản lượng 5750 tấn , thu 45,8 tỉ đồng | 2.Nông nghiệp- ngư nghiệp  -Trước khi tái lập, Nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh( Năm1996: Nông nghiệp chiếm 60% GDP)=>Sau khi tái lập đến nay, Nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hoá theo nhu cầu của thị trường  -Cơ cấu ngành Nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng các cây Lương thực, tăng nhanh giá trị cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi  \*Các ngành Nông nghiệp:  -Ngành trồng trọt:  +Lúa: Năm 1999: diện tích trồng lúa là 9 vạn ha; năng suất 55 tạ/ ha; sản lượng là 49,3 vạn tấn=> hình thành các vùng trọng điểm Sản xuất lúa năng suất cao  +Ngô: Năm 1999: 30,4 tạ/ha; Sản lượng là 30,7 nghìn tấn  +Cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, cây dược liệu, cây cảnh  -Ngành chăn nuôi-thuỷ sản  +Chăn nuôi(trâu, bò, lợn, gia cầm) đang được coi trọng, từng bước trở thành ngành chính và phát triển theo hướng công nghiệp hoá  +Thuỷ sản: có những bước phát triển mới, tăng nhanh cả diện tích và sản lượng |

|  |  |
| --- | --- |
| \*Dịch Vụ  -Giao thông vận tải: Ngoài 2 tuyến đường chính trên, HƯNG YÊN còn có các tỉnh lộ: đường 38; đường 200; 204, 205…cùng các đưòng liên xã, liên thôn đã được rải nhựa, bê tông phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân  -Ngoại thương:  +Năm 1997: kim ngạch Xuất khẩu đạt 22,2 triệu USD -> Năm 2005: kim ngạch Xuất khẩu đạt 210 triệu USD  -Du lịch: Dự kiến đến từ năm 2010, HƯNG YÊNcó khả năng thu hút 25-30 nghìn lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 1/3 là khách nước ngoài, doanh thu từ 2,5- 3 triệu USD mỗi năm | 3.Dịch vụ  a. Giao thông vận tải  -Đường ôtô  +Quốc lộ 5: dài 23 km, nối HƯNG YÊN với khu tam giác phát triển Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh  + Quốc lộ 39, từ Phố Nối đi Triều Dương, dài 44 km, nối HƯNG YÊN với Quốc lộ 10, đi Hải Phòng, Thái Bình  -Đường sông: HƯNG YÊN có 67 km sông Hồng và sông Luộc-26 Km  -Đường sắt : tuyến đường sắt Hà Nội-Hải Phòng chạy qua HƯNG YÊN có độ dài 22Km: ga Lạc Đạo, Tuấn Lương  b.Thương mại  -Nội thương  + HƯNG YÊN chú trọng nhập và lưu thông các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống  +Xuất sang các tỉnh vùng Bắc Bộ các mặt hàng như lương thực thực phẩm, hoa quả, cây cảnh, dược liệu…  +Hình thành 3 trung tâm thương mại: Thị xã HƯNG YÊN, Phố Nối, Như Quỳnh  -Ngoại thương  +HƯNG YÊN phát triển một số hàng chủ lực như: hàng may mặc, túi siêu thi, nông sản, kẹo bọc đường…  +Giá trị hàng xuất khẩu khô  -Du lịch theo hướng liên kết với hệ thống Du lịch của vùng Bắc Bộ, khai thác lễ hội truyền thống  +Mở tuyến Du lịch đường sông HƯNG YÊN- Hà Nội; trùng tu cụm di tích Phố Hiến-Thị xã HƯNG YÊN- Đa hoà, Dạ Trạch(Khoái Châu)  +Nâng cấp và Xây dựng thêm các cơ sở hạ tầng  d.Các lĩnh vực khác : Tài chính, tín dụng, ngân hàng, bưu chính viễn thông… đều có những bước phát triển khá  **-Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng bản đồ ....** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục II**  **Phương pháp: dạy học trực quan**  **Kĩ thuật: thảo luận nhóm**  \*GV chia các nhóm điều tra thực trạng, nguyên nhân suy giảm tài nguyên, môi trường. đề ra biện pháp khắc phục:  +Nhóm1: Tài nguyên đất  +Nhóm 2: Tài nguyên nước  +Nhóm 3: Tài nguyên không khí  =>Các nhóm thảo luận trong 3 phút=>báo cáo và thảo luận cả lớp=> GV chốt chuẩn  **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục *III***  **Phương pháp: giải quyết vấn đề**  **Kĩ thuật: động não, vấn đáp**  \*?Nêu mục tiêu phát triển kinh tế của HƯNG YÊN?Mục tiêu chủ yếu là gì?  => GV gợi ý, định hướng HS tìm hiểu | II.Bảo vệ tài nguyên và môi trường  1.Những dấu hiệu suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường  -Tài nguyên đất:  +Lấn chiếm đất công để làm nhà ở  +Đào khoét đất bừa bãi để đóng gạch, ngói…  +Thải nước bẩn (do sinh hoạt, sản xuất..)làm ô nhiễm đất, ao, hồ  -Tài nguyên nước:  +Nước ao, hồ có màu đen, nâu; cá tôm chết hàng loạt  +Nước sông, kênh, mương có màu đen, mùi hôI thối do nước thải từ nhà máy, làng nghề, khu dân cư  -Tài nguyên không khí:  +Không khí bị nhiễm bẩn do khói lò gạch, ngói đặt gần khu dân cư; do khí thải của nhà máy, do phun thuốc phòng trừ sâu bệnh  +Không khí thường xuyên bị nhiễm bụi, khói do hoạt động giao thông  2.Các biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường  -Chính quyền nghiêm cấm và xử lí nghiêm những người cố ý lấn chiếm, đào khoét đất bừa bãi  -Quy định nơi tập kết và xử lí rác, nước thải  -Các nhà máy, làng nghề, hộ gia đình… phải có biện pháp xử lí chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường  -thay thế dần, tiến tới cấm các phương tiện giao thông thải nhiều khói  -Sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học  -Tích cực trồng nhiều cây xanh làm cho không khí trong lành  **- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....**  **-Phẩm chất: yêu tài nguyên môi trường quê hương...**  **III.Mục tiêu phát triển kinh tế của HƯNG YÊN**  1.Mục tiêu chung  -Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đạt mức tăng trưởng kinh tế cao, bền vững  -Phấn đấu đưa HƯNG YÊN trở thành tỉnh khá trong cả nước, tỉnh Công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại trước 2020  2.Mục tiêu chủ yếu  -Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 13,5%, trong đó Công nghiệp tăng >25%, Nông nghiệp tăng 5%, Dịch vụ tăng 16%  -Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp -Xây dựng 47%; Nông nghiệp 20%; Dịch vụ 33%  -Thu nhập bình quân 18,6 triệu đồng(1200 USD/ người/ năm)  **- Năng lực giải quyết vấn đề** |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

? Nêu đặc điểm phát triển, phân bố Công nghiệp, nông nghiệp HƯNG YÊN?

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Em hãy chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong sự phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên hiện nay?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

-HS tìm hiểu các tư liệu bằng cách vào google đánh tìm kiếm “ sự phát triển của kinh tế Hưng Yên hiện nay”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày tháng năm 2019

Soạn:26/4/2019 Dạy:

Tuần 35-tiết 52

**ÔN TẬP HỌC KÌ**

**I.MỤC TIÊU: HS cần**

*1.Kiến thức*: ôn tập kiến thức về địa lí dân cư & địa lí kinh tế Việt Nam và các vùng lãnh thổ, đặc biệt là vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long ; Địa lí địa phương tỉnh Hưng Yên

*2.Kĩ năng*:-Rèn kĩ năng quan sát, nhận xét và giải thích biểu đồ; kĩ năng đọc & phân tích bảng số liệu;kĩ năng vẽ biểu đồ

*3.Thái độ:*Có ý thức học tốt ;liên hệ nội dung bài học để tìm hiểu và lí giải những vấn đề thức tiễn về dân cư & kinh tế Việt Nam

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1**-** Năng lực

-Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....

4.2- Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, năng động sáng tạo...

II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. GV : giáo án...

2. HS:ôn tập từ bài 30 đến bài 44

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

-Phương pháp: phương pháp dạy học dùng sơ đồ tư duy, dạy học theo dự án..

-Kĩ thuật: động não, Thảo luận nhóm, .kĩ thuật trình bày một phút...

IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

**1.Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm tra sĩ số

\*Kiểm tra bài cũ : *(Kiểm tra vở bài tập của HS)*

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

***2.1. Khởi động***

**Phương pháp trò chơi : gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thượng đế cần” để tạo không khí vui vẻ bắt đầu tiết học**

***2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS hệ thống hóa kiến thức đã học trong kì II**  **Phương pháp sơ đồ tư duy, dạy học theo dự án...**  **Kĩ thuật: động não, trình bày 1 phút**  GV giao về nhà cho HS làm từ trước: sơ đồ hóa nội dung các câu hỏi  ? Nêu đặc điểm vị trí địa lí vùng Đông Nam Bộ  ? Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng đối với sự phát triển kinh tế –xã hội?  ? Nêu các đặc điểm tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long?  ? Vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận nào?  ?.Chứng minh rằng nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển?  ? Nêu thực trạng giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển - đảo ở nước ta. Nguyên nhân của thực trạng trên? | I.Vùng Đông Nam Bộ:  1. Vị trí  - Diện tích 23 550Km2  - Gồm Thành Phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu  2. giới hạn  - Phía Tây và Tây Bắc tiếp giáp Cam Pu Chia  - Phía Tây Nam tiếp giáp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long  - Phía Đông Nam là biển Đông  - Phía Đông và Đông Bắc tiếp giáp vùng tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Vùng gần trung tâm khu vực Đông Nam Á  =>Là chiếc cầu nối giữa tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng Sông Cửu Long giữa đất liền với Biển Đông => giao lưu buôn bán với các vùng trong nước, trong khu vực và trên thế giới.  II.Vùng đồng bằng sông Cửu Long:  1. Sông ngòi:  -Hạ lưu sông Mê Công  -Hệ thống kênh rạch chằng chịt  => Giá trị kinh tế  Cung cấp nước trong mùa khô;Có nguồn cá và thuỷ sản phong phú;Bồi đắp phù sa hàng năm  Là tuyến đường thuỷ quan trọng của các tỉnh phía nam và các nước tiểu vùng sông Mê Công  2.Tài nguyên đất: Có 4 loại đất chính  3. Khí hậu: Cận xích đạo nóng ẩm quanh năm biên độ nhiệt nhỏ . . . rất thích hợp cho sự phát triển cây trồng và vật nuôi.  4 .Sinh vật: Rất đa dạng (Trên cạn, dưới nước)  5.Rừng: Chủ yếu là rừng ngập mặn  6.Khoáng sản: rất ít  7. Biển và hải đảo:  -Thềm lục địa nông rộng. Nước ấm quanh năm  -Có nhiều đảo và quần đảo  \* Khó khăn  -Cải tạo và sử dụng hợp lí các loại đất (Phèn và Mặn)  -Lũ lụt về mùa mưa  -Thiếu nước ngọt cho sinh hoạt và sản suất trong mùa khô.  -Nguy cơ đất ngập mặn vào sâu trong nội địa.  III. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đảo.  \*Vùng biển nước ta bao gồm:  -Vùng nội thuỷ.  -Vùng lãnh hải.  -Vùng tiếp giáp lãnh hải.  -Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  \* Chứng minh  -Vùng biển rộng với nguồn hải sản phong phú, có giá trị kinh tế, giá trị xuất khẩu; bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, đầm phá… phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thuỷ sản  -Biển muối => Nghề làm muối. Dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa, các bãi cát ở dọc bờ biển => khai thác và chế biến khoáng sản.  - Dọc bờ biển từ bắc vào nam có nhiều bãi cát rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt; nhiều đảo ven bờ có phong cảnh kì thú, hấp dẫn khách du lịch => phát triển du lịch biển – đảo và ven biển.  - Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường quốc tế quan trọng; ven biển có nhiều vũng, vịnh, cửa sông để xây dựng cảng biển => phát triển giao thông vận tải biển  \*Thực trạng.  + Sự giảm sút tài nguyên biển thể hiện ở việc giảm nhanh diện tích rừng ngập mặn; cạn kiệt nhiều loài hải sản, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng.  + Ô nhiễm môi trường biển => nhiều vùng biển bị xuống cấp.  Nguyên nhân:  + Khai thác bừa bãi quá mức, cháy rừng => suy giảm tài nguyên.  + Các chất thải từ trên bờ, hoạt động giao thông trên trên biển biển, khai thác dầu khí=> ô nhiễm môi trường biển.  **- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, giao tiếp, Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ ....** | |
| \*Bài tập về nhà  \*.Các vùng lãnh thổ(HS hoàn thành nội dung ôn về các vùng lãnh thổ đã học theo bảng )   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Nộidung  Vùng | Vị trí, giới hạn | Điều kiện tự nhiên và Tài nguyên thiên nhiên | Điều kiện kinh tế-xã hội | Tình hình Phát triển kinh tế | Các trung tâm kinh tế của vùng | | Trung du và miền núi Bắc Bộ | -Gồm các tỉnh:  -Diện tích:  -Dân số:  -đặc điểm vị trí địa lí của vùng | -Thuận lợi  -Khó khăn: | -Đặc điểm dân cư, lao động:  -Chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội: khá cao | -Ngành nông nghiệp  -Ngành công nghiệp  -Ngành dịch vụ | -Tên  -Vai trò | | Bắc Trung Bộ | -Gồm các tỉnh:  -Diện tích:  -Dân số:  -đặc điểm vị trí địa lí của vùng |  |  |  |  | | Duyên hải Nam Trung Bộ |  |  |  |  |  | | Đồng bằng sông Hồng |  |  |  |  |  | | Tây Nguyên |  |  |  |  |  | | Đông Nam Bộ |  |  |  |  |  | | Đồng bằng sông Cửu Long |  |  |  |  |  | | Tỉnh Hưng Yên | -Gồm các thuyện:  -Diện tích:  -Dân số:  -đặc điểm vị trí địa lí của vùng |  |  |  |  |   **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS luyện tập**  **Phương pháp: luyện tập thực hành**  **Kĩ thuật: Hoạt động cá nhân**  ?Yêu cầu HS nêu các bước làm 1 bài vẽ biểu đồ và nhận xét ,giải thích?(5 bước)  GV hướng dẫn HS làm các bài tập luyện kĩ năng ở cuối các bài từ bài 30 đến bài 44?về các vấn đề thuộc địa lí dân cư & địa lí kinh tế, địa lí vùng lãnh thổ  **- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy**  **- Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, năng động sáng tạo...** | |

**2.3.Hoạt động luyện tập**

-GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập trong đã cho

**2.4. Hoạt động vận dụng**

**?**Em rút ra được bài học gì từ bài ôn tập vừa rồi?

**2.5.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

**-HS** sưu tầm các bảng hệ thống hóa kiến thức về các nội dung đã học ở kì II

+Ôn tập từ bài 31-> 43 tiết sau thi học kì

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đã kiểm tra, ngày

Nguyễn Thị Minh Loan

Soạn: 1 /5 /2019 Dạy:

**Tuần 36-tiết 53**

**KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhằm đánh giá lại quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học kiến thức địa lí ở học kì II, để từ đó tìm ra các biện pháp phù hợp với đặc thù bộ môn và đối tượng HS

**2. Kĩ năng**

- HS Rèn luyện kỹ năng phân tích lược đồ, vẽ biểu đồ, tính toán số liệu, nhận xét và giải thích các số liệu địa lí .

**3. Thái độ:**giáo dục HS ý thức học tập nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra.

**4.Năng lực, phẩm chất:**

4.1 Năng lực

-Năng lực chung:giải quyết vấn đề, năng lực tư duy,phát triển ngôn ngữ...

-Năng lực riêng: vẽ nhận xét biểu đồ....

-Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, trung thực

**II.YÊU CẦU ĐỀ KIỂM TRA**

-Đề ra trong phạm vi kiến thức cơ bản của chương trình học, phù hợp với HS đại trà & có câu hỏi nâng cao dành cho HS khá giỏi

-Đề bài: 20 câu trắc nghiệm (5 điểm) và 5 điểm tự luận (50% trắc nghiệm+50% tự luận)

**III. MÔ TẢ, TRỌNG SỐ VÀ MA TRẬN**